Phụ lục I

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG: THCS LÊ LỢI  **TỔ: XÃ HỘI II** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: GDTC, LS&ĐL, NT, GDĐP, GDCD**

**(Năm học 2024- 2025)**

**1. Đặc điểm tình hình**

1.1. Số lớp: 15; Số học sinh: 660 em

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:09; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 2; Đại học: 6; Trên đại học: 1.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):Tốt: 07; Khá: 2; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

**\* MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT:**

1.3. Thiết bị dạy học:(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Còi | 02 cái | Dùng cho dạy học |  |
| 2 | Bộ tranh/ảnh về các kỹ thuật trong GDTC lớp 6,7,8,9 | 02 bộ | Quan sát đặc điểm cơ bản của thể loại tranh theo chủ đề |  |
| 3 | Bộ tranh/ảnh về các loại thức ăn và vệ sinh trong thể thao | 02 bộ | Tìm hiểu về kiến thức thể thao và vệ sinh thể thao. |  |
| 4 | Giày, đồng phục | 04 bộ | Dùng cho dạy học |  |
| 5 | Bộ dụng cụ dành cho môn chạy cự li ngắn. | 2 bộ | Chạy cự li ngắn |  |
| 6 | Bộ dụng cụ dành cho môn chạy cự li trung bình | 2 bộ | Chạy cự li trung bình |  |
| 7 | Bộ dụng cụ dành cho môn ném bóng | 2 bộ | Ném bóng |  |
| 8 | Bộ dụng cụ dành cho môn TTTC, trụ và 8 quả bóng | 2 bộ | TTTC( bóng rổ) |  |
| 9 | Bộ tranh/ ảnh lớp 6,7,8,9 về bài TD phát triển chung | 4 bộ | Quan sát đặc điểm cơ bản của thể loại tranh theo chủ đề |  |
| 10 | Bộ xà, nẹm nhảy cao | 1 bộ | Nhảy cao |  |

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Sân tậpTDTT | 01 | Dùng học các môn thực hành thể thao |  |

**2. Kế hoạch dạy học GDTC 6**

2.1. Phân phối chương trình:

**Năm học 2024- 2025**

|  |  |
| --- | --- |
| Cả năm | 35 tuần (70 tiết) |
| Học kỳ I | 18 tuần (36 tiết) |
| Học kỳ II | 17 tuần (34 tiết) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phần** | **Chủ Đề** | | ***Số tiết*** |
| ***Tên chủ đề*** | ***Số bài*** |
| ***1*** | **Kiến Thức Chung** | Chế dộ dinh dưỡng trong luyện tập TDTT | 0 | 0  *(Lồng ghép vào các tiết học)* |
| ***2*** | **Vận Động Cơ Bản** | *Chủ đề 1:* Chạy cự ly ngắn (60m) *(CCLN)* | 4 | 10 |
| *Chủ đề 2:* Ném bóng | 3 | 14 |
| *Chủ đề 3:* Chạy cự ly trung bình *(CCLTB)* | 3 | 8 |
| *Chủ đề 4:* Bài Tập Thể Dục *(BTTD)* | 3 | 7 |
| ***3*** | **Thể Thao Tự Chọn *(TTTC)*** | *Chủ đề :* Bơi lội | 3 | 24 |
| ***Kiểm tra đánh giá*** | | | | ***7*** |
| **Tổng cộng** | | | | **70** |

| **Tuần** | **Tiết** | **Chủ đề** | **Tên bài** | **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ 1** | | | | | |
| ***1*** | *1* | **Ném Bóng** | ***Các động tác bổ trợ kĩ thuật ném bóng*** | Cách cầm bóng, tung và bắt bóng bằng một tay, hai tay. | Nhận biết được các động tác bổ trợ và cách luyện tập: cầm bóng và bắt bóng bằng hai tay. Biết cách giữ an toàn trong luyện tập. |
| *2* | **Chạy cự li trung bình** | ***Các động tác bổ trợ kĩ thuật chạy cự li trung bình*** | - Các động tác bổ trợ: Đi, chạy thở sâu theo nhịp đơn, nhịp kép; chạy theo đường hình số tám.  - Trò chơi phát triển sức bền (do GV chọn) | - Nhận biết được các động tác bổ trợ và biết cách luyện tập: Đi, chạy thở sâu theo nhịp đơn, nhịp kép; chạy theo đường hình số tám.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***2*** | *3* | **Ném Bóng** | ***Các động tác bổ trợ kĩ thuật ném bóng*** | - Hai tay phối hợp tung và bắt bóng.  - Ôn tung và bắt bóng bằng một tay, hai tay  - Trò chơi phát triển sức mạnh tay-ngực. | - Nhận biết được các động tác KT bổ trợ và cách luyện tập: Hai tay phối hợp tung và bắt bóng.  - Thực hiện được động tác tung và bắt bóng bằng một tay, hai tay.  - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| *4* | **Chạy cự li trung bình** | ***Các động tác bổ trợ kĩ thuật chạy cự li trung bình*** | - Các động tác bổ trợ: Chạy theo đường dích dắc, chạy luồn cọc.  - Trò chơi chuyền bóng nhanh qua 2 chân. | - Nhận biết được các động tác bổ trợ và biết cách luyện tập: Chạy theo đường dích dắc, chạy luồn cọc.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***3*** | *5* | **Ném Bóng** | ***Các động tác bổ trợ kĩ thuật ném bóng*** | - Ném bóng bằng một tay trên cao.  - Ôn động tác hai tay phối hợp tung và bắt bóng.  - Trò chơi đội nào ném bóng xa hơn. | - Nhận biết được các động tác bổ trợ và biết cách luyện tập: Ném bóng bằng một tay trên cao.  - Thực hiện được động tác hai tay phối hợp tung và bắt bóng.  - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| *6* | **Chạy cự li trung bình** | ***Chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng*** | - KT chạy giữa quãng trên đường thẳng.  - Trò chơi phát triển sức bền (do Gv chọn). | - Nhận biết và thực hiện được KT chạy giữa quãng trên đường thẳng.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***4*** | *7* | **Ném Bóng** | ***Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng*** | - Kỹ thuật ra sức cuối cùng.  - Ôn kĩ thuật ném bóng bằng một tay trên cao.  - Trò chơi con sâu đo. | - Nhận biết được KT và cách luyện tập ra sức cuối cùng, biết cách giữ an toàn cho bản thân và người tập.  - Thực hiện được kỹ thuật ném bóng bằng một tay trên cao.  - Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| *8* | **Chạy cự li trung bình** | ***Chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng*** | - KT chạy giữa quãng trên đường vòng.  - Ôn KT chạy giữa quãng trên đường thẳng.  - Trò chơi ai nhảy dây nhiều hơn. | - Nhận biết và thực hiện được KT chạy giữa quãng trên đường vòng.  - Biết cách thực hiện KT chạy giữa quãng trên đường thẳng.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***5*** | *9* | **Ném Bóng** | ***Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng*** | Ôn kĩ thuật ra sức cuối cùng. | - Thực hiện được kỹ thuật ra sức cuối cùng  - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập. |
| *10* | **Chạy cự li trung bình** | ***Chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng*** | - Ôn KT chạy giữa quãng trên đường thẳng, vòng.  - Một số điều luật cơ bản trong thi đấu Điền Kinh. | - Thực hiện được KT chạy giữa quãng trên đường thẳng, vòng.  - Biết được một số điều luật cơ bản trong thi đấu Điền Kinh. |
| ***6*** | *11* | **Ném Bóng** | ***Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng*** | - Kỹ thuật giữ thăng bằng.  - Ôn kĩ thuật ra sức cuối cùng.  - Trò chơi phát triển sức mạnh tay-ngực. | - Nhận biết được KT và cách luyện tập KT giữ thăng bằng.  - Thực hiện được kỹ thuật ra sức cuối cùng  - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| *12* | **Chạy cự li trung bình** | ***Xuất phát, tăng tốc độ sau xuất phát và chạy về địch*** | - KT xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát.  - Trò chơi phát triển sức bền (do GV chọn) | - Có nhận biết ban đầu về hình thái, cách thực hiện KT xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***7*** | *13* | **Ném Bóng** | ***Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng*** | Ôn kĩ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng. | Thực hiện được kỹ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng. Biết cách giữ an toàn cho bản thân và người tập. |
| *14* | **Chạy cự li trung bình** | ***Xuất phát, tăng tốc độ sau xuất phát và chạy về đích*** | - KT chạy về đích.  - Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình.  - Ôn KT xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát.  - Một số điều luật cơ bản trong thi đấu điền kinh. | - Nhận biết và thực hiện được KT chạy về đích. Biết cách phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình.  - Thực hiện được KT xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát.  - Biết được một số điều luật cơ bản trong thi đấu điền kinh. |
| ***8*** | *15* | **Ném Bóng** | ***Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng*** | - Ôn kĩ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng.  - Trò chơi phát triển sức mạnh tay-ngực. | - Thực hiện được kĩ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng. Biết cách giữ an toàn cho bản thân và người tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| *16* | **Chạy cự li trung bình** | ***Xuất phát, tăng tốc độ sau xuất phát và chạy về địch*** | - Ôn KT các giai đoạn chạy cự li trung bình.  - Trò chơi nhảy bao bố. | - Thực hiện được KT cách phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***9*** | *17* | **Ném Bóng** | ***Chuẩn bị chạy đà và chạy đà*** | - Kỹ thuật tư thế chuẩn bị chạy và chạy đà.  - Trò chơi đẩy gậy. | - Nhận biết được KT và biết cách luyện tập tư thế chuẩn bị chạy và chạy đà.  - Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| *18* | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I (CCLTB)** | | |  |
| ***10*** | *19* | **Ném Bóng** | ***Chuẩn bị chạy đà và chạy đà*** | - Ôn kĩ thuật bị chạy và chạy đà. | - Thực hiện được kỹ thuật tư thế chuẩn bị chạy và chạy đà  - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập. |
| *20* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục liên hoàn*** | Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 11. | Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện từ nhịp 1-11. |
| ***11*** | *21* | **Ném Bóng** | ***Chuẩn bị chạy đà và chạy đà*** | - Ôn kĩ thuật chuẩn bị chạy đà và chạy đà.  - Ôn các giai đoạn trong ném bóng | - Thực hiện được kỹ thuật chuẩn bị chạy đà và chạy đà.  - Biết cách phối hợp các giai đoạn ném bóng.  - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập. |
| *22* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục liên hoàn*** | ***-*** Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 11.  - Trò chơi đi qua dây. | - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và tranh ảnh.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***12*** | *23* | **Ném Bóng** | ***Chuẩn bị chạy đà và chạy đà*** | - Ôn kĩ thuật chuẩn bị chạy đà và chạy đà.  - Ôn các giai đoạn trong ném bóng | - Thực hiện được kỹ thuật chuẩn bị chạy đà và chạy đà.  - Phối hợp được các giai đoạn ném bóng.  - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập. |
| *24* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục liên hoàn*** | - Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 12 đến nhịp 23.  - Ôn bài thể dục liên hoàn các nhịp đã học. | - Nhận biết được động tác từ nhịp 12- 23 và biết cách thực hiện từ nhịp 1- 23.  - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu |
| ***13*** | *25* | **Ném Bóng** | ***Chuẩn bị chạy đà và chạy đà*** | - Ôn các giai đoạn ném bóng.  - Một số luật cơ bản trong thi đấu ném bóng. | - Phối hợp được các giai đoạn ném bóng.  - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.  - Biết được một số luật cơ bản trong thi đấu ném bóng. |
| *26* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục liên hoàn*** | - Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 23.  - Trò chơi chuyển vòng. | - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu từ nhịp 1- 23. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***14*** | *27* | **Ném Bóng** | ***Chuẩn bị chạy đà và chạy đà*** | Ôn các giai đoạn ném bóng | - Thực hiện được kỹ thuật các giai đoạn ném bóng.  - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập. |
| *28* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục liên hoàn*** | - Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 24 đến nhịp 30.  - Ôn BTD liên hoàn các nhịp đã học. | - Nhận biết được KT các động tác từ nhịp 24- 30 và cách thực hiện từ nhịp 1- 30.  - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. |
| ***15*** | *29* | **TTTC (Võ cổ truyền)** | Tám thế tấn cơ bản | + Lập tấn + Trung bình tấn  + Đinh tấn trái + Đinh tấn phải  + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải  + Xà tấ + Tạ qui tấn | - Biết tên và thực hiện được động tác:  + Lập tấn + Trung bình tấn  + Đinh tấn trái + Đinh tấn phải  + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải  + Xà tấn + Tạ qui tấn |
| *30* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục liên hoàn*** | Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến 30. | Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu từ nhịp 1- 30. Tích cực hợp tác, học hỏi trong học tập và rèn luyện hằng ngày. |
| ***16*** | *31* | **TTTC (Võ cổ truyền)** | Tám thế tấn cơ bản | + Lập tấn + Trung bình tấn  + Đinh tấn trái + Đinh tấn phải  + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải  + Xà tấn + Tạ qui tấn | - Thực hiện thuần thục:  + Lập tấn + Trung bình tấn  + Đinh tấn trái + Đinh tấn phải  + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải  + Xà tấn + Tạ qui tấn |
| *32* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục liên hoàn*** | Hoàn thiện bài TD liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 30. | Thực hiện các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu từ nhịp 1- 30. |
| ***17*** | *33* | **TTTC (Võ cổ truyền)** | Tám thế tấn cơ bản | + Lập tấn + Trung bình tấn  + Đinh tấn trái + Đinh tấn phải  + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải  + Xà tấn + Tạ qui tấn | - Thực hiện thuần thục:  + Lập tấn + Trung bình tấn  + Đinh tấn trái + Đinh tấn phải  + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải  + Xà tấn + Tạ qui tấn |
| *34* | **Chạy cự li ngắn (60m)** | ***Các động tác bổ trợ kĩ thuật chạy cự li ngắn.*** | Các động tác bổ trợ kĩ thuật chạy cự li ngắn: Chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi. | Nhận biết được động tác bổ trợ và biết cách thực hiện KT chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi và biết cách luyện tập. |
| ***18*** | *35* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn: Tám thế tấn cơ bản  Học: Từ động tác 1 đến động tác 8 | 1 Lập tấn; 2. Bái tổ; 3. Trung bình tấn - Tay phải đấm thẳng; 4.Trung bình tấn - Tay trái đấm thẳng; 5. Trảo mã tấn phải – Tay phải đấm múc lên; 6. Đinh tấn phải - Tay trái đấm thẳng; 7. Trảo mã tấn phải – Tay phải đập lưng nắm tay xuống đất; 8. Trung bình tấn – Tay trái đấm móc vòng vào trước ngực | - Thực hiện thuần thục:  Tám thế tấn cơ bản  -Biết tên và thực hiện được: Từ động tác 1 đến động tác 8 bài võ cổ truyền |
| *36* | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**  **(Bài Thể Dục Liên Hoàn)** | | | **Thực hiện các nhịp đúng trình tự và nhịp độ.** |
| **HỌC KÌ II** | | | | | |
| ***19*** | *37* | **Chạy cự li ngắn (60m)** | ***Các động tác bổ trợ kĩ thuật chạy cự li ngắn.*** | - Kĩ thuật chạy đạp sau.  - Trò chơi chạy tiếp sức. | - Nhận biết được động tác bổ trợ và biết cách thực hiện KT chạy đạp sau.  - Biết tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| *38* | **TTTC (Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 8  Học từ động tác 9 đến động tác 17 | 9. Trảo mã tấn trái – Tay trái đấm múc lên  10. Đinh tấn trái – tay phải đấm thẳng  11. Trảo mã tấn trái – Tay trái đập lưng nắm tay xuống đất  12. Trung bình tấn – Tay phải đấm móc vòng vào trước ngực  13. Đinh tấn phải – Tay phải đập lưng nắm tay phải về trước  14. Đinh tấn trái – Tay trái đập lưng nắm tay phải về trước  15. Xà tấn phải - Xoay thành trung bình tấn hai nắm tay kéo về hông  16. Trung bình tấn – Hai tay đấm thẳng về trước  17. Trảo mã tấn phải – Chỏ phải đánh ngang, chỏ trái đánh ngang (từ ngoài vào trong) | - Thực hiện thuần thục:  Từ động tác 1 đến động tác 8  -Biết tên và thực hiện được: Từ động tác 9 đến động tác 17 bài võ cổ truyền |
| ***20*** | *39* | **Chạy cự ly ngắn (60m)** | ***Chạy giữa quãng*** | - Kĩ thuật chạy giữa quãng, cách thở trong luyện tập chạy cự li ngắn.  - Ôn KT chạy đạp sau | - Nhận thức được KT động tác và bước đầu biết cách luyện tập Kĩ thuật chạy giữa quãng, cách thở trong luyện tập.  - Thực hiện được KT chạy đạp sau. |
| *40* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 9 đến động tác 17  Học: từ động tác 18 đến động tác 24 | 18. Quy tấn trái – Chỏ phải cắm thẳng xuống  19. Đinh tấn trái – Chỏ trái đánh lên  20. Trảo mã tấn phải - Chỏ phải đánh ngược lên ra sau  21. Xà tấn chỏ trái giật ngang  22. Trảo mã tấn phải – Chỏ phải đánh bạt vào (cẳng tay đứng)  23. Đinh tấn phải – Chỏ trái đánh ngang vào  24. Trảo mã tấn trái – Chỏ trái đánh vòng cầu xuống ra sau lưng | - Thực hiện thuần thục:  Từ động tác 9 đến động tác 17  -Biết tên và thực hiện được: Từ động tác 18 đến động tác 24 bài võ cổ truyền |
| ***21*** | *41* | **Chạy cự ly ngắn (60m)** | ***Chạy giữa quãng*** | - Ôn kĩ thuật chạy giữa quãng, cách thở trong luyện tập chạy cự li ngắn.  - Trò chơi người thừa thứ ba. | - Thực hiện được KT chạy giữa quãng, cách thở trong luyện tập chạy cự li ngắn.  - Biết tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| *42* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 18 đến động tác 24  Học từ động tác 25 đến động tác 30 | 25. Chân phải đá tống về trước  26. Chân trái đá vòng cầu vào  27. Chân phải đá tống ngang bằng cạnh bàn Chân thành  28. Đinh tấn phải – Tay phải chém cạnh bàn thẳng xuống  29. Trảo mã tấn trái – Tay trái chém cạnh bàn vào (cẳng tay t/ góc với mặt đất)  30. Trảo mã tấn phải- Hai tay chém cùng lúc từ trái qua phải (bàn tay phải úp, bàn tay trái ngửa, 2 tay song song mặt đất) | - Thực hiện thuần thục:  Từ động tác 18 đến động tác 24  -Biết tên và thực hiện được: Từ động tác 25 đến động tác 30 bài võ cổ truyền |
| ***22*** | *43* | Chạy cự ly ngắn (60m) | Xuất phát và chạy lao sau xuất phát | Kỹ thuật xuất phát cao. | Nhận biết được khẩu lệnh xuất phát, thứ tự thực hiện thực hiện, biết cách luyện tập. |
| *44* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 25 đến động tác 30  Học từ động tác 31 đến động tác 36 | 31. Đinh tấn trái – Hai tay đấm thẳng tới trước bằng mũi bàn tay (bàn tay trái trên, bàn tay phải dưới cách nhau 20cm)  32. Đinh tấn phải – Hai cạnh bàn tay đỡ ngang cùng lúc ra 2 bên ngang mặt (2 lòng bàn tay xoay ra ngoài, 2 cẳng tay thẳng đứng)  33. Đinh tấn trái – Hai cạnh bàn tay đánh ép cùng lúc ngang mặt ( Hai lòng bàn tay xoay vào trong, 2 cẳng tay thẳng đứng)  34. Đinh tấn phải – Hai cạnh bàn tay đánh ép cùng lúc vào (trên đầu gối phải, lòng bàn tay ngửa, 2 cẳng tay song song nhau)  35. Quy tấn trái – Tay phải chém bằng cạnh bàn tay vào trên đầu gối trái (bàn tay trái ngửa, cẳng tay song song mặt đất)  36. Bái tổ lập tấn./. | - Thực hiện thuần thục:  Từ động tác 25 đến động tác 30  -Biết tên và thực hiện được động tác: Từ động tác 31 đến động tác 36 bài võ cổ truyền |
| ***23*** | *45* | **Chạy cự ly ngắn (60m)** | Xuất phát và chạy lao sau xuất phát | - Kĩ thuật chạy lao sau xuất phát.  - Ôn kĩ thuật xuất phát cao.  - Trò chơi phát triển sức nhanh. | - Nhận biết được kỹ thuật và biết cách thực hiện giai đoạn chạy lao sau xuất phát.  - Thực hiện được kỹ thuật xuất phát cao.  - Tích cực tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| *46* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Ôn từ động tác 1 đến động tác 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn) | - Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn) |
| ***24*** | *47* | **Chạy cự ly ngắn (60m)** | ***Xuất phát và chạy lao sau xuất phát*** | - Ôn KT xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.  ***-***  Một số điều luật cơ bản trong thi đấu ĐK. | - Thực hiện được KT xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.  - Biết được một số điều luật cơ bản nhất trong thi đấu ĐK. |
| *48* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Ôn từ nhịp 1 đến nhịp 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn) | - Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn) |
| ***25*** | *49* | **Chạy cự ly ngắn (60m)** | ***Chạy về đích*** | ***-***  Kĩ thuật chạy về đích (chạy băng qua đích).  - Trò chơi phát triển sức nhanh. | - Nhận biết được kĩ thuật của giai đoạn chạy về đích và biết cách luyện tập.  - Tích cực tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| *50* | **Chạy cự ly ngắn (60m)** | ***Chạy về đích*** | ***-*** Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.  - Trò chơi đổi bóng nhanh trên đường dích dắc. | - Biết cách phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li ngắn theo hướng dẫn.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***26*** | *51* | **Chạy cự ly ngắn (60m)** | ***Chạy về đích*** | ***-*** Ôn phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.  - Một số điều luật cơ bản trong thi đấu ĐK. | - Thực hiện được phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li ngắn năng cao thành tích.  - Biết được một số điều luật cơ bản nhất trong thi đấu ĐK. |
| *52* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Ôn từ nhịp 1 đến nhịp 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn) | - Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn) |
| ***27*** | *53* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn) | - Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn) |
| *54* | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II (NỘI DUNG CCLN 60m)** | | |  |
| ***28*** | *55* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn) | - Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn) |
| *56* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn | - Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn) |
| ***29*** | *57* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn | - Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn) |
| *58* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn | - Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn) |
| ***30*** | *59* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn | - Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn) |
| *60* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn | - Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác.  - Trò chơi vận động (do GV chọn ) |
| ***31*** | *61* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn | - Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác.  - Trò chơi vận động (do GV chọn ) |
| *62* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn | - Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác.  - Trò chơi vận động (do GV chọn ) |
| ***32*** | *63* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn | - Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác.  - Trò chơi vận động (do GV chọn ) |
| *64* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn | - Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác.  - Trò chơi vận động (do GV chọn ) |
| ***33*** | *65* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn | - Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác.  - Trò chơi vận động (do GV chọn ) |
| *66* | **TTTC(Võ cổ truyền)** | Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 | - Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36  - Trò chơi vận động (do GV chọn | - Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác.  - Trò chơi vận động (do GV chọn ) |
| ***34*** | *67* | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II (TTTC VÕ CỔ TRUYỀN)** | | |  |
| *68* | **Kiểm tra (TLCN)** | ***Nội dung 1&2*** | - Bật xa tại chỗ  - Nằm ngửa gập bụng | Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 |
| ***35*** | *69* | **Kiểm tra (TLCN)** | ***Nội dung 3*** | Chạy 30m xuất phát cao | Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 |
| *70* | **Kiểm tra (TLCN)** | ***Nội dung 4*** | Chạy tuỳ sức 5 phút | Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 |

**2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | Chạy cự li trung bình | Thực hành |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | Bài thể dục liên hoàn | Thực hành |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 27 | Chạy cự ly ngắn (60m) | Thực hành |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 34 | Thể Thao Tự Chọn (Võ cổ truyền) | Thực hành |
|  |  |  |  |  |

**2. Kế hoạch dạy học GDTC 7**

**2.1. Phân phối chương trình**

**Năm học 2024- 2025**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cả năm** | **35 tuần *(70 tiết)*** |
| **Học kỳ I** | ***18 tuần*** *(36 tiết)* |
| **Học kỳ II** | ***17 tuần*** *(34 tiết)* |

| **Tuần** | **Tiết** | **Chủ đề** | **Tên bài** | **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ 1** | | | | | |
| ***1*** | *1* | **Chạy cự li trung bình** | ***Phối hợp trong giai đoạn chạy giữa quãng*** | - Phối hợp trong giai đoạn chạy giữa quãng.  - Trò chơi phát triển sức bền | - Nhận biết được nội dung, yêu cầu trong phối hợp các hoạt động chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng.  - Phối hợp được các hoạt động chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng  - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *2* | **Nhảy xa kiểu ngồi** | ***Kĩ thuật giậm nhảy và bước bộ.*** | Giậm nhảy và bước bộ. | - Nhận biết được mục đích, nội dung, yêu cầu và cách luyện tập kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ.  - Tích cực, chủ động trong luyện tập và giúp đỡ bạn. |
| ***2*** | *3* | **Chạy cự li trung bình** | ***Phối hợp trong giai đoạn chạy giữa quãng*** | - Hiện tượng “cực điểm” trong chạy cự ly trung bình và cách khắc phục.  - Trò chơi phát triển sức bền. | - Nhận biết được hiện tượng “cực điểm” trong chạy cự ly trung bình và cách khắc phục.  - Phối hợp được các hoạt động chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng và cách khắc phục hiện tượng “cực điểm” xảy ra khi chạy CLTB.  - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *4* | **Nhảy xa kiểu ngồi** | ***Kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ.*** | - Ôn kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Thực hiện được kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ.  - Tích cực, chủ động trong luyện tập và giúp đỡ bạn.  - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***3*** | *5* | **Chạy cự li trung bình** | ***Phối hợp trong giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát*** | - Phối hợp trong xuất phát và tăng tốc sau xuất phát.  - Trò chơi phát triển sức bền. | - Nhận biết được nội dung, yêu cầu phối hợp trong xuất phát và tăng tốc sau xuất phát; biết cách luyện tập.  - Phối hợp được giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát.  - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *6* | **Nhảy xa kiểu ngồi** | ***Kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ*** | - Ôn kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ  - Một số điều luật trong thi đấu điền kinh. | - Thực hiện được kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ.  - Biết được số điều luật trong thi đấu điền kinh. |
| ***4*** | *7* | **Chạy cự li trung bình** | ***Phối hợp trong giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát*** | Phối hợp trong xuất phát và tăng tốc sau xuất phát. | - Phối hợp được giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát.  - Chủ động lựa chọn các bài tập phù hợp với bản thân để RLTT. |
| *8* | **Nhảy xa kiểu ngồi** | ***Kĩ thuật chạy đà và giậm nhảy.*** | - Cách đo đà và chạy đà  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Nhận biết được cách đo, chạy đà trong nhảy xa kiểu ngồi.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***5*** | *9* | **Chạy cự li trung bình** | ***Phối hợp trong giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát*** | - Ôn phối hợp trong xuất phát và tăng tốc sau xuất phát.  - Một số điều luật trong thi đấu điền kinh. | - Phối hợp được giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát.  **-** Biết được một số điều luật trong thi đấu điền kinh. |
| *10* | **Nhảy xa kiểu ngồi** | ***Kĩ thuật chạy đà và giậm nhảy.*** | - Ôn cách đo đà và chạy đà  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Biết cách thực hiện kỹ thuật đo và chạy đà trong nhảy xa kiểu ngồi. Nỗ lực hoàn thành các bài tập vận động, tích cực hợp tác trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***6*** | *11* | **Chạy cự li trung bình** | ***Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình.*** | - Phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích.  - Trò chơi phát triển sức bền. | - Nhận biết được nội dung, yêu cầu về phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *12* | **Nhảy xa kiểu ngồi** | ***Kĩ thuật chạy đà và giậm nhảy.*** | Ôn cách đo đà và chạy đà. | - Thực hiện được kỹ thuật đo đà chạy đà, phối hợp giậm nhảy và bước bộ.  - Tích cực, tự giác trong luyện tập. |
| ***7*** | *13* | **Chạy cự li trung bình** | ***Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình.*** | - Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình. | - Thực hiện được các yêu cầu về phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích; phối hợp được các giai đoạn chạy cự li trung bình.  - Chủ động, kiên trì, tích cực, tự giác trong luyện tập. |
| *14* | **Nhảy xa kiểu ngồi** | ***Kỹ thuật bay trên không và rơi xuống cát.*** | - Kỹ thuật bay trên không.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Nhận biết được kỹ thuật và cách luyện tập giai đoạn bay trên không.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***8*** | *15* | **Chạy cự li trung bình** | ***Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình.*** | - Ôn phối hợp các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình.  - Trò chơi phát triển sức bền. | - Phối hợp được các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *16* | **Nhảy xa kiểu ngồi** | ***Kỹ thuật bay trên không và rơi xuống cát.*** | - Ôn kĩ thuật bay trên không.  - Kĩ thuật rơi xuống cát. | - Thực hiện và phối hợp được kĩ thuật giai đoạn bay trên không và rơi xuống đất.  - Tích cực, chủ động trong luyện tập.  - Chủ động, nghiêm túc giữ gìn an toàn trong luyện tập. |
| ***9*** | *17* | **Chạy cự li trung bình** | ***Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình.*** | - Ôn phối hợp các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình. | - Thực hiện được các yêu cầu về phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích; phối hợp được các giai đoạn chạy cự li trung bình.  - Chủ động, kiên trì, tích cực, tự giác trong luyện tập. |
| *18* | **Nhảy xa kiểu ngồi** | ***Kỹ thuật bay trên không và rơi xuống cát.*** | - Ôn kĩ thuật rơi xuống cát.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Thực hiện và phối hợp được kĩ thuật giai đoạn bay trên không và rơi xuống đất.  - Chủ động, nghiêm túc giữ gìn an toàn trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***10*** | *19* | **Nhảy xa kiểu ngồi** | ***Kỹ thuật bay trên không và rơi xuống cát.*** | - Ôn kĩ thuật bay trên không và rơi xuống cát.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Thực hiện và phối hợp được kĩ thuật giai đoạn bay trên không và rơi xuống đất.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *20* | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I (CCLTB)** | | | |
| ***11*** | *21* | **Nhảy xa kiểu ngồi** | ***Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi*** | - Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Nhận biết được nội dung và cách luyện tập phối hợp các giai đoạn của kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *22* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 1 đến nhịp 10)*** | - Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 10.  - Trò chơi phát triển khéo léo. | - Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện từ nhịp 1- 10.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***12*** | *23* | **Nhảy xa kiểu ngồi** | ***Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi*** | - Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi. | - Biết cách phối hợp các giai đoạn của kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.  - Tích cực, chủ động trong luyện tập |
| *24* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 1 đến nhịp 10)*** | - Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 10.  - Trò chơi phát triển khéo léo. | - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và tranh ảnh.  - Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***13*** | *25* | **Nhảy xa kiểu ngồi** | ***Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.*** | - Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Phối hợp được các giai đoạn của kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *26* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 11 đến nhịp 20)*** | Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 11 đến nhịp 20. | - Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện từ nhịp 11- 20.  - Tích cực, tự giác trong luyện tập. |
| ***14*** | *27* | **Nhảy xa kiểu ngồi** | ***Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.*** | - Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.  - Một số điều luật trong thi đấu điền kinh. | - Phối hợp được các giai đoạn của kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.  - Tích cực, chủ động trong luyện tập  - Biết được một số điều luật trong thi đấu điền kinh. |
| *28* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 11 đến nhịp 20).*** | - Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 20.  - Trò chơi phát triển khéo léo. | - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và tranh ảnh.  - Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***15*** | *29* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật dẫn bóng*** | - Bài tập bổ trợ  - Dẫn bóng trên đường vòng | - Biết được mục đích, tác dụng một số bài tập bóng rổ.  - Biết cách thực hiện các bài tập bổ trợ theo yêu cầu của giáo viên.  - Nhận biết được cấu trúc kỹ thuật dẫn bóng trên đường vòng và cách luyện tập. |
| *30* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 21 đến nhịp 30).*** | - Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 21 đến nhịp 30.  - Trò chơi phát triển khéo léo. | - Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện từ nhịp 21- 30.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***16*** | *31* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật dẫn bóng*** | - Ôn bài tập bổ trợ  - Ôn dẫn bóng trên đường vòng | - Thực hiện được các bài tập bổ trợ và kỹ thuật dẫn bóng trên đường vòng  - Tích cực, tự giác trong luyện tập. |
| *32* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 21 đến nhịp 30).*** | - Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 30.  - Trò chơi phát triển khéo léo. | - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và tranh ảnh.  - Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***17*** | *33* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật dẫn bóng*** | - Ôn bài tập bổ trợ  - Ôn dẫn bóng trên đường vòng | - Thực hiện được các bài tập bổ trợ và kỹ thuật dẫn bóng trên đường vòng.  - Tích cực, tự giác trong luyện tập. |
| *34* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 1 đến nhịp 30).*** | - Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 30.  - Trò chơi phát triển khéo léo. | - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu từ nhịp 1 đến 30. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và tranh ảnh.  - Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***18*** | *35* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật dẫn bóng*** | - Ôn bài tập bổ trợ  - Ôn dẫn bóng trên đường vòng | - Thực hiện được các bài tập bổ trợ và kỹ thuật dẫn bóng trên đường vòng theo yêu cầu của giáo viên.  - Tích cực, tự giác trong luyện tập. |
| *36* | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**  ***(Bài Thể Dục Liên Hoàn)*** | | | **Thực hiện các nhịp đúng trình tự và nhịp độ.** |
|  | | | | | |
| ***19*** | *37* | **Chạy cự ly ngắn** | ***Phối hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.*** | - Phối hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Nhận biết được nội dung, yêu cầu hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *38* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật dẫn bóng*** | - Ôn dẫn bóng trên đường vòng  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được các bài tập bổ trợ và kỹ thuật dẫn bóng trên đường vòng theo yêu cầu của giáo viên.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***20*** | *39* | **Chạy cự ly ngắn** | ***Phối hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.*** | - Một số điểm lưu ý về kĩ thuật trong xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Nhận biết được nội dung và biết cách thực hiện về kĩ thuật trong xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *40* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật dẫn bóng*** | - Ôn dẫn bóng trên đường vòng  - Một số điều luật trong thi đấu bóng rổ. | - Thực hiện được kỹ thuật dẫn bóng trên đường vòng theo yêu cầu của giáo viên.  - Biết được một số điều luật trong thi đấu bóng rổ. |
| ***21*** | *41* | **Chạy cự ly ngắn** | ***Phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.*** | - Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Nhận biết được nội dung yêu cầu phối hợp giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *42* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật dẫn bóng*** | - Ôn bài tập bổ trợ  - Ôn dẫn bóng trên đường vòng | - Thực hiện được các bài tập bổ trợ và kỹ thuật dẫn bóng trên đường vòng theo yêu cầu của giáo viên.  - Tích cực, tự giác trong luyện tập. |
| ***22*** | *43* | **Chạy cự ly ngắn** | ***Phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.*** | - Một số điểm lưu ý về kĩ thuật trong phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Biết cách thực hiện kĩ thuật trong phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *44* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật dẫn bóng*** | - Ôn bài tập bổ trợ  - Ôn dẫn bóng trên đường vòng | - Thực hiện được các bài tập bổ trợ và kỹ thuật dẫn bóng trên đường vòng theo yêu cầu của giáo viên.  - Tích cực, tự giác trong luyện tập. |
| ***23*** | *45* | **Chạy cự ly ngắn** | ***Phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.*** | - Ôn phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.  - Một số điều luật trong thi đấu điền kinh. | - Biết cách phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.  - Biết được số điều luật trong thi đấu điền kinh. |
| *46* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trước ngực bật đất.*** | - Tại chỗ chuyền bóng hai tay trước ngực bật đất.  - Trò chơi vận động. | - Nhận biết được cấu trúc kỹ thuật tại chỗ chuyền bóng hai tay trước ngực bật đất và cách luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***24*** | *47* | **Chạy cự ly ngắn** | ***Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (60m)*** | - Phối hợp chạy giữa quãng và về địch.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Nhận biết được nội dung, yêu cầu luyện tập phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *48* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trước ngực bật đất.*** | - Ôn tại chỗ chuyền bóng hai tay trước ngực bật đất.  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được kỹ thuật tại chỗ chuyền bóng hai tay trước ngực bật đất.  - Tích cực, chủ động hợp tác với bạn bè.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***25*** | *49* | **Chạy cự ly ngắn** | ***Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (60m)*** | - Phối hợp các giai đoạn chạy cự ly ngắn (60m).  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Thực hiện và phối hợp được các giai đoạn của chạy cự li ngắn (60m).  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *50* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trước ngực bật đất.*** | - Tại chỗ bắt bóng hai tay trước ngực bật đất.  - Ôn bài tập bổ trợ | - Nhận biết được cấu trúc kỹ thuật tại chỗ bắt bóng hai tay trước ngực bật đất và cách luyện tập.  - Thực hiện được các bài tập bổ trợ.  - Tích cực, chủ động hợp tác với bạn bè. |
| ***26*** | *51* | **Chạy cự ly ngắn** | ***Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (60m)*** | - Một số điểm lưu ý về kĩ thuật trong phối hợp các giai đoạn chạy cự ly ngắn.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Biết cách duy trì tốc độ cao nhất bằng cách duy trì tần số và độ dài bước chạy…  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *52* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trước ngực bật đất.*** | - Ôn tại chỗ bắt bóng hai tay trước ngực bật đất.  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được kỹ thuật tại chỗ bắt bóng hai tay trước ngực bật đất.  - Tích cực, chủ động hợp tác với bạn bè.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***27*** | *53* | **Chạy cự ly ngắn** | ***Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (60m)*** | - Ôn phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (60m)  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Biết cách phối hợp được các giai đoạn trong chạy cự li ngắn (60m).  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *54* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trước ngực bật đất.*** | - Ôn tại chỗ chuyền và bắt bóng hai tay trước ngực bật đất.  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được kỹ thuật tại chỗ chuyền và bắt bóng hai tay trước ngực bật đất.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***28*** | *55* | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II (NỘI DUNG CCLN 60m)** | | |  |
| *56* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trước ngực bật đất.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội  - Trò chơi vận động | - Nhận biết được cấu trúc bài tập phối hợp đồng đội và cách luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***29*** | *57* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trước ngực bật đất.*** | - Ôn bài tập phối hợp đồng đội  - Ôn bài tập bổ trợ | - Thực hiện được một số bài tập phối hợp đồng đội theo yêu cầu của giáo viên.  - Thực hiện được các bài tập bổ trợ.  - Tích cực, tự giác trong luyện tập. |
| *58* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trước ngực bật đất.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được một số bài tập phối hợp đồng đội, xử lý được một số tình huống phối hợp đồng đội.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***30*** | *59* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai.*** | - Hai bước ném rổ một tay trên vai  - Ôn bài tập bổ trợ | - Nhận biết được cấu trúc kỹ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai và cách luyện tập.  - Thực hiện được các bài tập bổ trợ theo yêu cầu của giáo viên. |
| *60* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai.*** | - Ôn hai bước ném rổ một tay trên vai.  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được kĩ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.  - Tích cực, tự giác trong luyện tập. |
| ***31*** | *61* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai.*** | - Ôn hai bước ném rổ một tay trên vai.  - Ôn bài tập bổ trợ | - Thực hiện được kĩ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.  - Tích cực, tự giác trong luyện tập. |
| *62* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội  - Trò chơi vận động | - Nhận biết được cấu trúc bài tập phối hợp đồng đội và cách luyện tập.  - Thực hiện được các bài tập bổ trợ theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***32*** | *63* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội  - Ôn bài tập bổ trợ | - Thực hiện được các bài tập phối hợp đồng đội theo yêu cầu của giáo viên.  - Thực hiện được các bài tập bổ trợ |
| *64* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được các bài tập phối hợp đồng đội theo yêu cầu của giáo viên.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.  - Tích cực, tự giác trong luyện tập. |
| ***33*** | *65* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội  - Ôn bài tập bổ trợ | - Thực hiện được các bài tập phối hợp đồng đội, xử lý được một số tình huống trong phối hợp đồng đội.  - Thực hiện được các bài tập bổ trợ theo yêu cầu của giáo viên. |
| *66* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được các bài tập phối hợp đồng đội, xử lý được một số tình huống trong phối hợp đồng đội.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***34*** | *67* | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II (TTTC Bóng Rổ)** | | |  |
| *68* | **Kiểm tra (TLCN)** | ***Nội dung 1&2*** | - Bật xa tại chỗ  - Nằm ngửa gập bụng | Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 |
| ***35*** | *69* | **Kiểm tra (TLCN)** | ***Nội dung 3*** | Chạy 30m xuất phát cao | Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 |
| *70* | **Kiểm tra (TLCN)** | ***Nội dung 4*** | Chạy tuỳ sức 5 phút | Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 |

**2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 10 | Chạy cự li trung bình | Thực hành |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | Bài thể dục liên hoàn | Thực hành |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 28 | Chạy cự li ngắn (60m) | Thực hành |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 34 | Thể Thao Tự Chọn (Bóng rổ) | Thực hành |

**2. Kế hoạch dạy học GDTC 8**

**2.1. Phân phối chương trình**

**Năm học 2024- 2025**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cả năm** | **35 tuần *(70 tiết)*** |
| **Học kỳ I** | ***18 tuần*** *(36 tiết)* |
| **Học kỳ II** | ***17 tuần*** *(34 tiết)* |

| **Tuần** | **Tiết** | **Chủ đề** | **Tên bài** | **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ 1** | | | | | |
| ***1*** | *1* | **Chạy cự li trung bình** | ***Bài tập bổ trợ trong chạy giữa quãng.*** | - Bài tập bổ trợ trong chạy giữa quãng.  - Trò chơi phát triển sức bền | - Nhận biết được mục đích, tác dụng và thực hiện được các bài tập bổ trợ trong chạy giữa quãng và cách tập luyện.  - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *2* | **Nhảy cao kiểu bước qua.** | ***Kĩ thuật giậm nhảy đá lăng.*** | - Giậm nhảy đá lăng.  - Một số động tác bổ trợ giậm nhảy đá lăng. | - Nhận biết được mục đích, nội dung, yêu cầu trong luyện tập kĩ thuật giậm nhảy đá lăng.  - Thực hiện được các động tác bổ trợ giậm nhảy đá lăng. |
| ***2*** | *3* | **Chạy cự li trung bình** | ***Bài tập bổ trợ trong chạy giữa quãng.*** | - Khắc phục hiện tượng “cực điểm” trong chạy cự ly trung bình.  - Trò chơi phát triển sức bền. | - Biết cách khắc phục hiện tượng “cực điểm” trong chạy cự ly trung bình.  - Kiên trì, nổ lực khắc phục mệt mỏi trong luyện tập.  - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *4* | **Nhảy cao kiểu bước qua.** | ***Kĩ thuật giậm nhảy đá lăng.*** | - Ôn kĩ thuật giậm nhảy đá lăng.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Thực hiện được kĩ thuật giậm nhảy đá lăng.  - Chủ động trong học tập và đảm bảo an toàn luyện tập.  - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***3*** | *5* | **Chạy cự li trung bình** | ***Bài tập bổ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.*** | - Bài tập bổ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.  - Trò chơi phát triển sức bền. | - Hiểu được mục đích, tác dụng của bài tập bổ trợ xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.  - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *6* | **Nhảy cao kiểu bước qua.** | ***Kĩ thuật giậm nhảy đá lăng.*** | - Ôn kĩ thuật giậm nhảy đá lăng.  - Một số điều luật trong thi đấu nhảy cao.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Biết tự sữa sai cho nhau khi thực hiện kĩ thuật giậm nhảy đá lăng.  - Biết được số điều luật trong thi đấu nhảy cao.  - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***4*** | *7* | **Chạy cự li trung bình** | ***Bài tập bổ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.*** | - Bài tập bổ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.  - Trò chơi phát triển sức bền. | - Biết cách luyện tập các bài tập bổ trợ xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.  - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *8* | **Nhảy cao kiểu bước qua.** | ***Kĩ thuật chạy đà kết hợp với giậm nhảy.*** | - Cách xác định hướng chạy đà, điểm giậm nhảy và cách đo đà.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Nhận biết được hướng chạy đà, điểm giậm nhảy và cách đo đà.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***5*** | *9* | **Chạy cự li trung bình** | ***Bài tập bổ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.*** | - Một số điều luật thi đấu chạy cự ly trung bình.  - Trò chơi phát triển sức bền | **-** Biết một số điều luật thi đấu chạy cự ly trung bình, vận dụng trong luyện tập và thi đấu. Chủ động học hỏi và giúp đỡ bạn.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *10* | **Nhảy cao kiểu bước qua.** | ***Kĩ thuật chạy đà kết hợp với giậm nhảy.*** | - Ôn hướng chạy đà, điểm giậm nhảy và cách đo đà.  - Kĩ thuật chạy đà và kết hợp với giậm nhảy. | - Biết cách luyện tập chạy đà, điểm giậm nhảy và cách đo đà.  - Nhận biết kĩ thuật chạy đà và kết hợp với giậm nhảy. |
| ***6*** | *11* | **Chạy cự li trung bình** | ***Phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.*** | - Phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích.  - Trò chơi phát triển sức bền. | - Biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập các bài tập phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *12* | **Nhảy cao kiểu bước qua.** | ***Kĩ thuật chạy đà kết hợp với giậm nhảy.*** | - Ôn kĩ thuật chạy đà kết hợp với giậm nhảy.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Thực hiện được kĩ thuật chạy đà, kết hợp giậm nhảy. Hoàn thành LVĐ  - Sẵn sàng giúp đỡ và chia sẻ kinh nghiệm học tập với các bạn.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***7*** | *13* | **Chạy cự li trung bình** | ***Phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.*** | - Phối hợp các giai đoạn của kĩ thuật chạy cự ly trung bình.  - Trò chơi phát triển sức bền. | - Biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập các bài tập phối hợp các giai đoạn chạy cự ly trung bình.  - Hoàn thành được LVĐ của các bài tập trong quá trình luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *14* | **Nhảy cao kiểu bước qua.** | ***Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).*** | - Kĩ thuật trên không.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Nhận biết được kĩ thuật trên không trong nhảy cao kiểu bước qua.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***8*** | *15* | **Chạy cự li trung bình** | ***Phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.*** | - Ôn phối hợp các giai đoạn chạy cự ly trung bình.  - Trò chơi phát triển sức bền. | - Phối hợp được các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *16* | **Nhảy cao kiểu bước qua.** | ***Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).*** | - Ôn kĩ thuật trên không. Kĩ thuật rơi xuống cát (đệm).  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Nhận biết được kĩ thuật rơi xuống cát (đệm). Biết cách phối hợp kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***9*** | *17* | **Chạy cự li trung bình** | ***Phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.*** | - Ôn phối hợp các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình.  - Trò chơi phát triển sức bền. | - Biết cách phối hợp các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình.  - Chủ động, tích cực, rèn luyện sức bền để nâng cao sức khoẻ.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *18* | **Nhảy cao kiểu bước qua.** | ***Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).*** | - Ôn kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Thực hiện và phối hợp được kĩ thuật giai đoạn trên không và rơi xuống cát (đệm).  - Có sự phát triển về năng lực phối hợp vận động và nhịp điệu.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***10*** | *19* | **Nhảy cao kiểu bước qua.** | ***Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).*** | - Ôn kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Thực hiện và phối hợp được kĩ thuật giai đoạn trên không và rơi xuống cát (đệm). Thường xuyên tự học và RLTT.  - Tích cực, chủ động trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *20* | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I (CCLTB)** | | | |
| ***11*** | *21* | **Nhảy cao kiểu bước qua.** | ***Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.*** | - Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Nhận biết được nội dung và cách luyện tập phối hợp các giai đoạn của kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *22* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục nhịp điệu (động tác chạy tại chỗ, tay ngực. vươn người, bật tách chụm chân).*** | - Động tác chạy tại chỗ  - Động tác tay ngực  - Trò chơi phát triển khéo léo. | - Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện động tác chạy tại chỗ và tay ngực.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***12*** | *23* | **Nhảy cao kiểu bước qua.** | ***Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.*** | - Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Biết cách tự luyện tập phối hợp các giai đoạn của kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.  - Tích cực, chủ động trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *24* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục nhịp điệu (động tác chạy tại chỗ, tay ngực. vươn người, bật tách chụm chân).*** | - Ôn động tác chạy tại chỗ và tay ngực.  - Động tác vươn người, động tác bật tách chụm chân.  - Trò chơi phát triển khéo léo. | - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu.  - Nhận biết được động tác và cách tập luyện động tác vươn người, động tác bật tách chụm chân.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***13*** | *25* | **Nhảy cao kiểu bước qua.** | ***Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.*** | - Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Biết cách tự luyện tập phối hợp các giai đoạn của kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua. Có sự phát triển về sức mạnh bột phát, năng lực phối hợp vận động và nhịp điệu.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *26* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục nhịp điệu (động tác chạy tại chỗ, tay ngực. vươn người, bật tách chụm chân).*** | - Ôn động tác chạy tại chỗ và tay ngực, vươn người và động tác bật tách chụm chân.  - Trò chơi phát triển khéo léo. | - Thực hiện được động tác chạy tại chỗ và tay ngực, vươn người và động tác bật tách chụm chân. Biết điều khiển và nhận xét được kết quả luyện tập của các nhóm.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***14*** | *27* | **Nhảy cao kiểu bước qua.** | ***Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.*** | - Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.  - Một số điều luật trong thi đấu nhảy cao. | - Biết cách tự luyện tập phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.  - Chủ động tìm kiếm, tra cứu thông tin môn học.  - Biết được một số điều luật trong nhảy cao để luyện tập và thi dấu. |
| *28* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục nhịp điệu (động tác lườn, bật nhảy co gối, di chuyển chéo, bật nhảy-tay cao).*** | - Động tác lườn, bật nhảy co gối  - Trò chơi phát triển khéo léo. | - Nhận biết được động tác và cách tập luyện động tác lườn, bật nhảy co gối. Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***15*** | *29* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật dẫn bóng*** | - Luân phiên dẫn bóng cao, thấp tay.  - Trò chơi vận động | - Biết đươc mục đích, tác dụng và cách luyện tập các kĩ thuật dẫn bóng cao, thấp tay.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *30* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục nhịp điệu (động tác lườn, bật nhảy co gối, di chuyển chéo, bật nhảy-tay cao).*** | - Ôn động tác đã học  - Động tác di chuyển chéo, bật nhảy- tay cao.  - Trò chơi phát triển khéo léo. | - Thực hiện động tác đã học. Biết điều khiển và nhận xét được kết quả luyện tập của các nhóm.  - Nhận biết được động tác và cách tập luyện động tác di chuyển chéo, bật nhảy- tay cao.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***16*** | *31* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật dẫn bóng*** | - Ôn luân phiên dẫn bóng cao, thấp tay.  - Trò chơi vận động | - Biết cách thực hiện kĩ thuật dẫn bóng cao, thấp tay. Tích cực, tự giác trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *32* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục nhịp điệu (động tác lườn, bật nhảy co gối, di chuyển chéo, bật nhảy-tay cao).*** | - Ôn các động tác đã học  - Trò chơi phát triển khéo léo. | - Thực hiện được các động tác đã học. Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***17*** | *33* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật dẫn bóng*** | - Dẫn bóng quay trước sang phải, sang trái.  - Trò chơi vận động. | - Biết đươc mục đích, tác dụng và cách luyện tập các kĩ thuật dẫn bóng quay trước sang phải, sang trái.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *34* | **Bài Tập Thể Dục** | ***Bài thể dục nhịp điệu (động tác lườn, bật nhảy co gối, di chuyển chéo, bật nhảy-tay cao).*** | - Ôn các động tác đã học  - Trò chơi phát triển khéo léo. | - Thực hiện được các động tác đã học. Có sự phát triển về năng lực liên kết vận động, năng lực nhịp điệu  - Chủ động, tích cực sử dụng Bài tập thể dục nhịp điệu để RLSK.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***18*** | *35* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật dẫn bóng*** | - Ôn dẫn bóng quay trước sang phải, sang trái.  - Trò chơi vận động | - Biết cách thực hiện kĩ thuật dẫn bóng quay trước sang phải, sang trái. Tích cực, tự giác trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *36* | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**  ***(Bài Thể Dục nhịp điệu)*** | | | **Thực hiện các nhịp đúng trình tự và nhịp độ.** |
|  | | | | | |
| ***19*** | *37* | **Chạy cự ly ngắn (100m)** | ***Xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát.*** | - Bố trí bàn đạp và cách đóng bàn đạp.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | - Nhận biết được, yêu cầu vị trí và cách đóng bàn đạp.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *38* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật dẫn bóng*** | - Dẫn bóng quay sau sang phải, sang trái.  - Trò chơi vận động | - Biết được mục đích, tác dụng và cách luyện tập các kĩ thuật dẫn bóng quay sau sang phải, sang trái.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***20*** | *39* | **Chạy cự ly ngắn (100m)** | ***Xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát.*** | - Kĩ thuật xuất phát thấp.  - Trò chơi phát triển sức nhanh. | - Nhận biết được nội dung và biết cách luyện tập kĩ thuật xuất phát thấp.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *40* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật dẫn bóng*** | - Ôn dẫn bóng quay sau sang phải, sang trái.  - Trò chơi vận động | - Biết cách thực hiện kĩ thuật quay sau sang phải, sang trái. Tích cực, tự giác trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***21*** | *41* | **Chạy cự ly ngắn (100m)** | ***Xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát.*** | - Kĩ thuật chạy lao sau xuất phát.  -- Trò chơi phát triển sức nhanh. | - Nhận biết được nội dung và biết cách luyện tập kĩ thuật chạy lao sau xuất phát.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *42* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật dẫn bóng*** | - Ôn: Dẫn bóng cao, thấp tay; dẫn bóng quay trước, sau sang phải sang trái.  - Trò chơi vận động. | - Thực hiện được các kĩ thuật dẫn bóng. Tích cực, tự giác trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***22*** | *43* | **Chạy cự ly ngắn (100m)** | ***Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.*** | - Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.  - Trò chơi phát triển sức nhanh | - Biết cách phối kĩ thuật chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. Có sự phát triển về sức mạnh tốc độ.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *44* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật dẫn bóng*** | - Ôn các kĩ thuật đã học  - Một số điều luật trong thi đấu bóng rổ. | - Thực hiện được các kĩ thuật dẫn bóng. Tích cực chủ động trong phối hợp nhóm, tổ.  - Biết được một số điều luật thi đấu bóng rổ |
| ***23*** | *45* | **Chạy cự ly ngắn (100m)** | ***Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.*** | - Ôn phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.  - Trò chơi phát triển sức nhanh | - Thực hiện được kĩ thuật phối chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. Có sự phát triển về sức mạnh tốc độ và năng lực phối hợp vận động.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *46* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.*** | - Kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng hai tay trên đầu.  - Trò chơi vận động. | - Hiểu được mục đích tác dụng và cách luyện tập kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng hai tay trên đầu và cách luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***24*** | *47* | **Chạy cự ly ngắn (100m)** | ***Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.*** | - Ôn phối hợp xuất phát, chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.  - Một số điều luật trong thi đấu chạy cự li ngắn.  - Trò chơi phát triển sức nhanh | - Thực hiện được kĩ thuật phối chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. Chủ động và nổ lực hoàn thành nội dung học tập.  - Biết được số điều luật trong thi đấu chạy cự li ngắn.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *48* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.*** | - Ôn kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng hai tay trên đầu.  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng hai tay trên đầu và cách luyện tập.  - Tích cực, chủ động hợp tác với bạn bè.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***25*** | *49* | **Chạy cự ly ngắn (100m)** | ***Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.*** | - Phối hợp giữa chạy giữa quãng và chạy về đích.  - Trò chơi phát triển sức nhanh | - Biết cách luyện tập phối hợp giữa chạy giữa quãng và chạy về đích.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *50* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.*** | - Kĩ thuật tại chỗ bắt bóng hai tay trên đầu.  - Trò chơi vận động | - Hiểu được mục đích tác dụng và cách luyện tập kĩ thuật tại chỗ bắt bóng hai tay trên đầu và cách luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***26*** | *51* | **Chạy cự ly ngắn (100m)** | ***Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.*** | - Phối hợp các giai đoạn chạy cự ly ngắn.  - Trò chơi phát triển sức nhanh. | - Biết cách luyện tập phối hợp các giai đoạn cự ly ngắn. Biết điều khiển tổ, nhóm luyện tập và nhận xét kết quả.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *52* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.*** | - Ôn kĩ thuật tại chỗ bắt bóng hai tay trên đầu.  - Trò chơi vận động | - Biết cách thực hiện kĩ thuật tại chỗ bắt bóng hai tay trên đầu.  - Tích cực, chủ động hợp tác với bạn bè.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***27*** | *53* | **Chạy cự ly ngắn (100m)** | ***Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.*** | - Ôn phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (100m)  - Trò chơi phát triển sức nhanh. | - Phối hợp được các giai đoạn trong chạy cự li ngắn. Có sự phát triển về thể lực, sức mạnh tốc độ, khả năng duy trì các bước chạy.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *54* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.*** | - Ôn kĩ thuật tại chỗ chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được kĩ thuật tại chỗ chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu. Biết điều khiển tổ, nhóm và nhận xét kết quả luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***28*** | *55* | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II (NỘI DUNG CCLN 100m)** | | |  |
| *56* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội  - Trò chơi vận động | - Nhận biết được cấu trúc bài tập phối hợp đồng đội và cách luyện tập. Biết điều khiển tổ, nhóm và nhận xét kết quả luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***29*** | *57* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội.  - Trò chơi vận động. | - Thực hiện được một số bài tập phối hợp đồng đội theo yêu cầu của giáo viên.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *58* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được một số bài tập phối hợp đồng đội, xử lí được một số tình huống phối hợp đồng đội.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***30*** | *59* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.*** | - Kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.  - Trò chơi vận động | - Hiểu được cấu trúc kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp và cách luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *60* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.*** | - Ôn kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.  - Trò chơi vận động | - Biết cách thực hiện kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***31*** | *61* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.*** | - Ôn kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp. Có sự phát triển về thể lực và năng lực liên kết động tác.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *62* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội  - Trò chơi vận động | - Nhận biết được cấu trúc bài tập phối hợp đồng đội và cách luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***32*** | *63* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội  - Bài tập bổ trợ  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được các bài tập phối hợp đồng đội theo yêu cầu của giáo viên.  - Thực hiện được các bài tập bổ trợ theo yêu cầu giáo viên.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| *64* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được các bài tập phối hợp đồng đội theo yêu cầu của giáo viên. Xử lí linh hoạt một số tình huống phối hợp đồng đội.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***33*** | *65* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được các bài tập phối hợp đồng đội, xử lí được một số tình huống trong phối hợp đồng đội.  - Thực hiện được các bài tập bổ trợ theo yêu cầu của giáo viên. |
| *66* | **TTTC**  **(Bóng rổ)** | ***Kĩ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.*** | - Bài tập phối hợp đồng đội  - Trò chơi vận động | - Thực hiện được các bài tập phối hợp đồng đội, xử lí được một số tình huống trong phối hợp đồng đội.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. |
| ***34*** | *67* | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II (TTTC Bóng Rổ)** | | |  |
| *68* | **Kiểm tra (TLCN)** | ***Nội dung 1&2*** | - Bật xa tại chổ  - Nằm ngửa gập bụng | Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 |
| ***35*** | *69* | **Kiểm tra (TLCN)** | ***Nội dung 3*** | Chạy 30m xuất phát cao | Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 |
| *70* | **Kiểm tra (TLCN)** | ***Nội dung 4*** | Chạy tuỳ sức 5 phút | Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 |

**2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 10 | Chạy cự li trung bình | Thực hành |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | Bài thể dục liên hoàn | Thực hành |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 27 | Chạy cự li ngắn (60m) | Thực hành |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | Thể Thao Tự Chọn (Bòng rổ) | Thực hành |

**2. Kế hoạch dạy học GDTC 9**

**2.1. Phân phối chương trình**

**NĂM HỌC 2024 - 2025**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cả năm** | **35 tuần *(70 tiết)*** |
| **Học kỳ I** | ***18 tuần*** *(36 tiết)* |
| **Học kỳ II** | ***17 tuần*** *(34 tiết)* |

| Tuần | Tiết | Chủ đề | Tên bài | Nội dung | | | Yêu cầu cần đạt | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| HỌC KỲ 1 | | | | | | | | |
| *1* | *1* | Chạy cự ly ngắn (100m) | *Củng cố kĩ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát* | - Củng cố kĩ thuật xuất phát thấp.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | – Hoàn thành kĩ thuật xuất phát thấp.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *2* | Bài Tập Thể Dục | *Bài thể dục nhịp điệu (Phần 1).* | - Động tác giậm chân tại chỗ  - Động tác thu chân, tay cao.  - Trò chơi phát triển khéo léo. | | | - Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện động tác giậm chân tại chỗ, thu chân, tay cao.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *2* | *3* | Chạy cự ly ngắn (100m) | *Củng cố kĩ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát* | - Củng cố kĩ thuật chạy lao sau xuất phát.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | – Hoàn thành kĩ thuật chạy lao sau xuất phát.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *4* | Bài Tập Thể Dục | *Bài thể dục nhịp điệu (Phần 1).* | - Ôn động tác giậm chân, thu chân tay cao.  - Động tác bật tách chụm  - Động tác vặn mình  - Trò chơi phát triển khéo léo. | | | - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu.  - Nhận biết được động tác và cách tập luyện động tác bật tách chụm và động tác vẹn mình.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *3* | *5* | Chạy cự ly ngắn (100m) | *Củng cố kĩ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát* | - Củng cố kĩ thuật xuất phát và chạy lao sau xuất phát.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | – Hoàn thành giai đoạn xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *6* | Bài Tập Thể Dục | *Bài thể dục nhịp điệu (Phần 1).* | - Ôn các động tác đã học: Giậm chân, thu chân tay cao, bật tách chụm và động tác vặn mình.  - Trò chơi phát triển khéo léo. | | | - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết điều chỉnh sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *4* | *7* | Chạy cự ly ngắn (100m) | *Củng cố kĩ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát* | - Củng cố kĩ thuật xuất phát và chạy lao sau xuất phát.  - Một số điều luật trong thi đấu chạy cự li ngắn.  - Trò chơi phát triển sức nhanh | | | – Hoàn thành giai đoạn xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát.  - Biết được số điều luật trong thi đấu chạy cự li ngắn.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *8* | Bài Tập Thể Dục | *Bài thể dục nhịp điệu (Phần 2).* | - Ôn các động tác đã học *(phần 1)*  - Động tác đặt gót.  - Trò chơi phát triển khéo léo. | | | - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết điều chỉnh sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện  - Nhận biết được động tác và cách tập luyện động tác đặt gót  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *5* | *9* | Chạy cự ly ngắn (100m) | *Củng cố kỹ thuật chạy giữa quãng và về đích.* | - Củng cố kĩ thuật chạy giữa quãng.  - Trò chơi phát triển sức nhanh | | | - Thực hiện được kĩ thuật chạy giữa quãng. Chủ động và nổ lực hoàn thành nội dung học tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *10* | Bài Tập Thể Dục | *Bài thể dục nhịp điệu (Phần 2).* | - Ôn các động tác đã học.  - Động tác bước đuổi.  - Trò chơi phát triển khéo léo. | | | - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu.  - Nhận biết được động tác và cách tập luyện động tác bước đuổi.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *6* | *11* | Chạy cự ly ngắn (100m) | *Củng cố kỹ thuật chạy giữa quãng và về đích.* | - Củng cố kĩ thuật chạy giữa quãng và về địch  - Trò chơi phát triển sức nhanh | | | - Biêta cách luyện tập, cũng cố kĩ thuật chạy giữa quãng và về địch. Chủ động nổ lực hoàn thành nội dung học tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *12* | Bài Tập Thể Dục | *Bài thể dục nhịp điệu (Phần 2).* | - Ôn các động tác đã học.  - Động tác đẩy hông.  - Động tác bật nhảy  - Trò chơi phát triển khéo léo. | | | - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu.  - Nhận biết được động tác và cách tập luyện động tác đẩy hông.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *7* | *13* | Chạy cự ly ngắn (100m) | *Củng cố kỹ thuật chạy giữa quãng và về đích.* | - Củng cố kĩ thuật chạy giữa quãng và về địch.  - Trò chơi phát triển sức nhanh | | | - Thực hiện được kĩ thuật chạy giữa quãng và về địch. Biết quan sát và sữa sai cho nhau.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *14* | Bài Tập Thể Dục | *Bài thể dục nhịp điệu (Phần 2).* | - Ôn các động tác đã học *(phần 1&2)*  - Trò chơi phát triển khéo léo. | | | - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết điều chỉnh sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *8* | *15* | Chạy cự ly ngắn (100m) | *Củng cố kỹ thuật chạy giữa quãng và về đích.* | - Phối hợp giữa chạy giữa quãng và chạy về đích.  - Trò chơi phát triển sức nhanh | | | - Biết cách phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *16* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước thuận.* | - Kĩ thuật tại chỗ đột phá bước thuận.  - Trò chơi vận động. | | | - Hiểu được cấu trúc kĩ thuật và cách thực hiện tại chỗ đột phá bước thuận.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *9* | *17* | Chạy cự ly ngắn (100m) | *Củng cố kỹ thuật chạy giữa quãng và về đích.* | - Phối hợp giữa chạy giữa quãng và chạy về đích.  - Trò chơi phát triển sức nhanh | | | - Phối hợp được các giai đoạn chạy cự li ngắn. Biết quan sát và sữa sai cho nhau, biết điều khiển tổ nhóm tập luyện.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *18* | KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I (CCLTN 100m) | | | | |  | |
| *10* | *19* | Chạy cự li trung bình | *Củng cố kĩ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.* | - Củng cố kĩ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.  - Trò chơi phát triển sức bền | | | - Biết cách luyện tập giai đoạn xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.  – Biết sử dụng các yếu tố của địa hình tự nhiên để rèn luyện và phát triển thể lực.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *20* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước thuận.* | | - Kĩ thuật tại chỗ đột phá bước thuận.  - Trò chơi vận động. | | - Biết cách thực hiện kĩ thuật tại chỗ đột phá bước thuận.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *11* | *21* | Chạy cự li trung bình | *Củng cố kĩ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.* | - Củng cố kĩ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.  - Trò chơi phát triển sức bền | | | - Biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập giai đoạn xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.  – Biết sử dụng các yếu tố của địa hình tự nhiên để rèn luyện và phát triển thể lực.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *22* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước thuận.* | - Kĩ thuật tại chỗ đột phá bước thuận.  - Trò chơi vận động. | | | - Biết cách thực hiện kĩ thuật tại chỗ đột phá bước thuận. Tại chỗ chuyền bóng  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *12* | *23* | Chạy cự li trung bình | *Củng cố kĩ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.* | - Luyện tập kĩ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.  - Trò chơi phát triển sức bền | | | - Biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập giai đoạn xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.  – Hoàn thành lượng vận động của bài tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *24* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước thuận.* | - Kĩ thuật dẫn bóng đột phá bước thuận.  - Trò chơi vận động. | | | - Hiểu được cấu trúc kĩ thuật và cách thực hiện dẫn bóng đột phá bước thuận.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *13* | *25* | Chạy cự li trung bình | *Củng cố kĩ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.* | - Luyện tập kĩ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.  - Một số điều luật trong thi đấu cự li trung bình  - Trò chơi phát triển sức bền | | | - Tổ chức luyện tập hoàn thanh giai đoạn xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.  – Biết được một số điều luật trong thi đấu cự li trung bình  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *26* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước thuận.* | - Kĩ thuật dẫn bóng đột phá bước thuận.  - Trò chơi vận động. | | | - Biết cách thực hiện kĩ thuật dẫn bóng đột phá bước thuận.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *14* | *27* | Chạy cự li trung bình | *Củng cố kĩ thuật chạy giữa quãng và về đích.* | - Củng cố kĩ thuật chạy giữa quãng và về đích.  - Trò chơi phát triển sức bền | | | – Hoàn thành được giai đoạn chạy giữa quãng và về đích.  – Khắc phục được hiện tượng “cực điểm” xảy ra khi chạy cự li trung bình.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *28* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước thuận.* | - Kĩ thuật dẫn bóng đột phá bước thuận.  - Trò chơi vận động. | | | - Biết cách thực hiện kĩ thuật hiện dẫn bóng đột phá bước thuận. Di chuyển chuyền bóng  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *15* | *29* | Chạy cự li trung bình | *Củng cố kĩ thuật chạy giữa quãng và về đích.* | - Củng cố kĩ thuật chạy giữa quãng và về đích.  - Trò chơi phát triển sức bền | | | – Hoàn thành được giai đoạn chạy giữa quãng và về đích.  – Biết sử dụng dinh dưỡng đối với luyện tập nhằm phát triển sức bền.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *30* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước thuận.* | - Kĩ thuật tại chỗ và dẫn bóng đột phá bước thuận.  - Trò chơi vận động. | | | - Biết cách thực hiện kĩ thuật dẫn bóng tại chỗ và đột phá bước thuận.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *16* | *31* | Chạy cự li trung bình | *Củng cố kĩ thuật chạy giữa quãng và về đích.* | – Luyện tập phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.  - Trò chơi phát triển sức bền. | | | – Phối hợp được giai đoạn chạy cự li trung bình.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *32* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước thuận.* | - Kĩ thuật tại chỗ và dẫn bóng đột phá bước thuận.  - Một số điều luật trong thi đấu môn bóng rỗ.  - Trò chơi vận động. | | | - Biết cách thực hiện kĩ thuật dẫn bóng tại chỗ và đột phá bước thuận.  - Biết được một số điều luật trong thi đấu môn bóng rỗ.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *17* | *33* | Chạy cự li trung bình | *Củng cố kĩ thuật chạy giữa quãng và về đích.* | – Luyện tập phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.  - Trò chơi phát triển sức bền. | | | – Phối hợp được giai đoạn chạy cự li trung bình.  – Có sự phát triển về sức bền và năng lực phối hợp vận động  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *34* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước chéo.* | - Kĩ thuật tại chỗ đột phá bước chéo.  - Trò chơi vận động. | | | - Hiểu được cấu trúc kĩ thuật và cách thực hiện tại chỗ đột phá bước chéo.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *18* | *35* | Chạy cự li trung bình | *Củng cố kĩ thuật chạy giữa quãng và về đích.* | – Luyện tập phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.  - Trò chơi phát triển sức bền. | | | – Phối hợp được giai đoạn chạy cự li trung bình.  – Có sự phát triển về sức bền và năng lực phối hợp vận động.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *36* | KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I *(Chạy CLTB)* | | | | |  | |
| HỌC KỲ II | | | | | | | | |
| *19* | *37* | Nhảy cao kiểu nằm nghiên. | *Kĩ thuật giậm nhảy và chạy đà kết hợp giậm nhảy.* | - Giới thiệu kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.  -Kĩ thuật giậm nhảy và chạy đà kết hợp giậm nhảy.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | - Nhận biết được các cấu trúc kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên  - Biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *38* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước chéo.* | - Kĩ thuật tại chỗ đột phá bước chéo.  - Trò chơi vận động. | | | - Biết cách thực hiện kĩ thuật và cách thực hiện tại chỗ đột phá bước chéo.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *20* | *39* | Nhảy cao kiểu nằm nghiên. | *Kĩ thuật giậm nhảy và chạy đà kết hợp giậm nhảy.* | -Kĩ thuật giậm nhảy và chạy đà kết hợp giậm nhảy.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | - Biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *40* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước chéo.* | - Kĩ thuật tại chỗ đột phá bước chéo.  - Trò chơi vận động. | | | - Biết cách thực hiện kĩ thuật và cách thực hiện tại chỗ đột phá bước chéo. Tại chỗ chuyền bóng  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *21* | *41* | Nhảy cao kiểu nằm nghiên. | *Kĩ thuật giậm nhảy và chạy đà kết hợp giậm nhảy.* | - Kĩ thuật tại chỗ đột phá bước chéo.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | - Thực hiện được kĩ thuật giậm nhảy và chạy đà kết hợp giậm nhảy; biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *42* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước chéo.* | - Kĩ thuật dẫn bóng đột phá bước chéo.  - Trò chơi vận động. | | | - Hiểu được cấu trúc kĩ thuật và cách thực hiện dẫn bóng đột phá bước chéo.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *22* | *43* | Nhảy cao kiểu nằm nghiên. | *Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm)* | - Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm)  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | - Thực hiện được kĩ thuật giậm nhảy và chạy đà kết hợp giậm nhảy; biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *44* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước chéo.* | - Kĩ thuật dẫn bóng đột phá bước chéo.  - Trò chơi vận động. | | | - Biết cách thực hiện kĩ thuật và cách thực hiện dẫn bóng đột phá bước chéo.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *23* | *45* | Nhảy cao kiểu nằm nghiên. | *Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm)* | - Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm)  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | - Biết điều chỉnh, sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và luyện tập.  - Bước đầu biết sử dụng dinh dưỡng đối với luyện tập nhằm phát triển sức mạnh  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *46* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước chéo.* | - Kĩ thuật dẫn bóng đột phá bước chéo.  - Trò chơi vận động. | | | - Biết cách thực hiện kĩ thuật và cách thực hiện dẫn bóng đột phá bước chéo. Di chuyển chuyền bóng  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *24* | *47* | Nhảy cao kiểu nằm nghiên. | *Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm)* | - Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm)  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | – Thực hiện được kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm); biết cách luyện tập và tổ  chức luyện tập kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng.  – Có sự phát triển về sức mạnh và năng lực phối hợp vận động.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *48* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước chéo.* | - Kĩ thuật tại chỗ và dẫn bóng đột phá bước chéo.  - Trò chơi vận động. | | | - Biết cách thực hiện kĩ thuật dẫn bóng tại chỗ và đột phá bước chéo. Biết cách phối hợp trong luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *25* | *49* | Nhảy cao kiểu nằm nghiên. | *Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm)* | - Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm)  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | – Thực hiện được kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm); biết cách luyện tập và tổ  chức luyện tập kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng.  – Thể hiện được khả năng điều khiển tổ, nhóm luyện tập và nhận xét kết quả luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *50* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật đột phá bước chéo.* | - Kĩ thuật tại chỗ và dẫn bóng đột phá bước chéo.  - Một số điều luật trong thi đấu môn bóng rỗ.  - Trò chơi vận động. | | | - Biết cách thực hiện kĩ thuật dẫn bóng tại chỗ và đột phá bước chéo. Biết cách phối hợp trong luyện tập.  - Biết được một số điều luật trong thi đấu môn bóng rỗ.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *26* | *51* | Nhảy cao kiểu nằm nghiên. | *Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm)* | - Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm)  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | – Thực hiện được kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm); biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng.  – Có sự phát triển về sức mạnh và năng lực phối hợp vận động.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *52* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng một tay trên vai.* | - Kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng một tay trên vai.  - Trò chơi vận động | | | – Thực hiện được kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng một tay trên vai; biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *27* | *53* | Nhảy cao kiểu nằm nghiên. | *Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.* | - Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.  - Một số điều luật cơ bản trong nhảy cao.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | - Phối hợp được các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng; biết cách luyện tập  và tổ chức luyện tập kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng.  – Biết một số điều luật cơ bản trong nhảy cao.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *54* | KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II (TTTC BÓNG RỔ) | | | | |  | |
| *28* | *55* | Nhảy cao kiểu nằm nghiên. | *Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.* | - Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên. | | | - Phối hợp được các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng; biết cách luyện tập  và tổ chức luyện tập kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng.  – Vận dụng được những hiểu biết về kĩ thuật nhảy cao để luyện tập hằng ngày. | |
| *56* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng một tay trên vai.* | - Kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng một tay trên vai.  - Trò chơi vận động | | | – Thực hiện được kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng một tay trên vai; biết phát hiện, điều chỉnh, sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *29* | *57* | Nhảy cao kiểu nằm nghiên. | *Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.* | - Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | – Hoàn thành và Phối hợp được các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng; biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *58* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng một tay trên vai.* | - Kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng một tay trên vai.  - Trò chơi vận động | | | – Thực hiện được kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng một tay trên vai; biết phát hiện, điều chỉnh, sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *30* | *59* | Nhảy cao kiểu nằm nghiên. | *Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.* | - Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | – Hoàn thành và Phối hợp được các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng; biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng.  – Vận dụng được những hiểu biết về kĩ thuật nhảy cao để luyện tập hằng ngày.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *60* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng một tay trên vai.* | - Kĩ thuật dẫn bóng chuyền bóng một tay trên vai.  - Trò chơi vận động | | | – Thực hiện được kĩ thuật dẫn bóngchuyền bóng một tay trên vai; biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *31* | *61* | Nhảy cao kiểu nằm nghiên. | *Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.* | - Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | – Hoàn thành và Phối hợp được các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng; biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *62* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng một tay trên vai.* | - Kĩ thuật dẫn bóng, chuyền bóng một tay trên vai.  - Trò chơi vận động | | | – Thực hiện được kĩ thuật dẫn bóng, chuyền bóng một tay trên vai; biết phát hiện, điều chỉnh, sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *32* | *63* | Nhảy cao kiểu nằm nghiên. | *Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.* | - Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiên.  - Trò chơi phát triển sức mạnh. | | | – Có sự phát triển về sức mạnh bột phát, năng lực phối hợp vận động và nhịp điệu.  – Vận dụng được những hiểu biết về kĩ thuật nhảy cao để luyện tập hằng ngày.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *64* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng một tay trên vai.* | - Kĩ thuật dẫn bóng, chuyền bóng một tay trên vai.  - Trò chơi vận động | | | – Thực hiện được kĩ thuật dẫn bóng chuyền bóng một tay trên vai; biết phát hiện, điều chỉnh, sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và luyện tập.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *33* | *65* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng một tay trên vai.* | - Phối hợp dẫn bóng, chuyền bóng và ném rổ. | | | – Thực hiện được phối hợp dẫn bóng, chuyền bóng và ném rổ; biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập.  – Phán đoán, xử lí một số tình huống linh hoạt, phối hợp được với đồng đội trong  luyện tập. | |
| *66* | TTTC  (Bóng rổ) | *Kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng một tay trên vai.* | - Phối hợp dẫn bóng, chuyền bóng và ném rổ.  - Trò chơi vận động | | | – Có sự phát triển về sức mạnh, năng lực liên kết động tác và năng lực định hướng.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên. | |
| *34* | *67* | KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II (NHẢY CAO) | | | | |  | |
| *68* | Kiểm tra (TLCN) | *Nội dung 1&2* | - Bật xa tại chổ  - Nằm ngửa gập bụng | | | Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 | |
| *35* | *69* | Kiểm tra (TLCN) | *Nội dung 3* | Chạy 30m xuất phát cao | | | Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 | |
| *70* | Kiểm tra (TLCN) | *Nội dung 4* | Chạy tuỳ sức 5 phút | | | Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 | |
|  | | | | | |  | |

**2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | Chạy cự li ngắn | Thực hành |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | Chạy cự li trung bình | Thực hành |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 27 | TTTC (Bóng rổ) | Thực hành |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 33 | Nhảy Cao | Thực hành |

**3. Các nhiệm vụ khác**

**Phối hợp với Ban HĐNGLL tổ chức HKPĐ cấp trường; Tổ chức SH CLB TDTT.**

**Bồi dưỡng học sinh năng khiếu: Bồi dưỡng đội tuyển HSG các môn điền kinh, cờ vua, cầu lông, bóng bàn, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ dự thi cấp huyện.**

**\*MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ:**

***Môn: Lịch sử***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/ thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Ti vi | 3 |  |  |
| 2 | Bản đồ các nước Đông Nam Á. | 1 |  |  |
| 3 | Bản đồ hành chính Việt Nam (VN). | 1 |  |  |
| 4 | Bản đồ địa hình VN | 1 |  |  |
| 5 | Bản đồ phân bố khoáng sản ở VN. | 1 |  |  |
| 6 | Bản đồ khí hậu VN. | 1 |  |  |
| 7 | Bản đồ lưu vực các hệ thống sông ở VN. | 1 |  |  |
| 8 | Bản đồ các nhóm đất chính ở VN. | 1 |  |  |
| 9 | Bản đồ phân bố thực vật và động vật của VN. | 1 |  |  |
| 10 | Bản đồ vị trí và phạm vi Biển Đông. | 1 |  |  |
| 11 | Bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa VN và Trung Quốc. | 1 |  |  |
| 12 | Sơ đồ mặt cắt khái quát các vùng biển VN. | 1 |  |  |
| 13 | Bản đồ tự nhiên vùng biển đảo VN. | 1 |  |  |
| 14 | Lược đồ dòng biển theo mùa trên Biển Đông. | 1 |  |  |
| 15 | Bản đồ một số tài nguyên biển VN. | 1 |  |  |
| 16 | Lược đồ Đồng bằng sông Hồng | 1 |  |  |
| 17 | Lược đồ Đồng bằng sông Cửu Long | 1 |  |  |

***Môn: Địa lí***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Máy chiếu/tivi/máy tính | 1 bộ | Các bài dạy tri thức mới, thực hành, ôn tập |  |
| 2 | * Bản đồ thế giới * Bản đồ cuộc chiến tranh của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ | 1 | Bài 1. Cách mạng tư sản Anh và Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ |  |
| 3 | * Bản đồ thế giới * Bản đồ cuộc cách mạng TSP | 1 | Bài 2. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII |  |
| 4 | * Tranh, ảnh về các thành tựu công nghiệp | 1 | Bài 3. Cách mạng công nghiệp (nửa sau thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX) |  |
| 5 | * Bản đồ thế giới * Bản đồ Đông Nam Á | 1 | Bài 4. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX |  |
| 6 | * Bản đồ Việt Nam | 1 | Bài 5. Cuộc xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn |  |
| 7 | * Bản đồ Việt Nam | 1 | Bài 6. Công cuộc khai phá vùng đất phía Nam và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa, quần đảo Hoàng Sa từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII |  |
| 8 | * Lược đồ khởi nghĩa | 1 | Bài 7. Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII |  |
| 9 | * Lược đồ khởi nghĩa * Hình ảnh về các anh hùng Tây Sơn | 1 | Bài 8. Phong trào Tây Sơn |  |
| 10 | * Hình ảnh về thành tựu kinh tế, văn hóa | 1 | Bài 9. Tình hình kinh tế, văn hoá, tôn giáo trong các thế kỉ XVI – XVIII |  |
| 11 | * Lược đồ các nước đế quốc | 1  1 | Bài 10. Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc ở các nước Âu – Mỹ (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX) |  |
| 12 | * Hình ảnh về Các Mác, Ăng ghen, Lê Nin * Bản đồ các PT đấu tranh của công nhân | 1  1 | Bài 11. Phong trào công nhân từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học |  |
| 13 | * Bản đồ thế giới * Lược đồ chiến tranh * Tranh ảnh về hậu quả của cuộc chiến | 1 | Bài 12. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) và Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 |  |
| 14 | * Tranh ảnh về KHKT | 1 | Bài 13. Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX |  |
| 15 | * Lược đồ TQ, NB * Tranh ảnh về lãnh tụ của hai nước |  | Bài 14. Trung Quốc và Nhật Bản từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX |  |
| 16 | * Bản đồ thế giới, Châu Á và ĐNA |  | Bài 15. Ấn Độ và Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX |  |
| 17 | * Bản đồ VN thời Nguyễn * Tranh ảnh về chúa Nguyễn |  | Bài 16. Việt Nam dưới thời Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX) |  |
| 18 | * Bản đồ Việt Nam * Lược đồ kháng chiên |  | Bài 17. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1884 |  |
| 19 | * Lược đồ các cuộc khởi nghĩa * Tranh ảnh thủ lĩnh các phong trào |  | Bài 18. Phong trào chống Pháp trong những năm 1885 – 1896 |  |
| 20 | * Hình ảnh cuộc khai thác thuộc địa * Lược đồ quá trình ra đi tìm đường cứu nước của NAQ |  | Bài 19. Phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1917 |  |

**Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

**Phân phối chương trình**

**\*PHÂN MÔN LỊCH SỬ 6**

***Cả năm: 53 tiết***

***Học kì 1: 27 tiết***

***Từ tuần 1 dến tuần 9: 1 tiết/ tuần; từ tuần 10 dến tuần 18: 2 tiết/ tuần***

***Học kì 2: 25 tiết***

***Từ tuần 19 đến 26: 2 tiết/ tuần; từ tuần 27 đến tuần 35: 1 tiết/ tuần***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| HỌC KÌ I | | | |
| 1 | Bài 1. Lịch sử và cuộc sống. | 1 | - Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.  - Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.  - Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. |
| 2 | Bài 2. Dựa vào đâu để biết và phục dự lịch sử | 1 | Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,...). |
| 3 | Bài 3. Thời gian trong lịch sử | 1 | Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,... |
| 4 | Bài 4: Nguồn gốc loài người | 2 | - Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất.  - Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam. |
| 5 | Bài 5: Xã hội nguyên thủy | 2 | - Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thuỷ.  - Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thuỷ (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...).  - Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như của con người và xã hội loài người.  - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam. |
| 6 | Ôn tập | 1 |  |
| 7 | Kiểm tra giữa kì I | 1 |  |
| 8 | Bài 6: Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy | 2 | - Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp.  - Giải thích được vì sao xã hội nguyên thuỷ tan rã.  - Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp.  - Mô tả và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.  - Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun). |
| 9 | Bài 7: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại | 2 | - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà.  - Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà.  - Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà. |
| 10 | Bài 8: Ấn Độ cổ đại | 2 | - Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng.  - Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ.  - Nhận biết được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ. |
| 11 | Bài 9: Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII | 2 | - Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.  - Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thuỷ Hoàng.  - Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tuỳ.  - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc. |
| 12 | Bài 10: Hy Lạp và La Mã cổ đại | 2 | - Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã.  - Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã.  - Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã. |
| 13 | Bài 11: Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á. | 2 | - Trình bày sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á.  - Trình bày được quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII. |
| 14 | Bài 12: Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (từ thế kỉ VII đến thế kỉ X) | 2 | - Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á.  - Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X. |
| 15 | Bài 13: Giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu công nguyên đến thế kỉ X | 2 | Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X. |
| 16 | Ôn tập HK I | 1 |  |
| 17 | Kiếm tra HK I | 1 |  |
| HỌC KÌ II | | | |
| 18 | Bài 14 Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc | 3 | - Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ.  - Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.  - Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.  Lồng ghép QPAN: Địa danh lịch sử gắn với các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của dân tộc. |
| 19 | Bài 15: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc. | 3 | - Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.  - Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội,văn hoá ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. |
| 20 | Bài 16: Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X. | 5 | Lập được biểu đồ, sơ đồ và trình bày được những nét chính; giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...).  Lồng ghép QPAN: Địa danh lịch sử gắn với các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của dân tộc |
| 21 | Bài 17: Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của người Việt | 2 | Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. |
| 22 | Bài 18: Bước ngoặc lịch sử đầu thế kỉ X. | 3 | - Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.  - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.  - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.  Lồng ghép QPAN: Cách đánh mưu trí, sáng tạo của quân và dân ta trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. |
| 23 | Ôn tập | 1 |  |
| 24 | Thi giữa Hk II |  |  |
| 25 | Bài 19: Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X | 3 | - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Champa.  - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa.  - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa. |
| 26 | Bài 20: Vương quốc Phù Nam | 2 | - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam.  - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.  - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam. |
| 27 | Ôn tập Hk II | 1 |  |
| 28 | Kiểm tra kì II |  |  |
| ... |  |  |  |

**Kế hoạch dạy học[[3]](#footnote-3)**

**\*PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 6**

***Cả năm: 53 tiết***

***Học kì 1: 27 tiết***

***Từ tuần 1 dến tuần 9: 2 tiết/ tuần; từ tuần 10 dến tuần 18: 1 tiết/ tuần***

***Học kì 2: 26 tiết***

***Từ tuần 19 đến 26: 1 tiết/ tuần; từ tuần 27 đến tuần 35: 2 tiết/ tuần***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tuần | Bài học  (1) | Số tiết | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| HỌC KÌ I | | | |
| 1 | Bài mở đầu | 1 | - Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt.  - Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học tập môn Địa lí.  - Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.  - Yêu thích môn học, thích tìm hiểu các sự vật, hiện tượng địa lí. |
| Bài 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí | 1 | - Biết được thế nào là kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc (Xích đạo), các bán cầu, toạ độ địa lí.  - Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, Xích đạo, các bán cầu. Ghi được toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. |
| 2 | Bài 2: Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. Phương hướng trên bản đồ | 1 | - Nêu được khái niệm bản đồ.  - Nhận biết được một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới.  - Xác định được phương hướng trên bản đồ. |
| Bài 3: Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ | 1 | - Biết được tỉ lệ bản đồ.  - Tính được khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo  tỉ lệ bản đồ. |
| 3 | Bài 4: Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ | 2 | - Đọc được các kí hiệu và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.  - Biết đọc bản đồ, xác định vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.  - Biết tìm đường đi trên bản đồ. |
|
| 4 | Bài 5: Lược đồ trí nhớ | 1 | - Biết được thế nào là lược đồ trí nhớ.  - Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện một số đối tượng địa lí. |
| Bài 6: Trái Đất trong hệ Mặt Trời | 1 | - Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.  - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất. |
| 5 | Bài 7: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả | 2 | - Mô tả được sự chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.  - Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau, giờ trên Trái Đất (giờ địa phương/giờ khu vực), sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.  - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. |
|
| 6 | Bài 8: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả | 2 | - Biết sử dụng sơ đồ để mô tả chuyển động của Trái đất quanh Mặt Trời.  - Trình bày được hiện tượng mùa và ngày đêm dài ngắn theo mùa |
|
| 7 | Bài 9: Xác định phương hướng ngoài thực tế | 1 | Xác định phương hướng ngoài thực tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên. |
| Bài 10: Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo | 1 | - Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm 3 lớp.  - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của 2 mảng xô vào nhau |
| 8 | Bài 11: Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi | 1 | - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh.  - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại  sinh trong hiện tượng tạo núi. |
| Ôn tập giữa Học kì I | 1 | - Hệ thống và củng cố lại các kiến thức trọng tâm đã học từ tuần 1 đến tuần 7 |
| 9 | Kiểm tra giữa kì I | 1 | - Đánh giá kết quả học tập của HS nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. |
| Bài 12: Núi lửa và động đất | 1 | - Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu  được nguyên nhân của hiện tượng này.  - Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.  - Biết cách ứng phó khi có núi lửa và động đất. |
| 10 | Bài 13: Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản | 2 | - Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất.  - Kể được tên một số loại khoáng sản.  - Có ý thức bảo vệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản. |
| 11 |
| 12 | Bài 14: Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản | 1 | Biết đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. |
| 13 | Bài 15: Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió | 2 | - Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic trong khí quyển.  - Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu.  - Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.  - Có ý thức bảo vệ bầu khí quyển và lớp ô-dôn.  - Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.  - Biết cách sử dụng khí áp kế. |
| 14 |
| 15 | Bài 16: Nhiệt độ không khí. Mây và mưa | 2 | - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.  - Biết cách sử dụng nhiệt kế.  - Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa.  - Biết cách sử dụng ẩm kế. |
| 16 |
| 17 | Ôn tập cuối kì I | 1 | - Hệ thống và củng cố lại các kiến thức trọng tâm đã học từ tuần 10 đến tuần 16 |
| 18 | Kiểm tra cuối kì I | 1 | - Đánh giá kết quả học tập của HS nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. |
| HỌC KÌ II | | | |
| 19 | Bài 17: Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu | 2 | - Phân biệt được thời tiết và khí hậu.  - Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu trên Trái Đất.  - Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.  - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. |
| 20 |
| 21 | Bài 18: Thực hành: Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa | 1 | - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.  - Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới |
| 22 | Bài 19: Thủy quyển và vòng tuần hoàn lớn của nước | 1 | - Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  - Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên nước |
| 23 | Bài 20: Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà | 2 | - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn; mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.  - Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.  - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ nước sông hồ.  - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.  - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ nước ngầm và băng hà. |
| 24 |
| 25 | Bài 21: Biển và đại dương | 2 | -Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.  -Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.  Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển |
| 26 |
| 27 | Ôn tập giữa Học kì II | 1 | - Hệ thống và củng cố lại các kiến thức trọng tâm đã học từ tuần 19 đến tuần 24 |
| Kiểm tra giữa Học kì II | 1 | - Đánh giá kết quả học tập của HS nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. |
| 28 | Bài 22: Lớp đất trên Trái Đất | 2 | -Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.  -Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.  -Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.  - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ đất. |
|
| 29 | Bài 23: Sự sống trên Trái Đất | 1 | -Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.  - Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất |
| Bài 24: Rừng nhiệt đới | 1 | -Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới.  - Có ý thức bảo vệ rừng. |
| 30 | Bài 25: Sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất | 1 | -Nêu được đặc điểm của các đới thiên nhiên trên thế giới.  -Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới. |
| Bài 26: Thực hành: Tìm hiểu môi trường tự nhiên địa phương | 2 | - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.  - Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên. |
| 31 |
| Bài 27: Dân số và sự phân bố dân cư trên thế giới | 2 | -Biết được số dân trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.  -Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.  Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới |
| 32 |
| Bài 28: Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên | 2 | -Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.  -Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất.  - Yêu thiên nhiên, thấy được trách nhiệm với thiên nhiên. |
| 33 |
| Bài 29: Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững | 1 | -Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững.  Thấy được trách nhiệm và có hành động cụ thể để bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên ở địa phương. |
| 34 | Bài 30: Thực hành: Tìm hiểu mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên địa phương | 1 | - Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ở địa phương.  - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. |
| Ôn tập cuối Học kì II | 2 | - Hệ thống và củng cố lại các kiến thức trọng tâm đã học từ tuần 27 đến tuần 33 |
| 35 |
| Kiểm tra cuối Học kì II | 1 | - Đánh giá kết quả học tập của HS nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 9 | Vận dụng các kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 7 để làm bài kiểm tra với 4 mức: biết, hiểu, vận dụng và vận dụng cao.  - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. | Viêt trên giấy(Trắc nghiệm + Tự luận) |
| Cuối Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 18 | Vận dụng các kiến thức đã học từ tuần 10 đến tuần 16 để làm bài kiểm tra với 4 mức: biết, hiểu, vận dụng và vận dụng cao.  - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. | Viêt trên giấy(Trắc nghiệm + Tự luận) |
| Giữa Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 27 | - Vận dụng các kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 25 để làm bài kiểm tra với 4 mức: biết, hiểu, vận dụng và vận dụng cao.  - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. | Viêt trên giấy(Trắc nghiệm + Tự luận) |
| Cuối Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 35 | - Vận dụng các kiến thức đã học từ tuần 28 đến tuần 33 để làm bài kiểm tra với 4 mức: biết, hiểu, vận dụng và vận dụng cao.  - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. | Viêt trên giấy(Trắc nghiệm + Tự luận) |

**2. Kế hoạch dạy học Lịch sử & địa lí 7**

**2.1. Phân phối chương trình PHÂN MÔN LỊCH SỬ 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tuần | Tiết | Bài học | Yêu cầu cần đạt |
| HỌC KỲ 1 | | | |
| 1 | 1 | Bài 1: Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu (T1) | - Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.  - Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.  - Phân tích được vai trò của thành thị trung đại.  - Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo. |
| 2 | Bài 1: Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu (T2) |
| 2 | 3 | Bài 1: Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu (T3) |
|  | 4 | Bài 2: Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu | - Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới.  - Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.  - Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.  - Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của [Ferdinand Magellan](https://en.wikipedia.org/wiki/Ferdinand_Magellan) vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).  - Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với  tiến trình lịch sử. |
| 3 | 5 |  |
| 3,4 | 6 | Bài 3: Phong trào Văn hóa Phục hưng và Cải cách tôn giáo (T1) | - Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.  - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng.  - Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá  Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.  - Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo.  - Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo.  - Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu. |
| 7 | Bài 3: Phong trào Văn hóa Phục hưng và Cải cách tôn giáo (T2) |
| 4,5 | 8 | Bài 4: Trung Quốc thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (T1) | - Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).  - Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.  - Mô tả được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh – Thanh.  - Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...). |
| 9 | Bài 4: Trung Quốc thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (T2) |
| 5,6 | 10 | Bài 5: Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX (T1) | - Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ.  - Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul.  - Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX. |
| 11 | Bài 5: Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX (T2) |
| 6,7 | 12 | Bài 6: Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI (T1) | - Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  - Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. |
| 13 | Bài 6: Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI (T2) |
| 7,8 | 14 | Bài 7: Vương quốc Lào | - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.  - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.  - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào. |
| 15 | Bài 8: Vương quốc Cam-pu-chia | - Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  - Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. |
| 8 | 16 | Bài 9: Đất nước buổi đầu độc lập (939 - 967) | - Nêu được những nét chính về thời Ngô.  - Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh.  - Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô  - Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô  Lồng ghép QPAN: Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền đất nước Việt Nam. |
| 9 | 17 | Ôn tập | - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia.  - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor.  - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia. |
|  |
| 18 | KTGKI | Đề kiểm tra |
| 10 | 19 | Bài 10: Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968 - 1009) (T1) | - Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh.  - Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981.  - Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.  - Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô – Đinh – Tiền Lê. |
| 11 | 20 | Bài 10: Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968 - 1009) (T2) | - Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh.  - Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981.  - Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.  - Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô – Đinh – Tiền Lê. |
| 12 | 21 | Bài 11: Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1225) (T1) | – Trình bày được sự thành lập nhà Lý. Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn.  – Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Lý.  – Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, mở khoa thi,...). |
| 13 | 22 | Bài 11: Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1225) (T2) |
| 14 | 23 | Bài 11: Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1225) (T3) |
| 15,16 | 24,25 | Bài 12: Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 - 1077) | – Đánh giá được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống và vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077). |
| 17 | 26 | Ôn tập cuối kỳ 1 |  |
| 18 | 27 | Kiểm tra cuối kỳ 1 |  |
| HỌC KỲ 2 | | | |
| 19,20 | 28 | Bài 13: Đại Việt thời Trần (1226 - 1400) (T1) | – Mô tả được sự thành lập nhà Trần.  – Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã  hội, văn hóa, tôn giáo thời Trần. |
| 29 | Bài 13: Đại Việt thời Trần (1226 - 1400) (T2) |
| 21 | 30 | Bài 13: Đại Việt thời Trần (1226 - 1400) (T3) |
|  | – Lập được lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống  quân xâm lược Mông – Nguyên.  – Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức  – Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá và đánh giá được vai  trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,... |
| 22,23,24,25,26 | 31  32,33 | Bài 14: Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên |
| 34 | Bài 14: Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên | – Lập được lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống  quân xâm lược Mông – Nguyên.  – Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức  – Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá và đánh giá được vai  trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,..... |
| 35 | Ôn tập | Nội dung bài 13,14. |
|  |
| 27 | 36 | KTGK2 | Đề KT |
| 27,28 | 37,38 | Bài 15: Nước Đại Ngu thời Hồ (1400 - 1407) (T2) | – Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ.  – Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý  Ly và nêu được tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời  nhà Hồ.  – Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh.  – Giải thích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược. |
| 39 | Bài 16: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) (T1) | – Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của  cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.  – Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng  lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.   * Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,... |
| 29 | 40 | Bài 16: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) (T2) |
| 41 | Bài 16: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) (T3) |
| 30 | 42 | Bài 16: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) (T4) |
| 43 | Bài 17: Đại Việt thời Lê Sơ (1428 - 1527) (T1) | * Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ. * Nhận biết được tình hình kinh tế – xã hội thời Lê sơ. * Giới thiệu được sự phát triển văn hoá, giáo dục và một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ.   Lồng ghép QPAN: Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam. ( Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam; một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật) |
| 31 | 44 | Bài 17: Đại Việt thời Lê Sơ (1428 - 1527) (T2) |
| 45 | Bài 17: Đại Việt thời Lê Sơ (1428 - 1527) (T3) |
| 32 | 46 | Bài 17: Đại Việt thời Lê Sơ (1428 - 1527) (T4) |
| 32 | 47 | Bài 18: Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI | Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế văn hoá ở vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.  Lồng ghép QPAN: Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam. ( Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam; một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật) |
| 33 | 48 |
| 33,34 | 49,50,51 | Chủ đề: Các cuộc phát kiến địa lý | - Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.  - Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của [Ferdinand Magellan](https://en.wikipedia.org/wiki/Ferdinand_Magellan) vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).  - Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với  tiến trình lịch sử. |
|  |  | |
| 35 | 52 | Ôn tập cuối kỳ 2 |  |
| 53 | Kiểm tra cuối kỳ 2 |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
| Kiểm tra giữa kì I | 45 | Tuần 9 | Từ bài 1 đến bài 9 | Kiểm tra viết  (trên giấy) |
| Kiểm tra cuối kì I | 45 | Tuần 18 | Từ bài 1 đến bài 12 | Kiểm tra viết  (trên giấy) |
| Kiểm tra giữa HK II | 45 | Tuần 26 | Từ bài 13 đến bài 14 | Kiểm tra viết  (trên giấy) |
| Kiểm tra cuối HK II | 45 | Tuần 35 | Từ bài 13 đến bài 18 | Kiểm tra viết  (trên giấy) |

**PHÂN MÔN ĐỊA LÝ 7**

**Kế hoạch dạy học:**

**Phân phối chương trình:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| HỌC KÌ I | | | |
| Tuần | Tiết | Bài học | Yêu cầu cần đạt |
| 1,2,3 | 1,2,3 | Bài 1. Vị trí địa lí. Đặc điểm tự nhiên châu Âu | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.  - Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu; đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đổ các sông lớn (Rai-nơ, Đa-nuyp, Vonga); các đới thiên nhiên. |
| 4,5 | 4,5 | Bài 2. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu | - Trình bày được đặc điểm của cơ câu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu. |
| 6,7 | 6,7 | Bài 3. Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Âu | - Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu. |
| 8 | 8 | Ôn tập giữa Học kì I |  |
| 9 | 9 | Kiểm tra giữa Học kì I |  |
| 10 | 10 | Bài 4. Liên minh châu Âu | - Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới. |
| 11 | Bài 5. Vị trí địa lí. Đặc điểm tự nhiên châu Á | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á. * Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. * Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á. * Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á. * Lồng ghép QPAN: Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam. |
| 11 | 12 |
| 13 |
| 12 | 14 |
| 15 | Bài 6. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á | * Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn. |
| 13 | 16 |
| 17 | Bài 7. Bản đồ chính trị châu Á. Các khu vực của châu Á | - Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên của các khu vực của châu Á.  - Biết cách sử dụng bản đồ để phân tích các đặc điểm tự nhiên của từng khu vực.  - Lồng ghép ANQP: Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam. |
| 14 | 18 |
| 19 |
| 15 | 20 |
| 21 | Bài 8. Thực hành: Tìm hiểu về các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á | - Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore). |
| 16 | 22 |
| 23 | CHỦ ĐỀ CHUNG |  |
| 17 | 24 |
| 25 |
| 18 | 26 | Ôn tập cuối Học kì I |  |
| 27 | Kiểm tra cuối Học kì I |  |
| HỌC KÌ II | | | |
| Tuần | Tiết | Bài học | Yêu cầu cần đạt |
| 19,20 | 28  29  30 | Bài 9. Vị trí địa lí. Đặc điểm tự nhiên châu Phi | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi. * Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi; một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên (ví dụ: vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,...). |
| 20 | 31 | Bài 10. Dân cư, xã hội châu Phi | * Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi (ví dụ: vấn đề nạn đói, vấn đề xung đột quân sự,...). |
| 21 | 32,  33 | Bài 11. Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Phi | * Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau. |
| 22 | 34 | Bài 12. Thực hành: Tìm hiểu Cộng hoà Nam Phi | - Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây. |
| 22 | 35 | Bài 13. Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ. Phát kiến ra châu Mỹ | * Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ. * Phân tích được các hệ quả địa lí - lịch sử của việc Christopher Colombus phát kiến ra châu Mỹ (1492 - 1502). |
| 23 | 36,37 | Bài 14. Đặc điểm tự nhiên Bắc Mỹ | * Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên. |
| 24,25 | 38,39,40 | Bài 15. Đặc điểm dân cư, xã hội. Phương thức khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ | Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá.   * Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững. * Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng. |
| 25 | 41 | Bài 16. Đặc điểm tự nhiên Trung và Nam Mỹ | Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều Đông - Tây, theo chiều Bắc - Nam và theo chiều cao (trên dãy núi Andes); đặc điểm của rừng nhiệt đới Amazon. |
| 26 | 42 | Ôn tập giữa Học kì II |  |
| 43 | Kiểm tra giữa Học kì II |  |
| 27 | 44 | Bài 16. Đặc điểm tự nhiên Trung và Nam Mỹ | * Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều Đông - Tây, theo chiều Bắc - Nam và theo chiều cao (trên dãy núi Andes); đặc điểm của rừng nhiệt đới Amazon. |
| 28,29 | 45 | Bài 17. Đặc điểm dân cư, xã hội Trung và Nam Mỹ. Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên rừng A-ma-dôn | * Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh.   - Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng Amazon. |
| 46 |
| 30,31,32 | 47  48  49 | Bài 18. Châu Đại Dương  - Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại dương  - Đặc điểm tự nhiên châu Đại dương  - Dân cư và một số vấn đề lịch sử và văn hóa của Ôxtrâ ylia  - Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên | * Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia. * Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản. Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia. * Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Australia.   - Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia. |
| 33 | 50 | Bài 19. Châu Nam Cực   * Vị trí địa lí của châu Nam Cực * Lịch sử phát kiến châu Nam Cực   - Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực. * Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực. * Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực.   - Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu. |
| 34 | 51 | Ôn tập cuối Học kì II |  |
| 35 | 52 | Kiểm tra cuối Học kì II |  |

**2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
| Giữa Học kỳ 1 | 45  phút | Tuần 9 | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài “..01...” đến hết bài “..03...” đối với phân môn Địa lí | - Trắc nghiệm khách quan và tự luận (trên giấy) |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài “..04...” đến hết bài “...08..” đối với phân môn Địa lí | - Trắc nghiệm khách quan và tự luận (trên giấy) |
| Giữa học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài “...09..” đến hết bài “..16...” đối với phân môn Địa lí | - Trắc nghiệm khách quan và tự luận (trên giấy) |
| Cuối học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài “..17...” đến hết bài “..19...” đối với phân môn Địa lí | - Trắc nghiệm khách quan và tự luận (trên giấy) |

**II. Kế hoạch dạy học[[4]](#footnote-4) MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 8**

**1. Phân phối chương trình**

**\*PHÂN MÔN LỊCH SỬ 8**

***Cả năm: 53 tiết***

***Học kì 1: 27 tiết***

***Từ tuần 1 dến tuần 9: 2 tiết/ tuần; từ tuần 10 dến tuần 18: 1 tiết/ tuần***

***Học kì 2: 26 tiết***

***Từ tuần 19 đến 26:1 tiết/ tuần; từ tuần 27 đến tuần 35: 2 tiết/ tuần***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần | Tiết | Bài học | | | Yêu cầu cần đạt | |
| 1 | 1 | | | Bài 1. Cách mạng tư sản Anh và Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ | * Xác định được trên bản đồ thế giới địa điểm diễn ra Cách mạng tư sản Anh, và Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. * Trình bày được những nét chung về nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa, tính chất; đăc điểm của cuộc chiến tranh | |
| 2 | | |
| 2 | 3 | | | Bài 2. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII | - Xác định được trên bản đồ thế giới địa điểm diễn ra Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.  - Trình bày được nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa tính chất, đặc điểm của c/m | |
| 4 | | |
| 3 | 5 | | | Bài 3. Cách mạng công nghiệp (nửa sau thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX) | - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp.  - Nêu được những tác động quan trọng của cách mạng công nghiệp đối với sản xuất và đời sống xã hội. | |
| 6 | | |
| 4 | 7 | Bài 4. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX | | | - Trình bày được những nét chính về quá trình xâm nhập của thực dân phương Tây, các cuộc đấu tranh của các nước Đông Nam Á.  - Nêu được những nét nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội ở các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây | |
| 8 |
| 5 | 9 | Bài 5. Cuộc xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn | | | - Nêu được những nét chính về sự ra đời của Vương triều Mạc.  - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ xung đột, hệ quả của cuộc chiến Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn. | |
| 10 |
| 6 | 11 | Bài 6. Công cuộc khai phá vùng đất phía Nam và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa, quần đảo Hoàng Sa từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII | | | * Trình bày được khái quát công cuộc khai phá vùng đất phía Nam trong các thế kỉ XVI – XVIII. * Mô tả và nêu được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn. * Lồng ghép QPAN: Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đoàn kết dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. | |
| 12 |
| 7 | 13 | Bài 7. Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII | | | * Nêu được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa) của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII. * Nêu được tác động của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt thế kỉ XVIII. | |
| 13 |
| 8 | 15 | Bài 8. Phong trào Tây Sơn | | | * Trình bày nguyên nhân bùng nổ khởi nghĩa Tây Sơn. * Mô tả được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn * Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn.   - Đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung trong phong trào Tây Sơn. | |
| 16 |
| 9 | 17 | Ôn tập | | | - Hệ thống và củng cố lại các kiến thức trọng tâm đã học từ tuần 1 đến tuần 7 | |
| 18 | Kiểm tra giữa kì I | | | - Đánh giá kết quả học tập của HS nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. | |
| 10 | 19 | Bài 9. Tình hình kinh tế, văn hoá, tôn giáo trong các thế kỉ XVI – XVIII | | | * Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế, văn hóa, tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII. * Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế, văn hóa, tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII. | |
| 11 | 20 |
| 12 | 21 | Bài 10. Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc ở các nước Âu – Mỹ (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX) | | | * Mô tả được những nét chính về quá trình hình thành chủ nghĩa đế quốc. * Nhận biết được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội và đối ngoại của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế ki XX. | |
| 13 | 22 |
| 14 | 23 | Bài 11. Phong trào công nhân từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học | | | - Nêu được sự ra đời của giai cấp công nhân.  - Trình bày được một số hoạt động chính của C. Mác, Ph. Ăng ghen và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.  - Trình bày được những nét chính về Công xã Pa-ri (1871) và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập nhà nước kiểu mới... nhà nước của giai cấp vô sản đầu tiên trên thế giới.  - Mô tả được một số hoạt động tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuốithế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX | |
| 15 | 24 |
| 16 | 25 |
| 17 | 26 | Ôn tập cuối kì I | | | - Hệ thống và củng cố lại các kiến thức trọng tâm đã học từ tuần 10 đến tuần 16 | |
| 18 | 27 | Kiểm tra HKI | | | - Đánh giá kết quả học tập của HS nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. | |
| HỌC KÌ II | | | | | |
| 19 | 28 | | | Bài 12. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) và Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 | - Nêu được nguyên nhân bùng nổ Chiến tranhthế giới thứ nhất.  - Phân tích, đánh giá được hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 1918) đối với lịch sử nhân loại.  - Nêu được một số nét chính (nguyên nhân, diễnbiển, tác động và ý nghĩa lịch sử) của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. | |
| 20 | 29 | | |
| 21 | 30 | | | Bài 13: Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX | – Mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về khoahọc, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII-XIX.  - Phân tích được tác động của sự phát triển khoahọc, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII-XIX. | |
| 22 | 31 | | |
| 23 | 32 | | | Bài 14: Trung Quốc và Nhật Bản từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX | - Mô tả được quá trình xâm lược Trung Quốc củacác nước đế quốc.  - Trình bày được sơ lược về Cách mạng Tân Hợi. Nhận biết được nguyên nhân thắng lợi và nêu được ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi.  - Nêu được những nội dung chính, ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy tân Minh Trị  - Trình bày được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. | |
| 24 | 33 | | |
| 25 | 34 | | | Bài 15: Ấn Độ và Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX | - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX.  - Nêu được một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.  - Nêu được một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. | |
| 26 | 35 | | |
| 27 | 36 | | | Ôn tập giữa HK II | - Hệ thống và củng cố lại các kiến thức trọng tâm đã học từ tuần 19 đến tuần 25 | |
| 37 | | | Kiểm tra giữa HK II | - Đánh giá kết quả học tập của HS nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. | |
| 28 | 38 | | | Bài 16. Việt Nam dưới thời Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX) | - Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn.  - Nêu được những nét chính về tình hình chính trị. sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội thời Nguyên. Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa củacác vua Nguyễn.  - Nêu được những nét chính về tình hình chính trị. sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội thời Nguyên. Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa củacác vua Nguyễn. | |
| 39 | | |
| 29 | 40 | | |
| 41 | | | Bài 17. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1884 | – Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884).  - Nhận biết được nguyên nhân, một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại,sĩ phu yêu nước.  - Lồng ghép QPAN: Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. | |
| 30 | 42 | | |
| 43 | | |
| 31 | 44 | | | Bài 18. Phong trào chống Pháp trong những năm 1885 – 1896 | - Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và cuộc khởi nghĩa Yên Thế.  - Lồng ghép QPAN: Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. | |
| 45 | | |
| 32 | 46 | | | Bài 19. Phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1917 | - Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của người Pháp đối với xã hội Việt Nam.  - Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của người Pháp đối với xã hội Việt Nam.  - Giới thiệu được những nét chính về hoạt động. yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Tất Thành. | |
| 47 | | |
| 33 | 48 | | |
| 49 | | Chủ đề chung 1: Văn Minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long | | * Trình bày được quá trình hình thành và phát triển châu thổ; mô tả được chế độ nước của các dòng sông chính. * Trình bày được quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long. | |
| 34 | 50 | |
| 51 | |
| 35 | 52 | | Ôn tập HK II | | - Hệ thống và củng cố lại các kiến thức trọng tâm đã học từ tuần 28 đến tuần 34 | |
| 53 | | Kiểm tra cuối kì II | | - Đánh giá kết quả học tập của HS nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. | |
|  | | | |  | |

**Phân môn ĐỊA LÍ 8**

**Cả năm 52 tiết**

**Học kì I: 27 tiết (Tuần 1- 9: 1 tiết/tuần –9 tiết; Tuần 10- 18: 2 tiết/tuần – 18 tiết)**

**Học kì II: 25 tiết (Tuần 19-26: 2 tiết/tuần – 16 tiết; Tuần 27-35: 1 tiết/ tuần –9 tiết)**

**Kế hoạch dạy học**

**Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần | | Tiết | Bài học | Yêu cầu cần đạt |
| 1 | | 1 | Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí.  - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên VN.  **\*Tích hợp lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh:** *Giới thiệu một số mốc quốc gia.* |
| 2 | | 2 |
| 3 | | 3 | Bài 2. Địa hình Việt Nam | - Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.  - Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.  - Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế. |
| 4 | | 4 |
| 5 | | 5 |
| 6 | | 6 |
| 7 | | 7 |
| 8 | | 8 | Ôn tập | - Hệ thống và củng cố lại các kiến thức trọng tâm đã học từ tuần 1 đến tuần 7 |
| 9 | | 9 | Kiểm tra giữa Học kỳ I | - Đánh giá kết quả học tập của HS nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời |
| 10 | | 10 | Bài 3. Khoáng sản Việt Nam | - Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản VN.  - Phân tích được vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.  - Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu. |
| 11 |
| 11 | | 12 |
| 13 | Bài 4. Khí hậu Việt Nam | - Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của VN.  - Chứng minh được sự phân hóa đa dạng của khí hậu VN. |
| 12 | | 14 |
| 15 |
| 13 | | 16 | Bài 5. Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu | Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau. |
| 17 |
| 14 | | 18 | Bài 6. Thuỷ văn Việt Nam | - Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.  - Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.  - Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt. |
| 19 |
| 15 | | 20 |
| 21 |
| 16 | | 22 | Bài 7. Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta | - Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.  - Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.  - Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông. |
| 23 |
| 17 | | 24 |
| 25 |
| 18 | | 26 | Ôn tập | - Hệ thống và củng cố lại các kiến thức trọng tâm đã học từ tuần 10 đến tuần 16 |
| 27 | Kiểm tra cuối Học kỳ I | - Đánh giá kết quả học tập của HS nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. |
| HỌC KÌ II: 25 tiết | | | | |
| Tuần | Tiết | | Bài học | Số tiết |
| 19 | 28 | | Bài 8. Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam | - Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam.  - Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. |
| 29 | |
| 20 | 30 | | Bài 9. Thổ nhưỡng Việt Nam | - Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.  - Trình bày được đặc điểm phân bố của 3 nhóm đất chính.  - Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.  - Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản..  - Chứng minh tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hóa đất. |
| 31 | |
| 21 | 32 | |
| 33 | |
| 22 | 34 | |
| 35 | | Bài 10. Sinh vật Việt Nam | -Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật VN.  -Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở VN.  - Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam.  - Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc.  - Trình bày được khái niệm vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển – đảo Việt Nam. |
| 23 | 36 | |
| 37 | |
| 24 | 38 | |
| 39 | | Bài 11. Phạm vi Biển Đông. Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông. Đặc điểm tự nhiên của vùng biển đảo Việt Nam | - Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam.  - Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc.  - Trình bày được khái niệm vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển – đảo Việt Nam.  \*Tích hợp lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh: *Giới thiệu một số mốc quốc gia.* |
| 25 | 40 | |
| 41 | |
| 26 | 42 | |
| 43 | | Ôn tập | - Hệ thống và củng cố lại các kiến thức trọng tâm đã học từ tuần 19 đến tuần 24 |
| 27 | 44 | | Kiểm tra giữa Kỳ II | - Đánh giá kết quả học tập của HS nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. |
| 28 | 45 | | Bài 12. Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam | - Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam.  - Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam. |
| 29 | 46 | |
| 30 | 47 | |
| 31 | 48 | | Chủ đề chung 2. Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông | - Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo VN (theo luật Biển VN).  - Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của việt nam ở Biển Đông.  - Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của VN trong lịch sử. |
| 32 | 49 | |
| 33 | 50 | |
| 34 | 51 | | Ôn tập | - Hệ thống và củng cố lại các kiến thức trọng tâm đã học từ tuần 28 đến tuần 34 |
| 35 | 52 | | Kiểm tra cuối Học Kỳ II | - Đánh giá kết quả học tập của HS nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời. |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 9 | Vận dụng các kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 7 để làm bài kiểm tra với 4 mức: biết, hiểu, vận dụng và vận dụng cao. | Viết trên giấy(Trắc nghiệm + Tự luận) |
| Cuối Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 18 | Vận dụng các kiến thức đã học từ tuần 10 đến tuần 16 để làm bài kiểm tra với 4 mức: biết, hiểu, vận dụng và vận dụng cao. | Viết trên giấy(Trắc nghiệm + Tự luận) |
| Giữa Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 27 | Vận dụng các kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 25 để làm bài kiểm tra với 4 mức: biết, hiểu, vận dụng và vận dụng cao. | Viết trên giấy(Trắc nghiệm + Tự luận) |
| Cuối Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 35 | Vận dụng các kiến thức đã học từ tuần 28 đến tuần 33 để làm bài kiểm tra với 4 mức: biết, hiểu, vận dụng và vận dụng cao. | Viết trên giấy(Trắc nghiệm + Tự luận) |

*\** **Kế hoạch dạy học MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 9**

**Phân phối chương trình PHÂN MÔN LỊCH SỬ 9**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)**  **(TPPCT)** | **Thời điểm (Tuần)**  **(3)** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **HỌC KÌ I (18 tuần - 27 tiết)**  ***Tuần 1 đến tuần 9: 1 tiết/tuần*** | | | | |
| 1 | **Chương I: Thế giới từ năm 1918đến năm 1945.**  Bài 1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945 (1 tiết) | 1(1) | 1 | - Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập.  - Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. |
| 2 | Bài 2. Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945 | 2(2,3) | 2,3 | - Trình bày được những nét chính về: phong trào cách mạng và  sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933; sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu.  - Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới. |
| 3 | Bài 3. Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 | 2(4,5) | 4,5 | - Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945. |
| 4 | **4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)** | 1(6) | 6 | - Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai.  - Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.  - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước trong Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít. |
| 5 | Bài 5: Phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1918 - 1930 | 1(7) | 7 | - Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930. |
| 6 | Ôn tập giữa kì 1 | 1(8) | 8 | Hệ thống lại nội dung kiến thức từ bài 1 đến bài 5 |
| 7 | Kiểm tra giữa kì 1 | 1(9) | 9 | Vận dụng nội dung kiến thức từ bài 1 đến bài 5 để hoàn thành bài kiểm tra giữa kì 1 |
| Tuần 10 đến tuần 18: 2 tiết/ tuần | | | | |
| 8 | Bài 6: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập ĐCS Việt Nam | 2 (10,11) | 10 | - Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930.  – Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. |
| 9 | Bài 7: Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939 | 1(12) | 11 | - Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939. |
| 11 | Bài 8: Cách mạng tháng Tám năm 1945 | 2 (13,14) | 11,12 | - Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản.  - Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước.  - Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.  - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. |
| 12 | Bài 9: Chiến tranh lạnh | 2 (15,16) | 12,13 | - Nhận biết được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh. |
| 13 | Bài 10: Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 | 2 (17,18) | 13,14 | - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.  - Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. |
| 14 | Bài 11: Nước Mĩ và Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991 | 2 (19,20) | 14,15 | - Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. |
| 15 | Bài 12: Khu vực Mĩ La-tinh và châu Á từ năm 1945 đến năm 1991 | 4 (21,22, 23,24) | 15,16,17 | - Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991.  - Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cuba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba.  - Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991.  - Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). |
| 16 | Bài 13: Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 | 1(25) | 17 | - Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.  - Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ. |
| 17 | Ôn tập cuối kì 1 | 1(26) | 18 | Hệ thống lại nội dung kiến thức từ bài 1 đến bài 12 |
| 18 | Kiểm tra cuối kì 1 | 1(27) | 18 | Vận dụng nội dung kiến thức từ bài 1 đến bài 12 để hoàn thành bài kiểm tra cuối kì 1 |
| **HỌC KÌ II (17 tuần - 25 tiết)**  Tuần 19 đến tuần 26: 2 tiết/ tuần | | | | |
| 19 | Bài 14: Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1946 – 1950 | 2 (28,29) | 19 | - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946).  - Nhận biết và giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng.  - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1950). |
| 20 | Bài 15: Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1951 – 1954 | 2 (30,31) | 20 | - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1951-1954).  - Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).  Lồng ghép QPAN: Hậu quả của các cuộc chiến tranh xâm lược đối với dân tộc Việt Nam.  Hậu quả của các cuộc chiến tranh xâm lược đối với dân tộc Việt Nam; một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; giới thiệu một số bài hát ca ngợi truyền thống vẻ vang của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam; trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |
| 21 | Bài 16: Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1954 – 1965 (2 tiết) | 2 (32,33) | 21 | - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,...).  - Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1975 (phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...). |
| 22 | Bài 17: Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1965 – 1975 | 2 (34,35) | 22 | - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa giai đoạn 1965-1975 (chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,...).  - Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1975 (“Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...).  - Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.  Lồng ghép QPAN:Giới thiệu một số bài hát ca ngợi truyền thống vẻ vang của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam.  Hậu quả của các cuộc chiến tranh xâm lược đối với dân tộc Việt Nam; một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; giới thiệu một số bài hát ca ngợi truyền thống vẻ vang của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam; trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |
| 23 | Bài 18: Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1991 | 2 (36,37) | 23 | - Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.  - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985.  - Mô tả được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991.  - Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới.  Lồng ghép QPAN:Trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  Hậu quả của các cuộc chiến tranh xâm lược đối với dân tộc Việt Nam; một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; giới thiệu một số bài hát ca ngợi truyền thống vẻ vang của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam; trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |
| 24 | Chủ đề chung 3: Bảo vệ chủ quyền, các quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông (3 tiết) | 3 (38,39,40 | 24,25 | - Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam.  - Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.  - Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.  Lồng ghép QPAN:Trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  Hậu quả của các cuộc chiến tranh xâm lược đối với dân tộc Việt Nam; một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; giới thiệu một số bài hát ca ngợi truyền thống vẻ vang của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam; trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |
| 25 | Bài 19: Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay. Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay | 1  (41) | 25 | - Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.  - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay.  - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. |
| 26 | Ôn tập giữa kì 2 | 1(42) | 26 | Hệ thống lại nội dung kiến thức từ bài 13 đến bài 18 |
| 27 | Kiểm tra giữa kì 2 | 1(43) | 26 | Vận dụng nội dung kiến thức từ bài 13 đến bài 18, chủ đề 3 để hoàn thành bài kiểm tra giữa kì 2 |
| Tuần 27 đến tuần 35: 1 tiết/ tuần | | | | |
| 28 | Bài 19: Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay. Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay (tt) | 1  (44) | 27 | - Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.  - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay.  - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. |
| 29 | Bài 20: Châu Á từ năm 1991 đến nay | 2 (45,46) | 28,29 | - Giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay.  - Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN. |
| 30 | Bài 21: Việt Nam từ năm 1991 đến nay | 1(47) | 30 | - Chỉ ra được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh,…) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay. |
| 31 | Bài 22: Cách mạng KH-KT và xu thế toàn cầu hoá | 1(48) | 31 | - Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kĩ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam.  - Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam.  Lồng ghép QPAN:Trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  Hậu quả của các cuộc chiến tranh xâm lược đối với dân tộc Việt Nam; một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; giới thiệu một số bài hát ca ngợi truyền thống vẻ vang của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam; trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |
| 32 | Chủ đề chung 1. Đô thị: Lịch sử và hiện tại | 2 (49,50) | 32,33 | - Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực.  - Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.  - Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội. |
| 33 | Ôn tập cuối kì 2 | 1(51) | 34 | Hệ thống lại nội dung kiến thức từ bài 13 đến bài 22 |
| 34 | Kiểm tra cuối kì 2 | 1(52) | 35 | Vận dụng nội dung kiến thức từ bài 13 đến bài 22, chủ đề 1, 3 để hoàn thành bài kiểm tra cuối kì 2 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Kiểm tra giữa kì I | 45 | Tuần 9 | Từ bài 1 đến bài 5 | Kiểm tra viết  (trên giấy) |
| Kiểm tra cuối kì I | 45 | Tuần 18 | Từ bài 1 đến bài 13 | Kiểm tra viết  (trên giấy) |
| Kiểm tra giữa HK II | 45 | Tuần 26 | Từ bài 14 đến bài 19 | Kiểm tra viết  (trên giấy) |
| Kiểm tra cuối HK II | 45 | Tuần 35 | Từ bài 14 đến bài CĐ 1 | Kiểm tra viết  (trên giấy) |

**Kế hoạch dạy học PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 9**

**Phân phối chương trình**

**HỌC KÌ I: 27 tiết**

- Từ tuần 1 đến tuần 9 *(9 tuần đầu)*: 2 tiết/tuần

- Từ tuần 10 đến tuần 18 *(9 tuần sau)*: 1 tiết/tuần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài học** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | 1 | Bài 1: Dân tộc và dân số | - Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.  - Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.  - Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số. |
| 2 |
| 2 | 3 | Bài 2: Phân bố dân cư và các loại hình quần cư | - Đọc bản đồ dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư.  - Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn. |
| 4 | Bài 3: Thực hành: Tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa phương và phân hóa thu nhập theo vùng. | - Tìm hiểu và viết báo cáo phân tích vấn đề việc làm ở địa phương.  - Sử dụng số liệu để nhận xét sự phân hoá thu nhập theo vùng ở nước ta. |
| 3 | 5 | Bài 4: Nông nghiệp | - Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp.  - Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.  Lồng ghép QPAN: Một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh |
| 6 |
| 4 | 7 | Bài 5: Lâm nghiệp và thủy sản | - Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thuỷ sản.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thuỷ sản. |
| 8 | Bài 6: TH. Viết báo cáo về một mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. | - Tìm kiếm được thông tin và viết báo cáo về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. |
| 5 | 9 | Bài 7: Công nghiệp | - Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu.  - Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. |
| 10 |
| 6 | 11 |
| 12 | Bài 8: TH. Xác định các trung tâm công nghiệp chính ở nước ta. | - Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính |
| 7 | 13 | Bài 9: Dịch vụ. | - Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.  - Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông.  - Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính. |
| 14 |
| 8 | 15 |
| 16 | Bài 10: TH. Tìm hiểu xu hướng phát triển ngành thương mại, dịch vụ. | - Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch. |
| 9 | 17 | **Ôn tập giữa Học kì I** | -Hệ thống lại những kiến thức và củng cố lại nội dung đã học từ bài 1 đến bài 10 |
| 18 | **Kiểm tra giữa Học kì I** | HS vận dụng những kiến thức để hoàn thành bài kiểm tra giữa HKI |
| 10 | 19 | Bài 11: Vùng TD và MNBB. | - Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  - Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm - nông - thuỷ sản, du lịch.  - Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng.  - Vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. |
| 11 | 20 |
| 12 | 21 |
| 13 | 22 | Bài 12: Vùng Đồng bằng sông Hồng. | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  - Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản; vấn đề phát triển kinh tế biển.  - Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.  - Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng. |
| 14 | 23 |
| 15 | 24 |
| 16 | 25 | Bài 13. TH. Tìm hiểu về Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. | - Sưu tầm tư liệu và trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.  - Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí từ sách, báo, internet, thực tế,...  - Phát triển năng lực hợp tác và giao tiếp, giải quyết vấn đề và sáng tạo,...  - Chăm chỉ, chịu khó tìm hiểu kiến thức địa lí. |
| 17 | 26 | **Ôn tập cuối Học kì I** | - Hệ thống lại những kiến thức và củng cố lại nội dung đã học từ bài 1 đến bài 13 |
| 18 | 27 | **Kiểm tra cuối Học kì I** | HS vận dụng những kiến thức để hoàn thành bài kiểm tra cuối HKI |

**HỌC KÌ II: 26 tiết**

- Từ tuần 19 đến tuần 26 *(8 tuần đầu)*: 1 tiết/tuần

- Từ tuần 27 đến tuần 35 *(9 tuần sau)*: 2 tiết/tuần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài học** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 19 | 28 | Bài 14. Vùng Bắc Trung Bộ | - Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Bắc Trung Bộ.  - Trình bày được đặc điểm phân hoá của tự nhiên và giải thích ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của Bắc Trung Bộ.  - Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ.  - Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ.  - Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở Bắc Trung Bộ.  - Phân tích được thế mạnh về du lịch ở Bắc Trung Bộ.  - Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ. |
| 20 | 29 |
| 21 | 30 |
| 22 | 31 | Bài 15. Duyên hải Nam Trung Bộ | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ.  - Phân tích được các đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính.  - Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc.  - Phân tích được những chuyển biến trong phát triển và phân bố kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ.  - Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của Duyên hải Nam Trung Bộ.  - Trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. |
| 23 | 32 |
| 24 | 33 | Bài 16. TH. Phân tích ảnh hưởng của hạn hán và sa mạc hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận. | - Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế - xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận - Bình Thuận. |
| 25 | 34 | **Ôn tập giữa Học kì II** | - Hệ thống lại những kiến thức và củng cố lại nội dung đã học từ bài 14 đến bài 16 |
| 26 | 35 | **Kiểm tra giữa Học kì II** | HS vận dụng những kiến thức để hoàn thành bài kiểm tra giữa HKII |
| 27 | 36 | Bài 17. Vùng Tây Nguyên | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  - Trình bày được thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  - Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên.  - Trình bày được các vấn đề môi trường trong phát triển. |
| 37 |
| 28 | 38 |
| 39 |
| 29 | 40 | Bài 18. Vùng Đông Nam bộ | * Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. * Phân tích được các thế mạnh, hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. * Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ. * Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng.   - Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng.  - Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. |
| 41 |
| 30 | 42 | Bài 19. TH. Tìm hiểu Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. | - Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. |
| 43 | Bài 20. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  - Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng.  - Trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. |
| 31 | 44 |
| 45 | Bài 21. TH. Tìm hiểu về tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long. | - Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó. |
| 32 | 46 | Bài 22. Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo. | - Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó.  - Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.  - Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.  Lồng ghép QPAN: Một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. |
| 47 |
| 33 | 48 | **Chủ đề chung:** Chủ đề 2. Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. | - Trình bày được những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông.  - Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.  - Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.  - Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại. |
| 49 |
| 34 | 50 |
| 51 | **Ôn tập cuối Học kì II** | - Hệ thống lại những kiến thức và củng cố lại nội dung đã học từ bài 14 đến bài 22 |
| 35 | 52 | **Kiểm tra cuối Học kì II** | HS vận dụng những kiến thức để hoàn thành bài kiểm tra cuối HKII |

**2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | -Vận dụng kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 8 để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao. | Trắc nghiệm và tự luận |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | -Vận dụng kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 16 để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao. | Trắc nghiệm và tự luận |
| Giữa học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | -Vận dụng kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 24 để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao. | Trắc nghiệm và tự luận |
| Cuối học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | -Vận dụng kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 33 để làm bài kiểm tra với 4 mức độ: biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao. | Trắc nghiệm và tự luận |

**\*MÔN NGHỆ THUẬT**

**Thiết bị dạy học: Âm nhạc**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | | Số lượng | Các tiết thực hiện |
| 1 | Nhạc cụ thể hiện giai điệu | Kèn phím | 20 | 6, 9, 15, 18, 24, 27, 33, 35 |
|  |  | Thanh phách | 20 | Các tiết học |
| Tambourune | 20 | Các tiết học |
| 3 | Thiết bị dùng chung | Đàn phím điện tử | 1 | Các tiết học |
| Máy chiếu, loa Bluetooth | 1 | Các tiết học |

**Thiết bị dạy học: Mĩ thuật**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| **CHỦ ĐỀ: NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI** | | | | |
| 1 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Tranh, ảnh, video về nghệ thuật hiện đại thế giới.  - Phóng to hình vẽ cách vẽ tranh theo tác phẩm của họa sĩ Paul Gauguin  - Tranh một số tác phẩm trường phái Ấn tượng... | - 01 cái  - 01 cái  - 01 bộ  - 04 tranh  - 04 tranh | Bài 1.  THIÊN NHIÊN TRONG TRANH CỦA HOẠ SĨ PAUL GAUGUIN |  |
| 2 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Bản tranh ảnh cắt dán của họa sĩ  - Tranh dựa vào hình ảnh, màu sắc trên các vật liệu có sẵn  - Tranh của trường phái Lập thể | - 01 cái  - 01 cái  - 01 bộ  - 04 tranh  - 04 tranh | Bài 2:  NGHỆ THUẬT TRANH CẮT DÁN (COLLAGE ART) |  |
| 3 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Tranh chân dung theo trường phái biểu hiện.  - Phóng to hình cách vẽ tranh chân dung với nét, màu biểu cảm | - 01 cái  - 01 cái  - 01 bộ    - 04 tranh | Bài 3:  TRANH CHÂN DUNG THEO TRƯỜNG PHÁI BIỂU HIỆN |  |
| **CHỦ ĐỀ: NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI VIỆT NAM** | | | | |
| 4 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Tranh ảnh về nghệ thuật hiện đại Việt Nam (tranh sơn mài)  - Tranh kết hợp gắn vỏ trứng  - Tranh của họa sĩ Nguyễn Gia Trí | - 01 cái  - 01 cái  - 01 bộ  - 04 tranh  - 02 tranh | Bài 4:  NÉT ĐẶC TRƯNG TRONG TRANH SƠN MÀI VIỆT NAM  {Kiểm tra giữa học kì I) |  |
| 5 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Tranh lụa của họa sĩ VN (Nguyễn Phan Chánh…)  - Phóng to cách mô phỏng tranh lụa bằng màu nước  - Tranh lụa hiện đại Việt Nam | - 01 cái  - 01 cái  - 01 bộ    - 04 tranh  - 02 tranh | Bài 5:  NÉT ĐẸP TRONG TRANH LỤA CỦA HOẠ SĨ NGUYỄN PHAN CHÁNH |  |
| 6 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Mẫu vật tượng chân dung nhân vật  - Phóng to hình cách tạo tượng chân dung bằng đất nặn  - Một số tác phẩm điêu khắc hiện đại Việt Nam | - 01cái  - 01cái  - 01 bộ  - 04 tranh  - 02 tranh | Bài 6:  TƯỢNG CHÂN DUNG NHÂN VẬT |  |
| **CHỦ ĐỀ: MĨ THUẬT CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM** | | | | |
| 7 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Tranh 1 số họa tiết tiêu biểu của 1 số dân tộc thiểu số VN.  - Video cách tạo khuôn và in nền trang trí  - Tranh trang phục của dân tộc tiểu số | - 01cái  - 01cái  - 05 tranh    - 06 tranh  - 02 tranh | Bài 7:  TẠO MẪU NỀN TRANG TRÍ VỚI HOẠ TIẾT DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM |  |
| 8 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Tranh, ảnh trang phục sử dụng họa tiết dân tộc. | - 01cái  - 01cái  - 01 bộ | Bài 8:  THIẾT KẾ TRANG PHỤC VỚI HOẠ TIẾT DÂN TỘC  (Kiểm tra cuối kì I) |  |
| 9 | - Sản phẩm của HS |  | Tổng kết học kỳ 1: Trưng bày sản phẩm mĩ thuật |  |
| **CHỦ ĐỀ: NỘI THẤT CĂN PHÒNG** | | | | |
| 10 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Tranh, ảnh, vi deo về sản phẩm nội thất  - Tranh,ảnh, video không gian nội thất trong cuộc sống | - 01 cái  - 01 cái  - 01 bộ  - 01 bộ | Bài 9:  THIẾT KẾ SẢN PHẨM NỘI THẤT |  |
| 11 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Tranh ảnh, video về thiết kế và mô hình nội thất căn phòng.  - Tranh, ảnh mô hình thiết kế nội thất của ngôi nhà | - 01 cái  - 01 cái  - 01 bộ  - 02 tranh | Bài 10: THIẾT KẾ MÔ HÌNH CĂN PHÒNG |  |
| **CHỦ ĐỀ: MĨ THUẬT TRONG CUỘC SỐNG** | | | | |
| 12 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Tranh, ảnh họa tiết chấm  - Video clip tạo họa tiết trang trí hoa lá bằng các chấm màu | - 01 cái  - 01 cái  - 10 tranh  - 1 bộ | Bài 11:  TẠO HOẠ TIẾT TRANG TRÍ BẰNG CÁC CHẤM  (Kiểm tra giữa học kì II) |  |
| 13 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Tranh trang trí với các màu tương phản  - Tranh, ảnh một số ứng dụng màu tương phản | - 01 cái  - 01 cái  - 10 tranh  - 01 bộ | Bài 12:  TRANH TĨNH VẬT |  |
| 14 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Tranh, ảnh về tranh áp phích  - tranh, ảnh, vi deo một số thể loại tranh áp phích | - 1 cái  - 1 cái  - 1 bộ  - 1 bộ | Bài 13:  TRANH TRANG TRÍ VỚI MÀU |  |
| 15 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Tranh, ảnh về tranh áp phích  - Tranh, ảnh, vi deo một số thể loại tranh áp phích | - 1 cái  - 1 cái  - 1 bộ  - 4 tranh | Bài 14:  TRANH ÁP PHÍCH |  |
| **CHỦ ĐỀ: HƯỚNG NGHIỆP** | | | | |
| 16 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Tranh, ảnh minh họa ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật tạo hình | - 1 cái  - 1 cái  - 01 bộ | Bài 15:  KHÁI QUÁT VỀ NGÀNH NGHỀ LIÊN QUAN  (Kiểm tra cuối học kì II) |  |
| 17 | - Máy chiếu  - Máy tính  - Tranh ảnh ,video một số sản phẩm của các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật tạo hình | - 1 cái  - 1 cái  - 1 bộ | Bài 16:  ĐẶC TRƯNG CỦA MỘT SỐ NGHỀ LIÊN QUAN ĐẾN MĨ THUẬT TẠO HÌNH |  |
| 18 | - Sản phẩm của HS |  | Tổng kết năm học: Trưng bày sản phẩm mĩ thuật |  |

**PHÂN MÔN ÂM NHẠC 6**

**Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ 1:****TUỔI HỌC TRÒ** *(4 tiết)* | | |
| **TIẾT/ TUẦN** | **BÀI HỌC** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT/NỘI DUNG LỒNG GHÉP** |
| 1 | * Hát: *Con đường học trò* * Nghe nhạc: Bài hát *Tháng năm học trò* | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Con đường học trò.* Biết thể hiện bài hát bằng hình thức: nối tiếp, hoà giọng (mục 2 SGK trang 7). * Nghe và cảm nhận giai điệu, nội dung, sắc thái bài hát *Tháng năm học trò.* |
| 2 | * Thường thức âm nhạc: Giới thiệu đàn piano * Ôn bài hát: *Con đường học trò* | * Nêu được một số đặc điểm về đàn piano. * Ôn bài hát theo hình thức: Hát kết hợp vận động cơ thể theo nhịp điệu (mục 3 SGK trang 7). |
| 3 | * Lí thuyết âm nhạc: Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 1* | * Nhận biết và phân biệt được các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc. * Nhớ lại các kiến thức Lí thuyết âm nhạc đã học ở tiểu học. Đọc đúng cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 1.* |
| 4 | Vận dụng – Sáng tạo | * Trình bày bài hát *Con đường học trò* bằng các hình thức đã học. * Nhận biết được các thuộc tính âm thanh có tính nhạc qua nét nhạc của *Bài đọc nhạc số 1*; kết hợp đọc và gõ đệm. * Trình bày những hiểu biết âm nhạc thông qua trò chơi *Nhịp điệu đến trường.* * Giới thiệu tranh vẽ theo chủ đề *Tuổi học trò.* * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| **CHỦ ĐỀ 2: CUỘC SỐNG TƯƠI ĐẸP** *(4 tiết)* | | |
| 5 | * Hát: *Đời sống không già vì có chúng em* | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Đời sống không già vì có chúng em* * Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức: Hát nối tiếp, hoà giọng; hát kết hợp vận động cơ thể theo nhịp điệu. |
| 6 | * Nghe nhạc: Tác phẩm *The Blue Danube*. * Ôn bài hát: *Đời sống không già vì có chúng em.* | * Nghe và cảm nhận giai điệu, nhịp điệu bản *The Blue Danube.* Vận động theo nhịp điệu 3/4 của tác phẩm. * Ôn luyện bài hát mức độ cao hơn tiết 1. |
| 7 | * Nhạc cụ giai điệu: Kèn phím. * Lí thuyết âm nhạc: Kí hiệu âm bằng hệ thống chữ cái Latin. | * Nhắc lại được một số hiểu biết về nhạc cụ giai điệu đã học ở tiểu học. Thể hiện được nhạc cụ giai điệu qua bài luyện mẫu âm. * Nhận biết được kí hiệu âm thanh bằng hệ thống chữ cái Latin. |
| 8 | * Vận dụng – Sáng tạo | * Trình bày bài hát *Đời sống không già vì có chúng em* kết hợp vận động cơ thể theo nhịp điệu. * Nghe, nêu được tên và những hiểu biết của mình về các bài hát, tác phẩm đã học. * Vận dụng các kiến thức và kĩ năng để tham gia hoạt động Trò chơi âm nhạc, Ứng tác âm nhạc. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 9 | **ÔN TẬP - KIỂM TRA GIỮA KÌ I** *(1 tiết)*  GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 1 và 2 phù hợp với năng lực để tham gia ôn tập và kiểm tra giữa kì. | |
| **CHỦ ĐỀ 3: NHỚ ƠN THẦY CÔ** *(3tiết)* | | |
| 10 | * Hát: *Thầy cô là tất cả* * Nghe nhạc: *Nhớ ơn thầy cô.* | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Thầy cô là tất cả.* Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức: Hát lĩnh xướng, hoà giọng; hát kết hợp động phụ hoạ (mục 2 SGK trang 23). * Nghe và cảm nhận giai điệu, nội dung, sắc thái bài *Nhớ ơn thầy cô.* |
| 11 | * Lí thuyết âm nhạc: Nhịp 4/4 * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 2* * Thường thức âm nhạc: Giới thiệu hình thức hát bè. | * Nhớ được khái niệm và biết cách đánh nhịp 4/ 4 * Đọc đúng cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 2.* * Nhận biết được các hình thức hát bè. Biết vận dụng hát bè vào bài *Đời sống không già vì có chúng em* và bài *Thầy cô là tất cả* vào các hoạt động ngoại khóa. |
| 12 | * Vận dụng – Sáng tạo | * Đọc bài đọc nhạc kết hợp đánh nhịp 4/4, gõ đệm. * Trình bày bài hát *Thầy cô là tất cả* bằng các hình thức đã học. * Giới thiệu và chia sẻ những bản nhạc, bài hát đã sưu tầm về chủ đề thầy cô và mái trường cho mọi người cùng nghe. * Biết làm nhạc cụ đơn giản từ các vật liệu trong đời sống hàng ngày. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| **CHỦ ĐỀ 4: ƯỚC MƠ HOÀ BÌNH** *(5 tiết)* | | |
| 13 | * Hát: *Những ước mơ* | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Những ước mơ.* * Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức: Hát nối tiếp, hoà giọng; hát kết hợp gõ đệm nhạc cụ tiết tấu. |
| 14 | * Nghe nhạc: Trích đoạn chương IV *Giao hưởng số 9* của Ludwig van Beethoven * Ôn bài hát: *Những ước mơ* | * Nghe và cảm nhận giai điệu, sắc thái qua trích đoạn chương IV bản *Giao hưởng số 9* của Ludwig van Beethoven. * Ôn luyện bài hát mức độ cao hơn tiết 1. |
| 15 | * Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Văn Ký và tác phẩm *Bài ca hi vọng.* * Ôn bài hát: *Những ước mơ* | * Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhạc sĩ Văn Ký. Cảm nhận được nội dung giai điệu, tính chất âm nhạc tác phẩm *Bài ca hi vọng.* * Ôn luyện bài hát mức độ biểu diễn cá nhân, nhóm.   *\* Tích hợp* *Lồng ghép GD QPAN: GV giới thiệu cho HS vài nét về đất nước ta vào năm 1958 khi còn bị chia cắt làm 2 miền bằng một số hình ảnh hoặc video thông qua tác phẩm Bài ca hi vọng.* |
| 16 | * Nhạc cụ giai điêu: Kèn phím | * Kèn phím: Luyện gam Đô trưởng và ứng dụng vào trích đoạn *Bài đọc nhạc số 1.* |
| 17 | Vận dụng – Sáng tạo | * Các nhóm trình bày bài hát *Những ước mơ* theo cách khác nhau ở mức độ biểu diễn. * Thuyết trình hiểu biết về nhạc sĩ Văn Ký và tác phẩm *Bài ca hy vọng.* * Thực hành nhạc cụ giai điệu trên các mẫu âm đã học. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 18 | **ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I (***1 tiết)*  **Lựa chọn 1 trong 3 nội dung để ôn tập, đánh giá cuối kỳ I**   * Biểu diễn bài hát bằng các hình thức đã học. * Đọc bài đọc nhạc kết hợp gõ đệm, đánh nhịp. * Thực hành một trong các bài tập nhạc cụ thể hiện tiết tấu hoặc bài tập nhạc cụ thể hiện giai điệu đã học . | |
| **CHỦ ĐỀ 5: GIAI ĐIỆU QUÊ HƯƠNG** *(4 tiết)* | | |
| 19 | * Hát: *Mưa rơi* * Nghe nhạc: Hoà tấu nhạc cụ dân tộc bài *Mừng hội hoa bông* | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Mưa rơi*. Biết thể hiện bài hát bằng hình thức: Hát nối tiếp (mục 2 SGK trang 39). * Nghe và cảm nhận giai điệu, sắc thái bản hoà tấu nhạc cụ dân tộc bài *Mừng hội hoa bông*.   *\*Lồng ghép giáo dục thông qua di sản : GV gợi ý cho HS trả lời câu hỏi để nâng cao ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị tốt đẹp của dân ca Việt Nam.* |
| 20 | * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 3* * Ôn bài hát: *Mưa rơi* | * Đọc đúng cao độ, trường độ và cảm nhận được tính chất âm nhạc *Bài đọc nhạc số 3*. Các nhóm hoặc cá nhân đặt lời mới trên giai điệu *Bài đọc nhạc số 3*, nội dung về chủ đề *Giai điệu quê hương.* * Ôn luyện bài hát bằng hình thức: Hát kết hợp nhạc cụ gõ đệm (SGK trang 39). |
| 21 | * Thường thức âm nhạc: Tìm hiểu sáo trúc, khèn * Ôn bài đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 3* | * Nhận biết và nêu được một số đặc điểm về nhạc cụ dân tộc sáo trúc, khèn. * Ôn *Bài đọc nhạc số 3* kết hợp các hình thức gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu hoặc đánh nhịp. |
| 22 | Vận dụng – Sáng tạo | * Trình bày bài hát *Mưa rơi* kết hợp vận động cơ thể; kết hợp gõ đệm bằng nhạc cụ tiết tấu (nhạc cụ tự làm). Luyện tập cách hát bè bài *Mưa rơi* theo mẫu trong SGK. * *Bài đọc nhạc số 3:* Cá nhân, nhóm đọc nhạc và kết hợp hát ghép lời mới theo yêu cầu từ tiết học trước. * Chia sẻ cho các bạn những hiểu biết và cùng nghe bản hoà tấu, độc tấu khèn, sáo đã sưu tầm được. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| **CHỦ ĐỀ 6: MẸ TRONG TRÁI TIM EM** *(4tiết)* | | |
| 23 | * Hát: *Chỉ có một trên đời* * Thường thức âm nhạc: Giới thiệu nhạc sĩ Johannes Brahms và bản *Lullaby.* | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Chỉ có một trên đời*. Biết thể hiện bài hát bằng hình thức: Lĩnh xướng, hoà giọng (mục 2 SGK trang 47). * Nêu được đôi nét về cuộc đời, thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ Johannes Brahms và tác phẩm *Lullaby.* |
| 24 | * Lí thuyết âm nhạc: Cung và nửa cung * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 4* * Ôn bài hát: *Chỉ có một trên đời* | * Nhận biết cung và nửa cung qua ví dụ âm thanh hình ảnh minh hoạ. * Đọc đúng cao độ, trường độ và thể hiện sắc thái Bài đọc nhạc số 4. * Ôn luyện bài hát bằng hình thức: Hát kế hợp vận động phụ hoạ (SGK tr47). |
| 25 | * Nhạc cụ giai điệu: Kèn phím | * Kèn phím: Luyện gam Đô trưởng áp dụng kĩ thuật vắt ngón. Thực hành kĩ thuật vắt ngón vào *Bài đọc nhạc số 1*. |
| 26 | Vận dụng – Sáng tạo | * Vận dụng những hiểu biết về cung và nửa cung để áp dụng vào nội dung 1. * Biểu diễn bài hát *Chỉ có một trên đời* theo nhóm. * Làm nhạc cụ từ vật liệu đã qua sử dụng. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 27 | **ÔN TẬP - KIỂM TRA GIỮA KÌ II** *(1tiết*  GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 5 và 6 phù hợp với năng lực để tham gia ôn tập và kiểm tra giữa kì. | |
| **CHỦ ĐỀ 7: ÂM NHẠC NƯỚC NGOÀI** *(3tiết)* | | |
| 28 | * Hát: *Hãy để mặt trời luôn chiếu sáng* * Nghe nhạc: Bài hát *Auld Lang Syne* | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Hãy để mặt trời luôn chiếu sáng.* Biết thể hiện bài hát bằng hình thức: Hát kết hợp nhạc cụ tiết tấu (SGK trang 55) * Nghe và cảm nhận giai điệu, nội dung, sắc thái bài hát *Auld Lang Syne.* |
| 29 | * Lí thuyết âm nhạc: Dấu hoá, bậc chuyển hoá. * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 5* | * Hiểu được tác dụng của dấu hoá, bậc chuyển hoá. * Đọc đúng cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 5* kết hợp đánh nhịp 3/4 |
| 30 | * Vận dụng – Sáng tạo | * Hoạt động nhóm, cá nhân thông qua các bài tập củng cố kiến thức Lí thuyết âm nhạc: Các bậc chuyển hoá, cung và nửa cung. * Đọc nhạc kết hợp các cách gõ đệm, đánh nhịp 3/4, ghép lời Bài đọc nhạc số 5 – *Nắng xuân* * Nêu được một số cảm nghĩ sau khi học chủ đề 7. |
| **CHỦ ĐỀ 8: BÁC HỒ VỚI THIẾU NHI** *(4tiết)* | | |
| 31 | * Hát: *Bác Hồ người cho em tất cả* * Nghe nhạc: Bài hát *Việt Nam quê hương tôi* | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Bác Hồ – Người cho em tất cả.* Biết thể hiện bài hát qua hình thức: Hát nối tiếp – Hoà giọng (mục 2 SGK trang 61). * Nghe và cảm nhận giai điệu, sắc thái, nội dung bài hát *Việt Nam quê hương tôi.*   *\*Lồng ghép học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: GV giới thiệu cho HS một số hình ảnh và video về cuộc sống và tình cảm của Bác Hồ đối với thiếu niên, nhi đồng thông qua bài hát Bác Hồ - Người cho em tất cả.* |
| 32 | * Thường thức âm nhạc: Tìm hiểu bài hát *Như có bác trong ngày đại thắng*, kể chuyện âm nhạc *Âm vang một khúc khải hoàn ca* * Ôn bài hát: *Bác Hồ người cho em tất cả* | * Qua nội dung kể chuyện âm nhạc *“Âm vang một khúc khải hoàn ca”* biết được hoàn cảnh ra đời bài hát *Như có Bác trong ngày đại thắng*. Nêu được đôi nét về sự nghiệp sáng tác của nhạc sĩ Phạm Tuyên. * Biết hát tập thể bài hát *Như có Bác trong ngày đại thắng* với niềm tự hào, vui tươi. * Ôn luyện bài hát bằng những hình thức do các nhóm tự sáng tạo.   *\*Lồng ghép học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: GV giới thiệu cho HS một số hình ảnh và video về cuộc sống và tình cảm của Bác Hồ đối với thiếu niên, nhi đồng thông qua bài hát Bác Hồ - Người cho em tất cả.*  \* Tích hợp lồng ghép GD QPAN: Giới thiệu lịch sử và truyền thống của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam;  *\*Lồng nghép Giáo dục quốc phòng và an ninh: GV giới thiệu một số hình ảnh và video năm 1975 khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước thông qua nội dung Thường thức âm nhạc.* |
| 33 | * Nhạc cụ giai điệu: Kèn phím | * Kèn phím: Luyện tập mẫu âm của từng nhạc cụ. Thực hành đệm cho bài *Như có Bác trong ngày đại thắng* bằng hình thức hoà âm. |
| 34 | Vận dụng – Sáng tạo | * Trình bày những hiểu biết âm nhạc thông qua trò chơi Giải ô chữ. * Đệm trích đoạn bài hát *Như có Bác trong ngày đại thắng* bằng nhạc cụ giai điệu theo các mẫu âm đã luyện tập. * Biểu diễn bài hát *Bác Hồ - Người cho em tất cả*: Hát kết hợp vận động cơ thể; hát kết hợp gõ đệm bằng nhạc cụ tiết tấu (nhạc cụ tự làm). Các nhóm trình bày ý tưởng biểu diễn bài hát theo cách khác… * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 35 | **ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II** *(1 tiết)*  **Lựa chọn 1 trong 3 nội dung để ôn tập, đánh giá cuối kỳ II**   * Biểu diễn bài hát bằng các hình thức đã học. * Đọc bài đọc nhạc kết hợp gõ đệm, đánh nhịp. * Thực hành một trong các bài tập nhạc cụ thể hiện tiết tấu hoặc bài tập nhạc cụ thể hiện giai điệu đã học . | |

**2. Kiểm tra, đánh giá**

**2.1 Kiểm tra, đánh giá kì I**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa học kì I | 1 tiết | Tuần 9 | ***GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 1 và 2 phù hợp với năng lực để tham gia ôn tập và kiểm tra giữa kì.***   * Trình bày 1 trong 2 bài hát *Con đường học trò, Đời sống không già vì có chúng em* theo hình thức tự chọn. * Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ, sắc thái Bài đọc nhạc số 1 theo nhóm với các hình thức đã học. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành |
| Cuối học kì I | 1 tiết | Tuần 18 | ***Lựa chọn 1 trong 3 nội dung để ôn tập, đánh giá cuối kì I***   * Biểu diễn 1 trong 4 bài hát *Con đường học trò, Đời sống không già vì có chúng em, Thầy cô là tất cả, những ước mơ* theo hình thức tự chọn. * Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ, sắc thái 1 trong 2 bài đọc nhạc theo nhóm. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành, |

**2.2 Kiểm tra, đánh giá kì II**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa học kì II | 1 tiết | Tuần 27 | ***GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 5 và 6 phù hợp với năng lực để tham gia ôn tập và kiểm tra giữa kì.***   * Biểu diễn 1 trong 2 bài hát *Mưa rơi, Chỉ có một trên đời* theo hình thức tự chọn. * Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ, sắc thái Bài đọc nhạc số 3 hoặc số 4 theo nhóm. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành |
| Cuối học kì II | 1 tiết | Tuần 35 | ***Lựa chọn 1 trong 3 nội dung để ôn tập, đánh giá cuối kì I***   * Biểu diễn 1 trong 4 bài hát *Mưa rơi, Chỉ có một trên đời, Hãy để mặt trời luôn chiếu sáng, Bác Hồ - Người cho em tất cả* theo hình thức tự chọn. * Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ, sắc thái Bài đọc nhạc số 3 hoặc Bài đọc nhạc số 4 hoặc bài số 5 theo nhóm. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành |

**Kế hoạch dạy học PHÂN MÔN MĨ THUẬT 6**

**Phân phối chương trình**

**Cả năm:** 35 tuần x 1 tiết = 35 tiết.

**HK1:** 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết;

| **Tuần** | **Chủ đề** | **Số tiết** | **Bài học** | **Yêu cầu cần đạt** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ I** | | | | |
| 1-2 | Biểu cảm  của  màu sắc | 2 | Bài 1:Tranh vẽ theo giai điệu âm nhạc | - Chỉ ra được sự biểu cảm của nét, chấm, màu trong tranh.  - Vẽ được chấm, nét, màu cho tranh, tạo được bức tranh tưởng tượng từ giai điệu của âm nhạc.  - Cảm nhận được sự tương tác của âm nhạc với hội hoạ. |
| 3-4 | 2 | Bài 2:Tranh tĩnh vật màu | - Nêu được biểu cảm của hoà sắc trong tranh tĩnh vật.  - Vẽ được bức tranh tĩnh vật màu có ba vật mẫu trở lên.  - Phân tích được nét đẹp về bố cục, tỉ lệ, màu sắc trong tranh. Cảm nhận được vẻ đẹp của hoa trái trong đời sống và trong tác phẩm mĩ thuật. |
| 5-6 | 2 | Bài 3: Tranh in hoa, lá | - Chỉ ra được một số kĩ thuật in từ các vật liệu khác nhau.  - Tạo được bức tranh in hoa lá.  - Nhận biết được biểu cảm và nét đẹp tạo hình của hoa lá trong sản phẩm in. |
| 7-8 | 2 | Bài 4*:*Bưu thiếp chúc mừng | - Chỉ ra được cách kết hợp chữ và hình có sẵn tạo sản phẩm bưu thiếp.  - Tạo được bưu thiếp chúc mừng với hình có sẵn.  - Phân tích được vai trò của chữ, hình, màu trong bưu thiếp chúc mừng và sản phẩm mĩ thuật. |
| 9-10 | Lễ hội  quê hương | 2 | Bài 1: Nhân vật 3D từ dây thép  (Tiết 10- kiểm tra  giữa HK 1) 1 tiết | - Chỉ ra được kĩ thuật kết hợp dây thép và giấy để tạo hình nhân vật 3D.  - Tạo được hình dáng của nhân vật 3D bằng dây thép và giấy.  - Bước đầu nhận biết được tỉ lệ, sự cân đối của hình khối trong sản phẩm, tác phẩm |
| 11-12 |  | Bài 2: Trang phục trong lễ hội | - Chỉ ra được cách lựa chọn vật liệu và thiết kế trang phục cho nhân vật 3D.  - Thiết kế được trang phục thể hiện đặc điểm của nhân vật theo ý tưởng.  - Phân tích được sự hài hoà, cân đối của hình khối, màu sắc trên trang phục của nhân vật và nhận biết được nét đặc trưng văn hóa truyền thống trong các lễ hội.  *Tích hợp GD QPAN: Nêu lên được tình yêu trang phục lễ hội của từng vùng miền và có trách nhiệm gìn giữ trang phục lễ hội.* |
| 13-14 |  | Bài 3: Hoạt cảnh trong ngày hội | - Chỉ ra được cách sắp đặt nhân vật, hình khối tạo nhịp điệu, không gian trong sản phẩm mĩ thuật.  - Tạo được mô hình hoạt cảnh ngày hội.  - Phân tích được hình khối, không gian, nhịp điệu và sự hài hoà trong sản phẩm mĩ |
| 15-16 |  | Bài 4: Hội xuân quê hương  (Tiết 16- Kiểm tra cuối HK 2) 1 tiết | - Chỉ ra được cách bố cục hình, màu tạo không gian, nhịp điệu trong tranh.  - Vẽ được bức tranh theo đề tài lễ hội quê hương.  - Phân tích được nhịp điệu của nét, hình, màu và không gian trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.  - Nhận biết được cách diễn tả không gian trong tranh dân gian. |
| 17-18 | Nghệ thuật tiền sử  Thế Giới và  Việt Nam |  | Bài 1: Những hình vẽ trong hang động | - Nêu được cách mô phỏng hình vẽ theo mẫu.  - Mô phỏng được hình vẽ của người tiền sử theo cảm nhận.  - Cảm nhận được vẻ đẹp và giá trị của mĩ thuật thời tiền sử. |
| 19-20 |  | Bài 2: Thời trang với hình vẽ thời tiền sử | - Quan sát và chỉ ra được cách sử dụng nguyên lí đối xứng,cân bằng của hình, màu trong sản phẩm thời trang.  - Tạo được sản phẩm thời trang có hình vẽ thời tiền sử.  - Nhận biết được nguyên lí cân bằng và tỉ lệ hài hoà của hình, màu trên sản phẩm thời trang. Phát huy giá trị mĩ thuật của thời tiền sử trong cuộc sống. |
| 21-22 |  | Bài 3: Túi giấy đựng quà tặng | - Chỉ ra được cách thiết kế tạo dáng và trang trí một chiếc túi đựng quà đơn giản.  - Thiết kế được chiếc túi đựng quà bằng giấy bìa có trang trí hoạ tiết thời tiền sử.  - Phân tích được vai trò, chức năng của thiết kế mẫu sản phẩm công nghiệp.  - Nhận biết được quy trình thiết kế tạo dáng và trang trí một sản phẩm phục vụ đời sống. |
| 23-24 | Nghệ thuật Cổ đại thế giới và Việt Nam |  | Bài 1: Ai Cập cổ đại trong mắt em | - Chỉ ra được nét đặc trưng của nghệ thuật cổ đại và cách vẽ tranh qua ảnh.  - Vẽ được bức tranh có hình ảnh nghệ thuật cổ đại. |
| 25-26 |  | Bài 2: Họa tiết trống đồng  (Tiêt 26- Kiểm tra giữa  HK II) 1 tiết | - Chỉ ra được cách tạo hình bằng kĩ thuật in.  - Mô phỏng được họa tiết trống đồng bằng in. |
| 27-28 |  | Bài 3: Thảm trang trí với hoạ tiết trống đồng | - Chỉ ra được cách vận dụng nguyên lí lặp lại, cân bằng và nhịp điệu trong trang trí thảm hình vuông.  - Trang trí được thảm hình vuông với hoạ tiết trống đồng.  - Phân tích được nhịp điệu và sự cân bằng trong bài vẽ.  - Có ý thức giữ gìn nét đẹp di sản nghệ thuật của dân tộc.  *Tích hợp GD QPAN: - Làm được tấm thảm trang trí có sử dụng họa tiết trống đồng và có ý thức giữ gìn nét đẹp di sản nghệ thuật của dân tộc.* |
| 29-30 | Vật liệu hữu ích |  | Bài 1: Sản phẩm từ vật liệu đã qua sử dụng | - Nhận ra được ý nghĩa của việc tận dụng vật liệu đã qua sử dụng trong học tập và trong cuộc sống.  - Chỉ sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường và đảm bảo an toàn, vệ sinh cho học sinh |
| 31-32 |  | Bài 2: Mô hình ngôi nhà 3D  (Tiết 32- Kiểm tra cuối kỳ 2) 1 tiết | - Tạo được mô hình ngôi nhà 3D từ các vật liệu đã qua sử dụng.  - Phân tích được tỉ lệ, sự hài hoà về hình khối, màu sắc, vật liệu của mô hình ngôi nhà. Nhận biết được giá trị của đồ vật đã qua sử dụng; có ý thức bảo vệ môi trường. |
| 33-34 |  | Bài 3: Khu nhà tương lai | - Chỉ ra được sự kết hợp hài hoà của các hình khối, đường nét, màu sắc để tạo mô hình khu nhà.  - Tạo được mô hình khu nhà với cảnh vật mong muốn.  - Phân tích được nhịp điệu, sự hài hoà của hình khối, đường nét, màu sắc, không gian trong mô hình khu nhà. Có ý thức giữ gìn vệ sinh và xây dựng môi trường sống xanh, sạch, đẹp. |
| 35 |  |  | Bài tổng kết: các hình thức mĩ thuật | - Chỉ ra được những bài học thuộc các thể loại: hội hoạ, đồ hoạ và điêu khắc. - Làm được sơ đồ (hoặc bảng thống kê) các bài học thuộc các nhóm: Mĩ thuật tạo hình, Mĩ thuật ứng dụng, Tích hợp lí luận và lịch sử mĩ thuật. - Tự đánh giá được quá trình và kết quả học tập môn Mĩ thuật của bản thân. |

**2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| **Giữa học kỳ 1** | Tuần 8 | Tháng 10/2024 | - Các sản phẩm và bài vẽ của HS đạt những yêu cầu theo nội dung chương trình | Sản phẩm 2D, 3D |
| **Cuối học kỳ 1** | Tuần 16 | Tháng 12/2024 | - Các sản phẩm và bài vẽ của HS đạt những yêu cầu theo nội dung các chủ đề | Sản phẩm 2D, 3D  Nhóm, cá nhân |
| **Giữa học kỳ 2** | Tuần 26 | Tháng 3/2025 | - Các sản phẩm và bài vẽ của HS đạt những yêu cầu theo nội dung chương trình | Sản phẩm 2D, 3D |
| **Cuối học kỳ 2** | Tuần 32 | Tháng 5/2025 | - Các sản phẩm mô hình của HS đạt những yêu cầu theo nội dung các chủ đề | Sản phẩm 2D, 3D  Nhóm, cá nhân |

**Kế hoạch dạy học PHÂN MÔN ÂM NHẠC 7**

**Phân phối chương trình**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ 1:****NGÀY KHAI TRƯỜNG** *(4 tiết)* | | |
| **TIẾT/ TUẦN** | **BÀI HỌC** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT/ NỘI DUNG LỒNG GHÉP** |
| 1 | Hát: *Khai trường* | Hát đúng giai điệu bài, lời ca bài hát *Khai trường.* Biết thể hiện bài hát bằng hình thức: Hát nối tiếp, hoà giọng; hát kết hợp vận động phụ họa. |
| 2 | * Lí thuyết âm nhạc: Nhịp lấy đà * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 1* | * Nhận biết và thể hiện được nhịp lấy đà. Vận dụng vào *Bài đọc nhạc số 1*. * Đọc đúng cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 1*. |
| 3 | * Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và  bài hát *Tuổi đời mênh mông* * Ôn bài hát *Khai trường* * Ôn *Bài đọc nhạc số 1* | * Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Cảm nhận được tính chất âm nhạc, nội dung bài hát *Tuổi đời mênh mông.* * Ôn bài hát *Khai trường* theo hình thức đã học. * Ôn *Bài đọc nhạc số 1* kết hợp gõ đệm, đánh nhịp 4/4. |
| 4 | Vận dụng – Sáng tạo | * Từ nét giai điệu của *Bài đọc nhạc số 1*, HS ứng dụng đọc 2 nét nhạc khác nhau. * HS chia sẻ và thể hiện bài hát có nhịp lấy đà do nhóm sưu tầm. * Biểu diễn bài hát *Khai trường* bằng các hình thức đã học hoặc biết sáng tạo thêm các cách thể hiện khác. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| **CHỦ ĐỀ 2: MÔI TRƯỜNG XANH** *(4 tiết)* | | |
| 5 | * Hát: *Vì cuộc sống tươi đẹp* * Nghe nhạc: Tác phẩm *Alouette (Tiếng chim sơn ca)* | * Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát *Vì cuộc sống tươi đẹp*. Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức: Hát nối tiếp, hoà giọng. * Nghe và biểu lộ cảm xúc; biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu; cảm nhận giai điệu, sắc thái tác phẩm *Alouette (Tiếng chim sơn ca)*   *\* Lồng ghép giáo dục bảo vệ môi trường: giáo dục HS có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường nơi sinh sống, cảnh quan chung.* |
| 6 | Nhạc cụ giai điệu kèn phím | * Ôn lại kiến thức về nhạc cụ giai điệu đã học ở lớp 6. * Thể hiện kèn phím đúng cao độ, trường độ, kĩ thuật bài *Bài hát Ireland*. |
| 7 | * Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Hoàng Việt và bài hát *Nhạc rừng* * Ôn bài hát: *Vì cuộc sống tươi đẹp* | * Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhạc sĩ Hoàng Việt. Cảm nhận được tính chất âm nhạc, nội dung của bài hát *Nhạc rừng*. * Ôn luyện bài hát *Vì cuộc sống tươi đẹp* kết hợp nhạc cụ gõ đệm.   *\* Lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh: GV giới thiệu cho HS một số hình ảnh hoặc video về thời kỳ chống thực dân Pháp năm 1953.* |
| 8 | Vận dụng – Sáng tạo | * HS biết đọc lời và gõ đệm theo âm hình tiết tấu SGK trang 20. * Biểu diễn bài hát *Vì cuộc sống tươi đẹp* với các hình thức khác nhau. * Giới thiệu tranh vẽ hoặc các sản phẩm đã làm về đề tài *Bảo vệ môi trường*. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 9 | **ÔN TẬP - KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 1 và 2 phù hợp với năng lực để tham gia ôn tập và kiểm tra giữa kì. | |
| **C CHỦ ĐỀ 3: THẦY CÔ VÀ MÁI TRƯỜNG** *(4tiết)***H ĐỀ 3: NHỚ ƠN THẦY CÔ** *(4tiết)* | | |
| 10 | Hát: *Nhớ ơn thầy cô* | Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát *Nhớ ơn thầy cô.* Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức: Lĩnh xướng, hoà giọng; hát kếthợp vỗ tay hoặc gõ đệm theo âm hình tiết tấu. |
| 11 | * Lí thuyết âm nhạc: Dấu nhắc lại, dấu quay lại, khung thay đổi. * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 2* | * Nhận biết và thể hiện được một số kí hiệu âm nhạc: dấu nhắc lại, dấu quay lại, khung thay đổi. * Đọc đúng cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 2*. Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm theo phách; đọc nhạc theo cách nhắc lại và nối tiếp trong SGK trang 25 mục b. |
| 12 | * Thường thức âm nhạc: Giới thiệu một số thể loại ca khúc * Ôn *Bài đọc nhạc số 2* * Ôn bài hát: *Nhớ ơn thầy cô* | * Nhận biết và nêu được đặc điểm một số thể loại ca khúc. Vận dụng vào các hoạt động âm nhạc. * Ôn luyện *Bài đọc nhạc số 2* kết hợp các hình thức đã học. * Ôn luyện bài hát ở hình thức biểu diễn cá nhân, nhóm. |
| 13 | Vận dụng – Sáng tạo | * Đọc lại *Bài đọc nhạc số 2*, ghép lời ca và kết hợp đánh nhịp 2/4. * Biểu diễn một số bài hát về thầy cô và mái trường đã sưu tầm và luyện tập. * Chép hoàn chỉnh lại *Bài đọc nhạc số 2.* * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| **CHỦ ĐỀ 4: GIAI ĐIỆU QUÊ HƯƠNG** *(4 tiết)* | | |
| 14 | Hát: *Lí kéo chài* | Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát *Lí kéo chài.* Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức: Hát xướng - xô; hát kết hợp vận động phụ họa theo nhịp điệu.  *\*Lồng ghép giáo dục thông qua di sản : GV gợi ý cho HS trả lời câu hỏi để nâng cao ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị tốt đẹp của dân ca Việt Nam.*  Tích hợp lồng ghép QPAN: Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam. |
| 15 | * Đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 3 – *Inh lả ơi.* * Nhạc cụ giai điệu kèn phím | * Đọc đúng cao độ, trường độ; Biết kết hợp gõ đệm theo phách và ghép được lời ca Bài đọc nhạc số 3 – *Inh lả ơi.* * Thực hành thế bấm và ứng dụng luyện tập Bài đọc nhạc số 3 – *Inh lả ơi*. |
| 16 | * Thường thức âm nhạc: Dân ca một số vùng miền Việt Nam * Ôn Bài đọc nhạc số 3 – *Inh lả ơi.* | * Nhận biết và nêu được đặc điểm dân ca một số vùng miền của Việt Nam. Vận dụng vào các hoạt động âm nhạc. * Luyện đọc nhạc kết hợp các hình thức đã học và vận động.   *\*Lồng ghép giáo dục thông qua di sản : GV gợi ý cho HS trả lời câu hỏi để nâng cao ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị tốt đẹp của dân ca Việt Nam.* |
| 17 | Vận dụng – Sáng tạo | * Đọc *Bài đọc nhạc số 3* kết hợp nhạc cụ gõ hoặc vận động cơ thể theo âm hình tiết tấu trong SGK trang 36 * Biểu diễn bài hát *Lí kéo chài* bằng các hình thức đã học hoặc theo ý tưởng mới của cá nhân/nhóm. * Giới thiệu hoặc hát một bài dân ca đã sưu tầm. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 18 | **KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  **Lựa chọn 1 trong 3 nội dung để ôn tập, đánh giá cuối ki I**   * Biểu diễn bài hát bằng các hình thức đã học. * Đọc bài đọc nhạc kết hợp gõ đệm, đánh nhịp. * Thực hành một trong các bài tập nhạc cụ thể hiện tiết tấu hoặc bài tập nhạc cụ thể hiện giai điệu đã học . | |
| **CHỦ ĐỀ 5: NHỊP ĐIỆU MÙA XUÂN** *(4 tiết)* | | |
| 19 | * Hát: *Mùa xuân ơi* * Nghe nhạc: Bài hát *Sông Đakrông mùa xuân về* | * Hát đúng giai điệu, lời ca bài *Mùa xuân ơi.* Biết thể hiện bài hát bằng hình thức: Hát nối tiếp, hoà giọng. * Nghe và cảm nhận giai điệu, nội dung bài hát *Sông Đakrông mùa xuân về.*  Kết hợp vận động 1 vài động tác nhảy múa mang âm hưởng Tây Nguyên. |
| 20 | * Thường thức âm nhạc: Giới thiệu cồng chiêng, đàn t’rưng của Tây Nguyên. * Ôn bài hát: *Mùa xuân ơi*. | * Nhận biết và nêu được một số đặc điểm về nhạc cụ cồng chiêng, đàn t’rưng của Tây Nguyên. * Ôn bài hát bằng các hình thức đã học, tập hát 2 bè đơn giản. Luyện tập bài hát *Mùa xuân ơi* và nhảy múa theo bài hát *Sông Đakrông mùa xuân về* trên nền nhạc phối khí theo hình thức liên khúc.   *\*Lồng ghép giáo dục thông qua di sản : GV gợi ý cho HS trả lời câu hỏi để nâng cao ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị tốt đẹp của di sản văn hóa phi vật thể thông qua nội dung Thường thức âm nhạc.* |
| 21 | * Lí thuyết âm nhạc: Các kí hiệu tăng trường độ. * Đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 4 – *Mùa xuân trong rừng* | * Nhận biết và thể hiện đươc một số kí hiệu âm nhạc: Dấu nối, dấu chấm dôi, dấu miễn nhịp và ứng dụng vào các bài hát, bài đọc nhạc đã học. * Đọc đúng cao độ, trường độ; Biết kết hợp gõ đệm theo phách và ghép được lời ca Bài đọc nhạc số 4 – *Mùa xuân trong rừng.* |
| 22 | Vận dụng – Sáng tạo | * Vận dụng các hoạt động trong nội dung Hát, Đọc nhạc, Nghe nhạc đã học để tham gia biểu diễn chương trình văn nghệ:   **Liên khúc *Nhịp điệu mùa xuân – Chào đón năm mới***   * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| **CHỦ ĐỀ 6: ÂM NHẠC NƯỚC NGOÀI** *(4tiết)* | | |
| 23 | Hát: *Santa Lucia* | Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát *Santa Lucia*. Biết thể hiện bài hát  bằng hình thức: Nối tiếp, lĩnh xướng. |
| 24 | * Lí thuyết âm nhạc: Một số kí hiệu, thuật ngữ về nhịp độ và sắc thái cường độ. * Nhạc cụ giai điệu kèn phím | * Nhận biết và thể hiện đươc một số kí hiệu, thuật ngữ về nhịp độ, sắc thái cường độ để vận dụng vào bài hát *Santa Lucia* tiết 25. * Luyện tập kĩ thuật luyến âm và bài luyện tập *Cầu trượt.* |
| 25 | * Thường thức âm nhạc: Giới thiệu đàn cello và contrabass * Ôn bài hát: *Santa Lucia* | * Nhận biết và nêu được một số đặc điểm về đàn cello, contrabass. * Ôn bài hát với các hình thức đã học; kết hợp nhạc cụ gõ đệm. |
| 26 | Vận dụng – Sáng tạo | * Vận dụng các kí hiệu, thuật ngữ đã học để tham gia trò chơi: *Đố bạn.* * Biểu diễn bài hát *Santa Lucia* theo hình thức tự chọn. * Chơi nhạc cụ và đọc tên các nốt nhạc theo nhóm với nét nhạc đã cho. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 27 | **KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 5 và 6 phù hợp với năng lực để tham gia ôn tập và kiểm tra giữa kì. | |
| **CHỦ ĐỀ 7: CUỘC SỐNG TƯƠI ĐẸP** *(4tiết)* | | |
| 28 | Hát: *Đời cho em những nốt nhạc vui* | Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát *Đời cho em những nốt nhạc vui*. Biết   thể hiện bài hát bằng hình thức: Nối tiếp, hoà giọng; Hát kết hợp gõ đệm hoặc vận động cơ thể theo âm hình tiết tấu. |
| 29 | * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 5* * Ôn bài hát *Đời cho em những nốt nhạc vui* | * Đọc đúng cao độ, trường độ Bài đọc nhạc số 5 kết hợp gõ đệm và đánh nhịp 2/4. * Ôn luyện bài hát ở hình thức biểu diễn cá nhân, nhóm. |
| 30 | * Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Tchaikovsky và  khúc nhạc *Chèo thuyền.* * Ôn *Bài đọc nhạc số 5* | * Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhạc sĩ Tchaikovsky. Cảm nhận được tính chất âm nhạc của khúc nhạc *Chèo thuyền.* * Ôn bài đọc nhạc theo các hình thức đã học. |
| 31 | Vận dụng – Sáng tạo | * Vận dụng nội dung Lí thuyết âm nhạc, Hát để tham gia trò chơi âm nhạc rèn phản xạ mỗi cá nhân. * Ứng dụng luyện tập *Bài đọc nhạc số 5* có 2 bè đơn giản. * Chia sẻ một số tác phẩm của nhạc sĩ Tchaikovsky đã sưu tầm. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| **CHỦ ĐỀ 8: MÙA HÈ CỦA EM** *(3tiết)* | | |
| 32 | * Hát: *Mưa hè* * Nghe nhạc: Bài hát *Hè về* | * Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát *Mưa hè.* Biết thể hiện bài hát với hình thức: Hát nối tiếp, hoà giọng. * Nghe và cảm nhận giai điệu, sắc thái, nội dung bài hát *Hè về.* |
| 33 | * Nhạc cụ giai điệu kèn phím. * Ôn bài hát: *Mưa hè* | * Luyện mẫu âm. Thực hành đệm cho bài *Mưa hè*. * Ôn bài hát kết hợp nhạc cụ gõ đệm. |
| 34 | Vận dụng – Sáng tạo | * Biểu diễn bài hát *Mưa hè* với các hình thức, ý tưởng trình bày khác nhau. * Vận dụng các bài hát về chủ đề mùa hè để tham gia trò chơi âm nhạc *Khúc ca hè về.* * Chia sẻ những mong muốn, dự định của em trong mùa hè với thầy cô, bạn bè hoặc người thân. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| 35 | **KIỂM TRA CUỐI KÌ II**  **Lựa chọn 1 trong 3 nội dung để ôn tập, đánh giá cuối kì II**   * Biểu diễn bài hát bằng các hình thức đã học. * Đọc bài đọc nhạc kết hợp gõ đệm, đánh nhịp. * Thực hành một trong các bài tập nhạc cụ thể hiện tiết tấu hoặc bài tập nhạc cụ thể hiện giai điệu đã học . | |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kì**

**2.1 Kiểm tra, đánh giá kì I**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa học kì I | 1 tiết | Tuần 9 | ***GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 1 và 2 phù hợp với năng lực để tham gia ôn tập và kiểm tra giữa kì.***   * Trình bày 1 trong 2 bài hát *Khai trường, Vì cuộc sống tươi đẹp* theo hình thức tự chọn. * Trình bày Bài đọc nhạc số 1 theo nhóm với các hình thức đã học. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành |
| Cuối học kì I | 1 tiết | Tuần 18 | ***Lựa chọn 1 trong 3 nội dung để ôn tập, đánh giá cuối kì I***   * Trình bày 1 trong 4 bài hát *Khai trường, Vì cuộc sống tươi đẹp, Nhớ ơn thầy cô, Lí kéo chài* theo hình thức tự chọn. * Trình bày 1 trong 3 bài đọc nhạc Bài đọc nhạc số 1, Bài đọc nhạc số 2, Bài đọc nhạc số 3 theo nhóm. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành, |

**2.2 Kiểm tra, đánh giá kì II**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa học kì II | 1 tiết | Tuần 27 | ***GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 5 và 6 phù hợp với năng lực để tham gia ôn tập và kiểm tra giữa kì.***   * Trình bày 1 trong 2 bài hát *Mùa xuân ơi, Santa Lucia* theo hình thức tự chọn. * Trình bày Bài đọc nhạc số 4 theo nhóm. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành |
| Cuối học kì II | 1 tiết | Tuần 35 | ***Lựa chọn 1 trong 3 nội dung để ôn tập, đánh giá cuối kì I***   * Trình bày 1 trong 4 bài hát *Mùa xuân ơi, Santa Lucia, Đời cho em những nốt nhạc vui, Mưa hè* theo hình thức tự chọn. * Trình bày Bài đọc nhạc số 4 hoặc Bài đọc nhạc số 5 theo nhóm. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành |

**Kế hoạch dạy học PHÂN MÔN MĨ THUẬT 7**

**Phân phối chương trình**

**Cả năm:** 35 tuần x 1 tiết = 35 tiết.

**HK1:** 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết;

| **Tuần** | **Chủ đề** | **Số tiết** | **Bài học** | **Yêu cầu cần đạt** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ I** | | | | |
| 1-2 | Chủ đề: Chữ cách điệu trong đời sống | 2 | Bài 1:Nhịp điệu sắc màu của chữ. | - Chỉ ra được nét đẹp, cách tạo hình và trang trí từ những chữ cái.  - Tạo được bố cục trang trí bằng những chữ cái.  - Phân tích được nhịp điệu và sự tương phảm của nét, hình, màu trong bài vẽ.  - Nêu được vai trò, giá trị tạo hình của chữ ứng dụng trong đời sống. |
| 3-4 | 2 | Bài 2: Logo dạng chữ | - Nêu được cách thức tạo logo dạng chữ.  - Vẽ được logo tên lớp.  - Phân tích được sự phù hợp giữa nội dung và hình thức, tính biểu tượng của logo trong sản phẩm.  - Chia sẻ được cảm nhận về sự hấp dẫn của chữ trong thiết kế log |
| 5-6 | Chủ đề:  Nghệ thuật trung đại Việt Nam | 2 | Bài 3: Đường diềm trang trí với họa tiết thời Lý | - Chỉ ra được vẻ đẹp tạo hình và cách tranh trí đường diềm với họa tiết thời Lý.  - Tạo được mẫu trang trí đường diềm với họa tiết thời Lý.  - Phân tích được sự lập lại, nhijo điệu , hài hòa về đường nét , hình khối của họa tiết thời Lý trong các sản phẩm mĩ thuật.  - Có ý thức giưc gìn, phát huy nét đẹp di sản nghệ thuật của dân tộc.  Lồng ghép QPAN  - Tạo được mẫu trang trí đường diềm với họa tiết thời Lý.  - Có ý thức giưc gìn, phát huy nét đẹp di sản nghệ thuật của dân tộc. |
| 7-8 | 2 | Bài 4: Trang phục áo dài với họa tiết dân tộc  (Kiểm tra giữa học kì I) | - Chỉ ra được cách lựa chọn và vận dụng họa tiết dân tộc vào thiết kế trang phục.  - Mô phỏng được dáng áo dài và họa tiết trang trí dân tộc.  - Phân tích được nguyên lí cân bằng , nhịp điệu và điểm nhấn của hình trang trí trong sản phẩm.  - Có ý thức giữ gìn và phát huy giá trị của di sản nghệ thuật dân tộc. |
| 9-10 | 2 | Bài 5: Bìa sách của di sản kiến trúc Việt Nam | - Nêu được cách kết hợp chữu, hình, màu tạo bìa sách.  - Tạo được bìa sách, giới thiệu công trình kiến trúc Trung đại VN.  - Phân tích được sự hài hòa về màu sắc, tỉ lệ hình và chữ trên bìa sách.  - Có ý thức bảo tồn và quảng bá giá trị của di sản văn hóa dân tộc.  Lồng ghép QPAN  - Tạo được bìa sách, giới thiệu công trình kiến trúc Trung đại VN.  - Có ý thức giưc gìn, phát huy nét đẹp di sản nghệ thuật của dân tộc. |
| 11-12 | Chủ đề:  Hình khối trong không gian | 2 | Bài 6: Mẫu vật dạng khối trụ, khối cầu | - Chỉ ra được cách vẽ vật mẫu có khối trụ, khối cầu trên mặt phẳng.  - Vẽ và diễn tả được hình khối và không gian của vật mẫu trên mặt phẳng.  - Phân tích được đậm nhạt diễn tả hướng ánh sáng trong bài vẽ.  - Nhận biết được vẻ đẹp của không gian, ánh sánh tác động lên hình khối trên tự nhiện. |
| 13-14 | 2 | Bài 7: Ngôi nhà trong tranh | - Chỉ ra được cách vẽ phối cảnh xa gần của ngôi nhà và cảnh vật trong tranh.  - Vẽ được bức tranh ngôi nhà có hình khối và không gian.  - Phân tích được màu sắc, đậm nhạt của ngôi nhà và cảnh vật trong bài vẽ.  - Chia sẻ được cảm nhận về vài trò của môi trường với cuộc sống của con người. |
| 15-16 |  | 2 | Bài 8: Chao đèn trong trang trí kiến trúc  (Kiểm tra cuối kì I) | - Chỉ ra được vẻ đẹp và kĩ thuật thiết kế tạo dáng sản phẩm với nghuyên lí lập laik, cân bằng.  - Tạo được chao đèn trong trang trí kiến trúc bằng bìa các-tông.  - Trình bày ý tưởng và phân tích được các nguyên lí tạo hình vận dụng trong sản phẩm.  - Nêu được vai trò, ý nghĩa, công năng của sản phẩm thiết kế phục vụ đời sống. |
| 17-18 |  | 2 | Tổng kết học kỳ 1: Trưng bày sản phẩm mĩ thuật | - Nêu được các hình thức mic thuật của mỗi bài học.  - Lựa chọn trưng bày được các sản phẩm mĩ thuật.  - Chỉ ra được các yếu tố và nguyên lí mĩ thuật được sử dụng trong sản phẩm. |
| 19-20 | Chủ đề:  Nghệ thuật trung đại thế giới |  | Bài 9: Cân bằng đối xứng trong kiến trúc Gothic | - Chỉ ra đợc nét đặc trưng và cách vẽ mô phỏng cửa sổ theo kiến trức Gothic.  - Vẽ mô phỏng được cửa sổ theo kiến trúc Gothic.  - Phân tích được nguyên lí cân bằng đối xứng, lập lại trong cấu trúc của sổ theo kiến trúc Gothic.  - Nêu được cảm nhận về vẻ đẹp và phong cách chủ đạo trong trang trí kiến trúc thời Trung đại. |
| 21-22 | 2 | Bài 10: Hình khối của nhân vật trong điêu khắc. | - Nêu được cách tạo hình nhân vật 3D theo tỉ lệ đầu người.  - Mô phỏng được hình dáng nhân vật theo tỉ lệ đầu người bằng dây thép và đất nặn.  - Phân tích được tỉ lệ, sự cân đối về hình không trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.  - Chia sẻ được cảm nhận về vẻ đẹp của hình thể con người trong tác phẩm điêu khắc Trung đại. |
| 23-24 | 2 | Bài 11: Vẻ đẹp của nhân vật trong tranh thời Phục hưng.  (Kiểm tra giữa học kì II) | - Nêu được cách mô phỏng hình chân dung trong tranh thời Phục hung.  - Vẽ mô phỏng được nhân vật trong tranh thời Phục hung.  - Phân tích được nét đẹp đặc trưng của chân dung nhân vật trong tranh Phục hung và trong bài vẽ.  - Có ý thức phát huy giá trị thẩm mĩ của nghệ thuật Phục hung trong học tập và sáng tạo. |
| 25-26 |  | 2 | Bài 12: Những mảnh ghép thú vị | - Chỉ ra được vẻ đẹp tạo hình và cách làm trang ghespp mảnh bằng giấy màu.  - Tạo được bức tranh ghép mảng bằng giấy, bìa màu.  - Phân tích được vẻ đẹp tạo hình của tranh ghép mảnh qua sản phẩm mĩ thuật.  - Nêu được vai trò và giá trị của việc ứng dụng hình thức tranh Mosanic trong cuộc sống. |
| 27-28 | Chủ đề:  Cuộc sống xưa và nay. | 2 | Bài 13: Chạm khắc đình làng | - Chỉ ra được vẻ đẹp tạo hình và cách mô phỏng hình ảnh chạm khắc đình làng.  - Mô phỏng được một hình ảnh chạm khắc đình làng bằng đất nặn hoặc vật liệu dẻo.  - Phân tích được vẻ đẹp của hình khối, tỉ lên trong sản phẩm mĩ thuật.  - Nêu được giá trị lịch sử, văn hóa của nghệ thuật điêu khắc đình làng.  Lồng ghép QPAN  -Mô phỏng được một hình ảnh chạm khắc đình làng  - Có ý thức giữ gìn giá trị lịch sử,văn hóa của dân tộc |
| 29-30 | 2 | Bài 14: Nét, màu trong tranh dân gian Hàng Trống | - Nêu được nét, màu sắc đặc trưng và hình thức thể hiện của tranh dân gian Hàng Trống.  - Vẽ mô phỏng được một bức tranh dân gian Hàng Trống.  - Phân tích được nét, màu trong tranh dân gian Hàng Trống và trong bài vẽ.  - Có ý thức vận dụng các giá trị thẩm mĩ của tranh dân gian trong học tập va trong cuộc sống. |
| 31-32 | 2 | Bài 15: Tranh vẽ theo hình thức ước lệ  (Kiểm tra cuối học kì II) | - Chỉ ra được cách vẽ tranh theo hình thức ước lệ của tranh dân gian.  - Vẽ được bức tranh thể hiện hoạt động ngày hè theo hình thức ước lệ.  - Phân tích được nét đặc trưng về tỉ lệ nhân vật, màu sắc không gian trong tranh dân gian và trong bài vẽ.  - Có ý thức vận dụng nét vẽ của tranh dân gian trong học tập và sáng tạo. |
| 33-34 | 2 | Bài 16: Sắc màu của tranh in | - Nêu được nét đặc trưng của hình in và kĩ thuật tạo tranh in độc bản đơn giản.  - Tạo được tranh in từ mica.  - Phân tích được màu sắc, chất cảm của hình in tronh sản phẩm mĩ thuật.  Chỉ ra được đặc điểm của tranh in độc bản. |
| 35 |  | 1 | Tổng kết năm học: Trưng bày sản phẩm mĩ thuật | - Nêu được các hình thức mic thuật của mỗi bài học.  - Lựa chọn trưng bày được các sản phẩm mĩ thuật.  Chỉ ra được các yếu tố và nguyên lí mĩ thuật được sử dụng trong sản phẩm. |

**2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| **Giữa học kỳ 1** | 45 phút | Tuần 8 | - Các sản phẩm và bài vẽ của HS đạt những yêu cầu theo nội dung chương trình | Thực hành |
| **Cuối học kỳ 1** | 45 phút | Tuần 16 | - Các sản phẩm và bài vẽ của HS đạt những yêu cầu theo nội dung các chủ đề | Thực hành |
| **Giữa học kỳ 2** | 45 phút | Tuần 24 | - Các sản phẩm và bài vẽ của HS đạt những yêu cầu theo nội dung chương trình | Thực hành |
| **Cuối học kỳ 2** | 45 phút | Tuần 32 | - Các sản phẩm mô hình của HS đạt những yêu cầu theo nội dung các chủ đề | Thực hành |

**Kế hoạch dạy học PHÂN MÔN ÂM NHẠC 8**

**Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ 1: CHÀO NĂM HỌC MỚI** *(4 tiết)* | | | | |
| **BÀI HỌC** | **TIẾT/TUẦN** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | | |
| **Bài 1**  *-* Hát: Bài hát *Chào năm học mới*  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Bay lên nhé nụ cười* | ***Tiết 1***  - Hát: Bài hát *Chào năm học mới*  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Bay lên nhé nụ cười* | - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Chào năm học mới;* biết thể hiện bài hát với hình thức lĩnh xướng, hòa giọng.  - Nghe và biểu lộ cảm xúc; biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu; cảm nhận giai điệu, sắc thái tác phẩm *Bay lên nhé nụ cười.* | | |
| **Bài 2**  *-* Lí thuyết âm nhạc: Gam trưởng, giọng trưởng, giọng Đô trưởng  *-* Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 1* | ***Tiết 2***  *-* Lí thuyết âm nhạc: Gam trưởng, giọng trưởng, giọng Đô trưởng   * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 1* | - Nêu được đặc điểm của giọng Đô trưởng; nhận biết được một số bản nhạc viết ở giọng Đô trưởng. Biết vận dụng kiến thức đã học về giọng Đô trưởng để đọc *Bài đọc nhạc số 1.*  - Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 1*. Thể hiện đúng tính chất giọng trưởng; biết kết hợp gõ đệm, đánh nhịp. | | |
| ***Tiết 3***  *-* Ôn bài hát: *Chào năm học mới*   * Ôn bài đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 1* | - Thuộc lời, ôn bài hát *Chào năm học mới* theo hình thức: hát kết hợp vận động cơ thể theo nhịp điệu.   * Ôn bài đọc nhạc với các hình thức đã học. Thể hiện được đúng tính chất âm nhạc của bài đọc nhạc. | | |
| ***Tiết 4***  Vận dụng – Sáng tạo | | * Biết đọc lời và thể hiện tiết tấu SGK trang 10 (có thể kết hợp thể hiện trước khi hát lại bài hát *Chào năm học mới*) * Luyện tập *Bài đọc nhạc số 1* với hình thức hai bè. Cảm nhận được sự hoà quyện của âm thanh khi đọc nhạc có bè.   - Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. | | |
| **CHỦ ĐỀ 2: TÔI YÊU VIỆT NAM** *(4 tiết)* | | | | |
| **Bài 3**  *-* Hát: Bài hát *Việt Nam ơi*  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Ngàn ước mơ Việt Nam* | ***Tiết 5***  *-* Hát: Bài hát *Việt Nam ơi*  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Ngàn ước mơ Việt Nam* | | | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Việt Nam ơi*. Biết thể hiện bài hát bằng hình thức hát hoà giọng, nối tiếp. * Nghe và biểu lộ cảm xúc; biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu; cảm nhận giai điệu, sắc thái bài hát *Ngàn ước mơ Việt Nam.*   *\* Lồng ghép GD QPAN: Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm*  *\* Lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh: GV giới thiệu cho HS một số hình ảnh hoặc video về đất nước Việt Nam để giáo dục cho HS tình yêu quê hương, đất nước và ý thức trách nhiệm bảo vệ, xây dựng Tổ quốc Việt Nam.* |
| **Bài 4**  *-* Nhạc cụ: Recorder hoặc kèn phím  *-* Thường thức âm nhạc: Dân ca Quan họ Bắc Ninh | ***Tiết 6***  *-* Thường thức âm nhạc:Dân ca Quan họ Bắc Ninh  *-* Ôn bài hát: *Việt Nam ơi* | | | * Nhận biết và nêu được một số đặc điểm về Dân ca Quan họ Bắc Ninh. Cảm nhận được tính chất âm nhạc bài *Khách đến chơi nhà*. * Thuộc lời và ôn luyện bài hát *Việt Nam ơi* với các hình thức: Hát kết hợp vỗ tay hoặc gõ đệm theo tiết tấu.   *\*Lồng ghép giáo dục thông qua di sản : GV gợi ý cho HS trả lời câu hỏi để nâng cao ý thức gìn giữ, phát huy di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam.* |
| ***Tiết 7***  Nhạc cụ giai điệu: Kèn phím | | | * Thể hiện được thế bấm và bài luyện tập đúng cao độ, trường độ, kĩ thuật của kèn phím. |
| ***Tiết 8***  Vận dụng – Sáng tạo | | | | - HS các nhóm trình bày được một số bài hát về tình yêu quê hương đất nước Việt Nam (sưu tầm, chia sẻ,…).  - Chia nhóm luyện tập được 2 bè và biểu diễn cả bài Việt Nam ơi ở hình thức hát bè đuổi theo mẫu (Mục 2).  - Nhóm/cá nhân thuyết trình những hiểu biết về Dân ca Quan họ Bắc Ninh.  - Nhóm/cá nhân biểu diễn được bản nhạc mà em biết/yêu thích bằng nhạc cụ giai điệu đã học.   * - Nêu cảm nhận sau khi học xong hai chủ đề. |
| ***Tiết 9***  Ôn tập và kiểm tra giữa kì I | | | | - GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 1, 2 phù hợp với các yêu cầu cần đạt và năng lực để tham gia ôn tập, kiểm tra giữa kì I. |
| **C CHỦ ĐỀ 3: HOÀ CA** *(4 tiết)***ĐỀ 3: NHỚ ƠN THẦY CÔ** *(4tiết)* | | | | |
| **Bài 5**  *-* Hát: Hát hai bè trích đoạn bài *Ngàn ước* mơ *Việt Nam,* liên khúc *Tôi yêu Việt Nam*  *-* Thường thức âm nhạc: Thể loại hợp xướng | ***Tiết 10***  *-* Hát: Hát hai bè trích đoạn bài *Ngàn ước* mơ *Việt Nam,* liên khúc *Tôi yêu Việt Nam* | | | - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca của hai bè trong trích đoạn bài hát *Ngàn ước mơ Việt Nam*; thể hiện được bản hoà ca *Tôi yêu Việt Nam* kết hợp với hình thức hát bè. |
| ***Tiết 11***  - Thường thức âm nhạc: Hợp xướng  - Ôn hát liên khúc: *Tôi yêu Việt Nam* | | | - Nêu được một số đặc điểm của hợp xướng; phân biệt được hát hợp xướng và các hình thức ca hát khác.  - Thuộc lời và ôn luyện bài hát ở hình thức biểu diễn cá nhân, nhóm. Chủ động lấy hơi, điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà giữa các bè.  *\*Lồng ghép học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: Cho HS xem video, hình ảnh đất nước phát triển . Đó là mong muốn của Bác lúc sinh thời, dân tộc Việt Nam sánh vai với các cường quốc trên thế giới là nhờ vào thế hệ trẻ thông qua bài hát Ngàn ước mơ Việt Nam (trong liên khúc).* |
| **Bài 6**  - Lí thuyết âm nhạc: Nhịp 3/8  - Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 2* | ***Tiết 12***  - Lí thuyết âm nhạc: Nhịp 3/8  - Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 2* | | | - Nêu được đặc điểm và cảm nhận được tính chất của nhịp 3/8; so sánh được sự giống và khác nhau giữa nhịp 3/8 và 3/4.   * Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 2*. Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm theo phách; theo hình thức nối tiếp. |
| ***Tiết 13***  Vận dụng – Sáng tạo | | | | * Biểu diễn liên khúc *Tôi yêu Việt Nam* với hình thức đã học hoặc sáng tạo thêm. * Biết hoà tấu nhạc cụ thể hiện tiết tấu theo mẫu SGK.tr 26 * Nhận biết và so sánh hát hợp xướng với các hình thức hát khác mà em biết * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| **CHỦ ĐỀ 4: BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG** *(4 tiết)* | | | | |
| **Bài 7**  *-* Hát: Bài hát *Nơi ấy Trường Sa*  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Nơi đảo xa* | ***Tiết 14***  *-* Hát: Bài hát *Nơi ấy Trường Sa*  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Nơi đảo xa* | | | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Nơi ấy Trường Sa*. Biết thể hiện bài hát bằng hình thức hát nối tiếp, hòa giọng. * Nghe và biểu lộ cảm xúc; biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu; cảm nhận giai điệu, sắc thái bài hát *Nơi đảo xa.*   \* Tích hợp lồng ghép GD QPAN: Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm.  \* Lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh: GV giới thiệu cho HS một số hình ảnh hoặc video về bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam để giáo dục HS tình yêu quê hương, đất nước và ý thức trách nhiệm bảo vệ, xây dựng Tổ quốc Việt Nam. |
| **Bài 8**  *-* Thường thức âm nhạc: Đàn guitar và ukulele  *-* Nhạc cụ: Recorder hoặc kèn phím | ***Tiết 15***  *-* Thường thức âm nhạc: Đàn guitar và ukulele  *-* Ôn bài hát: *Nơi ấy Trường Sa* | | | - Nhận biết, nêu được một số đặc điểm của đàn guitar, ukulele; phân biệt được âm sắc của hai nhạc cụ.   * Thuộc lời, ôn luyện bài *hát Nơi ấy Trường Sa* với các hình thức hát kết hợp vỗ tay, gõ đệm theo tt. |
| ***Tiết 16***  Nhạc cụ giai điệu: Kèn phím | | | * Thể hiện được các thế bấm hợp âm giọng Đô trưởng (C, F, G, C) và luyện tập *Xoè hoa* trên kèn phím. |
| ***Tiết 17***  Vận dụng – Sáng tạo | | | | * Biểu diễn bài hát *Nơi ấy Trường Sa* với các hình thức đã lựa chọn. * Lựa chọn 1 trong 3 hình thức thể hiện bài *Xoè hoa* (nhảy sạp, biểu diễn nhạc cụ giai điệu, sử dụng nhạc cụ để gõ đệm). * Chia sẻ với các bạn bản hoà tấu đàn guitar và ukulele em đã sưu tầm * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| ***Tiết 18***  Ôn tập và kiểm tra cuối kì I | | | | GV tổ chức cho HS lựa chọn 1 trong 3 nội dung của chủ đề 1,2,3,4 để ôn tập, đánh giá cuối ki I dựa theo các yêu cầu cần đạt và năng lực của HS   * Biểu diễn bài hát với các hình thức đã học. * Đọc bài đọc nhạc kết hợp gõ đệm, đánh nhịp, nối tiếp,... * Thực hành một trong các bài tập nhạc cụ thể hiện tiết tấu hoặc bài tập nhạc cụ thể hiện giai điệu đã học . |
| **CHỦ ĐỀ 5: CHÀO XUÂN** *(4 tiết)* | | | | |
| **Bài 9**  *-* Hát: Bài hát *Ngày tết quê em*  *-* Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Trần Hoàn và ca khúc *Một mùa xuân nho nhỏ* | ***Tiết 19***  Hát: Bài hát *Ngày tết quê em* | | | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Mùa xuân ơi.* Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức hát hoà giọng, nối tiếp; hát kết hợp gõ đệm hoặc vận động cơ thể theo tiết tấu. |
|  | ***Tiết 20***  - Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Trần Hoàn và ca khúc *Một mùa xuân nho nhỏ*   * Ôn bài hát *Ngày Tết quê em* | | | * Nêu được đôi nét về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ Trần Hoàn; cảm nhận được tính chất, nội dung của bài hát *Một mùa xuân nho nhỏ.* * Thuộc lời, ôn luyện bài hát *Ngày Tết quê em* với các hình thức hát kết hợp gõ đệm hoặc vận động cơ thể theo tiết tấu. |
| **Bài 10**   * Lí thuyết âm nhạc: Nhịp 6/8 * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 3* | ***Tiết 21***   * Lí thuyết âm nhạc: Nhịp 6/8 * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 3* | | | * Nêu được đặc điểm và cảm nhận được tính chất của nhịp 6/8; so sánh được sự giống, khác nhau giữa nhịp 6/8 và 3/8. * Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ. Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm vào phách mạnh và mạnh vừa. |
| ***Tiết 22***  Vận dụng – Sáng tạo | | | | * Biết thực hiện làm nhạc cụ gõ và trang trí trên các nhạc cụ hình ảnh về chủ đề mùa xuân. * Biết sử dụng nhạc cụ vừa tạo để đệm cho bài *Ngày tết quê em.* * Đọc lại hoàn chỉnh *Bài đọc nhạc số 3* và ghép lời ca. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| **CHỦ ĐỀ 6: ÂM NHẠC NƯỚC NGOÀI** *(4tiết)* | | | | |
| **Bài 11**  - Hát: Bài hát *Hát lên cho ngày mai*  - Nghe nhạc: Bài hát *Trở về Surriento*  - Nhạc cụ: Recorder hoặc kèn phím | ***Tiết 23***  - Học hát bài: *Hát lên cho ngày mai*  - Nghe nhạc:Bài hát *Trở về Surriento* | | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Hát lên cho ngày mai.* Biết thể hiện bài hát bằng hình thức hát nối tiếp, hòa giọng. * Nghe và biểu lộ cảm xúc; biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm theo tiết tấu; cảm nhận giai điệu, sắc thái bài hát. | |
| **Bài 12**  - Lí thuyết âm nhạc: Gam thứ, giọng thứ, giọng La thứ  - Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 4* | ***Tiết 24***  - Lí thuyết âm nhạc: Gam thứ, giọng thứ, giọng La thứ   * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 4* | | - Nêu được đặc điểm của giọng La thứ; nhận biết được một số bản nhạc viết ở giọng La thứ. Biết vận dụng kiến thức đã học để đọc *Bài đọc nhạc số 4.*   * Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 4*. Thể hiện đúng tính chất giọng thứ; biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm và đánh nhịp 3/4. | |
| ***Tiết 25***  - Nhạc cụ giai điệu: Kèn phím  - Ôn bài hát: *Hát lên cho ngày mai* | | * Luyện gam La thứ và thể hiện được giai điệu bài *Trở về Surriento* với kèn phím. * Thuộc lời và ôn hát kết hợp vận động cơ thể theo tiết tấu. | |
| ***Tiết 26***  Vận dụng – Sáng tạo | | | * *.*Biểu diễn bài hát *Hát lên cho ngày mai* theo hình thức hát với nhịp độ nhanh dần. * Nghe và phân biệt màu sắc khác nhau giữa giọng trưởng và giọng thứ qua một số bài hát, bản nhạc. * Chia sẻ với bạn bài hát nước ngoài em đã sưu tầm. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. | |
| ***Tiết 27***  Ôn tập và kiểm tra giữa kì II | | | - GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 5 và 6 phù hợp yêu cầu cần đạt và năng lực của HS để tham gia ôn tập và kiểm tra giữa kì II. | |
| **CHỦ ĐỀ 7: GIAI ĐIỆU QUÊ HƯƠNG** *(4tiết)* | | | | |
| **Bài 13**  *-* Hát: Bài hát *Soi bóng bên hồ*  *-* Thường thức âm nhạc: Đàn nguyệt và đàn tính | ***Tiết 28***  - Hát: Bài hát *Soi bóng bên hồ* | | - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Soi bóng bên hồ*. Biết thể hiện bài hát kết hợp gõ đệm theo tiết tấu.  *\*Lồng ghép giáo dục thông qua di sản : GV gợi ý cho HS trả lời câu hỏi để nâng cao ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị tốt đẹp của dân ca Việt Nam.* | |
|  | ***Tiết 29***  - Thường thức âm nhạc: Đàn nguyệt và đàn tính  - Ôn bài hát *Soi bóng bên hồ* | | - Nhận biết và nêu được tên một số đặc điểm của đàn nguyệt, đàn tính; cảm nhận và phân biệt được âm sắc của hai nhạc cụ.  - Thuộc lời và ôn hát kết hợp gõ đệm ở mức độ biểu diễn theo nhóm.  *\*Lồng ghép giáo dục thông qua di sản : GV gợi ý cho HS trả lời câu hỏi để nâng cao ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị tốt đẹp của di sản văn hóa phi vật thể thông qua nội dung Thường thức âm nhạc.* | |
| **Bài 14**  - Lí thuyết âm nhạc: đảo phách  - Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 5* | ***Tiết 30***  - Lí thuyết âm nhạc: đảo phách  - Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 5* | | - Nêu được đặc điểm hai trường hợp đảo phách; nhận biết và thể hiện được đảo phách ở một số bản nhạc.  - Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ Bài đọc nhạc số 5. Thể hiện đúng tính chất giọng thứ, âm hình đảo phách; biết đọc nhạc kết hợp ghép lời, gõ đệm hoặc đánh nhịp. | |
| ***Tiết 31***  Vận dụng – Sáng tạo | | | - Các nhóm biểu diễn bài hát *Soi bóng bên hồ* với hình thức tự chọn.  - Đọc hoàn chỉnh, trình bày phần lời mới Bài đọc nhạc số 5  - Giới thiệu tranh, ảnh sinh hoạt văn hóa của đồng bào Giáy hoặc tranh tự vẽ, mô hình đàn nguyệt, tính đã làm.  - Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. | |
| **CHỦ ĐỀ 8: NHỊP ĐIỆU MÙA HÈ** *(3tiết)* | | | | |
| **Bài 15**  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Xôn xao màu hè*  *-* Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Frederic Chopin (F. Chopin) và tác phẩm *Khúc tùy hứng giọng Đô thăng thứ* (*Fantaisie Impromptu in C sharp minor)* | ***Tiết 32***  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Xôn xao màu hè*  *-* Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Frederic Chopin (F. Chopin) và tác phẩm *Khúc tùy hứng giọng Đô thăng thứ* (*Fantaisie Impromptu in C sharp minor)* | | * Nghe và biểu lộ cảm xúc; biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm theo tiết tấu; cảm nhận giai điệu, sắc thái bài hát *Xôn xao màu hè.* * Nêu được đôi nét về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ F. Chopin. Cảm nhận được tính chất, nội dung của tác phẩm *Khúc tùy hứng giọng Đô thăng thứ* (*Fantaisie Impromptu in C sharp minor).* | |
| **Bài 16**  - Nhạc cụ: Recorder hoặc kèn phím | ***Tiết 33***   * Nhạc cụ giai điệu: Kèn phím. | | * Thể hiện được các thế bấm trong hợp âm giọng La thứ (Am, Dm, E, Am). * Chơi được bài hòa tấu *Trở về Surriento*. | |
| ***Tiết 34***  Vận dụng – Sáng tạo | | | * Chia sẻ với bạn về tác phẩm của nhạc sĩ F.Chopin mà em sưu tầm được. * Biểu diễn nhạc bài *Trở về Surriento* trên kèn phím (hình thức tự chọn). * Giới thiệu tranh vẽ hoặc các sản phẩm cắt dán đã làm về chủ đề mùa hè. * Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải ô chữ và tìm ra từ khóa. * Nêu cảm nhận sau khi học xong chủ đề. | |
| ***Tiết 35***  Ôn tập và kiểm tra cuối kì II | | | GV tổ chức cho HS lựa chọn 1 trong 3 nội dung của chủ đề 5,6,7,8 để ôn tập, đánh giá cuối ki II dựa theo các yêu cầu cần đạt và năng lực của HS   * Biểu diễn bài hát với các hình thức đã học. * Đọc bài đọc nhạc kết hợp gõ đệm, đánh nhịp. * Thực hành một trong các bài tập nhạc cụ thể hiện tiết tấu hoặc bài tập nhạc cụ thể hiện giai điệu đã học . | |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kì**

**2.1 Kiểm tra, đánh giá kì I**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa học kì I | 1 tiết | Tuần 9 | ***GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 1, 2 phù hợp với các yêu cầu cần đạt và năng lực để tham gia ôn tập, kiểm tra giữa kì I.***   * Biết biểu diễn theo nhóm 1 trong 2 bài hát *Chào năm học mới, Việt Nam ơi* với hình thức tự chọn. * Biết trình bày theo nhóm *Bài đọc nhạc số 1* với các hình thức đã học. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành |
| Cuối học kì I | 1 tiết | Tuần 18 | ***GV tổ chức cho HS lựa chọn 1 trong 3 nội dung của chủ đề 1,2,3,4 để ôn tập, đánh giá cuối ki I dựa theo các yêu cầu cần đạt và năng lực của HS***   * Biết biểu diễn theo nhóm 1 trong các bài hát *Chào năm học mới, Việt Nam ơi,* Hát hai bè trích đoạn *Ngàn ước mơ Việt Nam*, liên khúc *Tôi yêu Việt Nam, Nơi ấy Trường Sa* với các hình thức đã học. * Trình bày theo nhóm 1 trong 2 bài đọc nhạc *Bài đọc nhạc số 1, Bài đọc nhạc số 2* với hình thức tự chọn. * Thực hành một trong các bài tập nhạc cụ thể hiện tiết tấu hoặc bài tập nhạc cụ thể hiện giai điệu đã học . | Thực hành, |

**2.2 Kiểm tra, đánh giá kì II**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa học kì II | 1 tiết | Tuần 27 | ***GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ của chủ đề 5, 6 phù hợp với các yêu cầu cần đạt và năng lực để tham gia ôn tập, kiểm tra giữa kì II.***   * Biết trình bày theo nhóm 1 trong 2 bài hát *Ngày tết quê em, Hát lên cho ngày mai* với hình thức tự chọn * Trình bày theo nhóm 1 trong các bài đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 3, Bài đọc nhạc số 4* với hình thức tự chọn. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành |
| Cuối học kì II | 1 tiết | Tuần 35 | ***GV tổ chức cho HS lựa chọn 1 trong 3 nội dung của chủ đề 1,2,3,4 để ôn tập, đánh giá cuối ki I dựa theo các yêu cầu cần đạt và năng lực của HS***   * Biết trình bày theo nhóm 1 trong các bài hát *Ngày tết quê em, Hát lên cho ngày mai, Soi bóng bên hồ* với hình thức tự chọn. * Trình bày theo nhóm 1 trong các bài đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 3, Bài đọc nhạc số 4, Bài đọc nhạc số 5* với hình thức tự chọn. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành |

**PHÂN MÔN MĨ THUẬT 8**

**II. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình**

**Cả năm:** 35 tuần x 1 tiết = 35 tiết.

**HK1:** 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết;

| **Tuần** | **Chủ đề** | **Số tiết** | **Bài học** | **Yêu cầu cần đạt** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ I** | | | | |
| 1-2 | **CHỦ ĐỀ: NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI** | 2 | Bài 1.  THIÊN NHIÊN TRONG TRANH CỦA HOẠ SĨ PAUL GAUGUIN | – Nêu được khái quát về trường phái Ấn tượng; Tóm tắt được vài nét về cuộc đời hoạ sĩ Paul Gauguin; Phân tích được cách thể hiện màu sắc, ánh sáng và không gian trong tranh của hoạ sĩ và trong bài vẽ.  – Mô phỏng được bức tranh theo phong cách của hoạ sĩ Paul Gauguin với các nhân vật mới.  – Vận dụng cách thể hiện màu sắc, ánh sáng trong tranh của hoạ sĩ để sáng tạo được sản phẩm mĩ thuật phục vụ cuộc sống.  – Có ý thức tìm hiểu tinh hoa mĩ thuật thế giới để làm giàu nền nghệ thuật dân tộc. |
| 3-4 | 2 | Bài 2:  NGHỆ THUẬT TRANH CẮT DÁN (COLLAGE ART) | – Nêu được khái quát tiến trình phát triển, đặc điểm tác phẩm, tác giả tiêu biểu của trường phái Lập thể. Phân tích được sự đa dạng về hình ảnh, màu sắc trong tác phẩm của trường phái Lập thể và sản phẩm mĩ thuật.  – Tạo được bức tranh cắt dán – Collage art, theo trường phái Lập thể từ những hình ảnh, màu sắc có sẵn trên vật liệu.  – Vận dụng được cách tạo bức tranh cắt dán để làm các sản phẩm mĩ thuật khác từ vật liệu tái chế.  – Chia sẻ được ý nghĩa và giá trị của việc sử dụng vật liệu tái chế, góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp. |
|  | 2 | Bài 3:  TRANH CHÂN DUNG THEO TRƯỜNG PHÁI BIỂU HIỆN | – Nêu được tiến trình phát triển, đặc điểm tác phẩm, tác  giả tiêu biểu của trường phái Biểu hiện. Phân tích được nét, màu biểu cảm trong tranh của hoạ sĩ thuộc trường phái Biểu hiện và sản phẩm mĩ thuật.  – Vẽ được tranh chân dung với nét, màu thể hiện trạng thái cảm xúc của nhân vật theo trường phái Biểu hiện.  – Sử dụng được nét, hình, màu trong tranh của trường phái Biểu hiện để vẽ chân dung người thân, bạn bè.  – Tôn trọng sự khác biệt về cách thể hiện đặc điểm riêng bên ngoài và cảm xúc của người khác. |
| 7-8 | **CHỦ ĐỀ: NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI VIỆT NAM** | 2 | Bài 4:  NÉT ĐẶC TRƯNG TRONG TRANH SƠN MÀI VIỆT NAM  (Kiểm tra giữa học kì I) | – Nêu được khái quát về nghệ thuật tranh sơn mài Việt Nam. Tóm tắt được cuộc đời, sự nghiệp và đóng góp của hoạ sĩ Nguyễn Gia Trí cho nghệ thuật tranh sơn mài. Chỉ ra và phân tích được cách sử dụng vỏ trứng để tạo hình, màu và chất cảm trong tranh.  – Tạo được bức tranh có sử dụng vỏ trứng để tạo hình, màu và chất cảm.  – Vận dụng kĩ thuật gắn vỏ trứng để trang trí các sản phẩm mĩ thuật khác trong cuộc sống.  – Xác định được trách nhiệm trong học tập, sáng tạo và phát huy giá trị văn hoá, nghệ thuật  Tích hợp Lồng ghép GD QPAN: - Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc . Trân trọng, yêu quý những tác phẩm nghệ thuật của cha ông ta. |
| 9-10 | 2 | Bài 5:  NÉT ĐẸP TRONG TRANH LỤA CỦA HOẠ SĨ NGUYỄN PHAN CHÁNH | – Nêu được khái quát về nghệ thuật tranh lụa Việt Nam. Tóm tắt được cuộc đời, sự nghiệp và nét đặc trưng trong tranh lụa của hoạ sĩ Nguyễn Phan Chánh.  – Sử dụng cách vẽ màu nước để mô phỏng được bức tranh theo phong cách của hoạ sĩ Nguyễn Phan Chánh.  – Vận dụng được kĩ thuật vẽ màu nước để tạo một bức tranh.  – Trân trọng, giữ gìn bản sắc và phát huy được giá trị, vẻ đẹp văn hoá, nghệ thuật của dân tộc trong học tập và sáng tạo. |
| 11-12 |  | 2 | Bài 6:  TƯỢNG CHÂN DUNG NHÂN VẬT | – Nêu được khái quát về thành tựu, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của điêu khắc hiện đại Việt Nam. Chỉ ra được cách tạo hình khối, chất cảm cho tượng chân dung nhân vật.  – Tạo được tượng chân dung nhân vật có tỉ lệ hài hoà với hình mẫu bằng đất nặn.  – Sử dụng được cách tạo khối, chất cảm cho tượng chân dung nhân vật em yêu thích.  – Tôn trọng sự khác biệt về cách thể hiện đặc điểm riêng bên ngoài và cảm xúc của mỗi cá nhân trong cuộc sống. |
| 13-14 | **CHỦ ĐỀ:**  **MĨ THUẬT CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM** | 2 | Bài 7:  TẠO MẪU NỀN TRANG TRÍ VỚI HOẠ TIẾT DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM | – Nhận biết được cách sắp xếp hoạ tiết, màu sắc trong mẫu vẽ vải của dân tộc thiểu số.  – Tạo được khuôn in với hình hoạ tiết dân tộc thiểu số.  – Sử dụng khuôn để in được nền trang trí theo nguyên lí lặp lại.  – Chia sẻ được ý tưởng vận dụng, phát huy các giá trị văn hoá nghệ thuật truyền thống của dân tộc trong học tập và trong cuộc sống. |
| 15-16 | 2 | Bài 8:  THIẾT KẾ TRANG PHỤC VỚI HOẠ TIẾT DÂN TỘC (Kiểm tra cuối kì I) | – Nhận biết được vẻ đẹp của hoạ tiết dân tộc, màu sắc hài hoà trong một sản phẩm thời trang. Nêu được cách tạo hình và thiết kế sản phẩm thời trang từ nền trang trí hoạ tiết dân tộc thiểu số.  – Thiết kế được bộ trang phục với hoạ tiết dân tộc thiểu số.  – Có ý tưởng và chia sẻ cách thiết kế thời trang từ những hoạ tiết dân tộc thiểu số.  – Chỉ ra được trách nhiệm của cá nhân trong việc bảo tồn, phát triển di sản văn hoá dân tộc trong cuộc sống và trong học tập, sáng tạo. |
| 17-18 |  | 2 | **TỔNG KẾT HỌC KÌ I: TRƯNG BÀY SẢN PHẨM MĨ THUẬT** | – Chỉ ra được các yếu tố, nguyên lí tạo hình được vận dụng trong sản phẩm mĩ thuật. Nêu được tên và hình thức mĩ thuật đặc trưng của các bài trong học kì I.  – Tạo và trưng bày được sản phẩm mĩ thuật của bài học yêu thích.  – Đánh giá được kết quả học tập môn Mĩ thuật của bản thân và của bạn. |
| 19-20 | **CHỦ ĐỀ: NỘI THẤT CĂN PHÒNG** |  | Bài 9:  THIẾT KẾ SẢN PHẨM NỘI THẤT | – Phân tích được vẻ đẹp tạo hình và công năng sử dụng của sản phẩm mĩ thuật. Trình bày được ý tưởng và cách thiết kế tạo dáng sản phẩm nội thất.  – Thiết kế được hình dáng sản phẩm nội thất từ giấy bìa.  – Vận dụng được phương pháp sáng tạo từ bài để thực hiện một mô hình sản phẩm nội thất.  – Chia sẻ được trách nhiệm của cá nhân đối với việc sử dụng vật liệu để tiết kiệm và bảo vệ môi trường. |
| 21-22 | 2 | Bài 10: THIẾT KẾ MÔ HÌNH CĂN PHÒNG | – Phân tích được sự hài hoà về hình khối và không gian trong sản phẩm mĩ thuật. Nêu được cách sắp xếp đồ vật tạo không gian nội thất phù hợp với chức năng của căn phòng.  – Thiết kế được mô hình một không gian nội thất phù hợp với công năng sử dụng.  – Vận dụng kiến thức và kĩ năng vào thiết kế mô hình không gian nội thất cho căn nhà của mình và người thân trong tương lai.  – Có ý thức bản thân và nhắc nhở người xung quanh về việc giữ gìn, bảo quản đồ nội thất. |
| 23-  24 | **CHỦ ĐỀ: MĨ THUẬT TRONG CUỘC SỐNG**  . | 2 | .Bài 11:  TẠO HOẠ TIẾT TRANG TRÍ BẰNG CÁC CHẤM  (Kiểm tra giữa học kì II) | – Nhận biết được sự tương đồng và khác biệt của hoạ tiết  vẽ bằng chấm trong sản phẩm mĩ thuật và trong bài vẽ. Chỉ ra được phương thức chép và cách điệu hoa, lá bằng chấm màu để tạo hoạ tiết trang trí.  – Tạo được hoạ tiết trang trí hình hoa, lá từ các chấm màu. – Vận dụng kĩ thuật từ bài học vào những nội dung sáng tạo mĩ thuật khác.  – Nêu được trách nhiệm, rèn luyện đức tính chăm chỉ trong học tập và cuộc sống. |
| 25-26 | 2 | Bài 12:  TRANH TĨNH VẬT | – Nhận biết được tỉ lệ, độ đậm nhạt, hình khối và không gian phức hợp trong bài vẽ. Nêu được cách vẽ nhóm mẫu vật có dạng khối trụ, khối cầu, khối lập phương bằng quan sát thực tế.  – Vẽ và diễn tả được hình khối của đồ vật có tỉ lệ phù hợp với mẫu vật bằng bút chì.  – Có khả năng vận dụng kĩ năng diễn tả các đồ vật, vật dụng trong các trường hợp khác ở trạng thái tĩnh.  – Nêu được cảm nhận về vẻ đẹp của đồ vật và giá trị thẩm mĩ của tranh tĩnh vật trong cuộc sống. |
| 27-28 | 2 | Bài 13:  TRANH TRANG TRÍ VỚI MÀU TƯƠNG PHẢN | – Phân tích được nét, hình, màu tương phản trong tranh và trong bài vẽ. Chỉ ra được cách sử dụng màu tương phản tạo bức tranh trang trí.  – Vẽ được bức tranh trang trí có màu sắc tươi vui, rực rỡ.  – Áp dụng được kiến thức, kĩ năng tạo hiệu quả tranh có sắc thái tương phản.  – Chia sẻ được giá trị thẩm mĩ của bức tranh có hoà sắc màu tương phản. |
| 29-30 | 2 | Bài 14:  TRANH ÁP PHÍCH | – Nêu được giá trị của hình ảnh có tính tượng trưng, tính biểu tượng và cách sử dụng chữ, hình, màu trong áp phích.  – Tạo được tranh áp phích về chủ đề văn hoá – xã hội.  – Vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để vẽ được tranh áp phích với các chủ đề khác nhau.  – Chia sẻ với người thân, bạn bè về trách nhiệm đối với các vấn đề văn hoá – xã hội được tuyên truyền, cổ động.  Tích hợp lồng ghép GD QPAN: - Giáo dục học sinh nhận thức về quốc phòng và an ninh ở mức độ đơn giản; vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống. |
| 31-  32 | CHỦ **ĐỀ: HƯỚNG NGHIỆP** | 2 | Bài 15:  KHÁI QUÁT VỀ NGÀNH NGHỀ LIÊN QUAN ĐẾN MĨ THUẬT TẠO HÌNH (Kiểm tra cuối học kì II) | – Chỉ ra được vai trò, hình thức thể hiện của một số ngành  nghề Mĩ thuật tạo hình và liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật tạo hình.  – Biết cách tìm hiểu, nghiên cứu các ngành nghề và các vấn đề liên quan đến Mĩ thuật tạo hình và làm được sản phẩm báo cáo kết quả.  – Sử dụng kiến thức từ bài học để đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp tương lai của bản thân.  – Chia sẻ được về ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật tạo hình có tiềm năng phát triển trong tương lai. |
| 33-34 | 2 | Bài 16:  ĐẶC TRƯNG CỦA MỘT SỐ NGHỀ LIÊN QUAN ĐẾN MĨ THUẬT TẠO HÌNH | – Phân tích, so sánh và nêu được các yếu tố đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật tạo hình.  – Tạo được sản phẩm giới thiệu về các yếu tố đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật tạo hình.  – Chia sẻ được về ngành nghề Mĩ thuật tạo hình có tiềm năng phát triển trong tương lai. |
| 35 |  | 1 | Tổng kết năm học: Trưng bày sản phẩm mĩ thuật | – Chỉ ra được nét đặc trưng về ngôn ngữ tạo hình của sản phẩm mĩ thuật và nêu được tên của các hình thức mĩ thuật đã học trong năm ở lớp 8.  – Tạo được không gian trưng bày sản phẩm mĩ thuật phù hợp.  – Đánh giá được kết quả học tập môn Mĩ thuật của bản thân và của bạn. |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| **Giữa học kỳ 1** | 45 phút | Tuần 8 | - Các sản phẩm và bài vẽ của HS đạt những yêu cầu theo nội dung chương trình | Thực hành |
| **Cuối học kỳ 1** | 45 phút | Tuần 16 | - Các sản phẩm và bài vẽ của HS đạt những yêu cầu theo nội dung các chủ đề | Thực hành |
| **Giữa học kỳ 2** | 45 phút | Tuần 24 | - Các sản phẩm và bài vẽ của HS đạt những yêu cầu theo nội dung chương trình | Thực hành |
| **Cuối học kỳ 2** | 45 phút | Tuần 32 | - Các sản phẩm mô hình của HS đạt những yêu cầu theo nội dung các chủ đề | Thực hành |

**Kế hoạch dạy học PHÂN MÔN ÂM NHẠC 9**

1. **Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ 1: NỐI VÒNG TAY LỚN** *(4 tiết)* | | | |
| **BÀI HỌC** | **TIẾT/TUẦN** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | |
| **Bài 1**  *-* Hát: Bài hát *Nối vòng tay lớn.*  *-* Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 1.* | **Tiết 1**  Hát: Bài hát *Nối vòng tay lớn* | Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Nối vòng tay lớn;* biết thể hiện bài hát với hình thức khác nhau.  *\*Lồng ghép học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: Theo lời dạy của Bác, đoàn kết sẽ dẫn đến thành công. Cho HS xem video, câu chuyện về sự đoàn kết dẫn đến thành công.*  ***\* Tích hợp lồng ghép GD QPAN:*** *Trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*  *\* Lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh: GV giới thiệu cho HS một số hình ảnh hoặc video về sự đoàn kết của dân tộc Việt Nam, qua đó giáo dục HS có tinh thần đoàn kết để góp phần xây dựng một đất nước có cuộc sống yên vui, hòa bình, thống nhất và phát triển.* | |
| **Tiết 2**   * Đọc nhạc:*Bài đọc nhạc số 1* * Ôn bài hát:*Nối vòng tay lớn* | - Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng; đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 1* và ghép lời.  - HS hát thuộc lời bài hát, ôn lại bài hát *Nối vòng tay lớn* theo hình thức hát kết hợp vận động phụ họa và vận động cơ thể hoặc sáng tạo thêm. | |
| **Bài 2**  *-* Lí thuyết âm nhạc: *Sơ lược về quãng, cách xác định và gọi tên quãng.*  *-* Thưởng thức âm nhạc: Nhạc sĩ Huy Du và bài hát *Đường chúng ta đi.* | **Tiết 3**   * Lí thuyết âm nhạc: Sơ lược về quãng, cách xác định và gọi tên quãng. * Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Huy Du và bài hát *Đường chúng ta đi.* | * Nêu được khái niệm về quãng; biết cách xác định và gọi tên quãng theo độ lớn số lượng và độ lớn chất lượng; so sánh được độ lớn số lượng của các quãng. * Nêu được đôi nét về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ Huy Du; cảm nhận được tính chất âm nhạc, nội dung bài hát *Đường chúng ta đi*.   ***-Tích hợp lồng ghép GD QPAN:*** *Một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh*  *\* Lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh: GV giới thiệu cho HS một số hình ảnh hoặc video về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta thông qua nội dùg Thường thức âm nhạc.* | |
| ***Tiết 4***  Vận dụng – Sáng tạo | | * Biểu diễn lại bài hát *Nối vòng tay lớn* theo hình thức tự chọn, thể hiện đúng tính chất sắc thái của bài hát. * Luyện tập lại bài đọc nhạc kết hợp ghép lời ca. * HS nghe và cảm nhận, phân biệt được quãng giai điệu và quãng hòa âm. * Nêu được cảm nhận sau khi học xong chủ đề. | |
| **CHỦ ĐỀ 2: KHÁT VỌNG TUỔI TRẺ** *(4 tiết)* | | | |
| **Bài 3**  *-* Hát: Bài hát *Bảy sắc cầu vồng*  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Thời thanh niên sôi nổi* | **Tiết 5**  *-* Hát: Bài hát *Bảy sắc cầu vồng*  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Thời thanh niên sôi nổi* | | - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Bảy sắc cầu vồng;* biết thể hiện bài hát với hình thức song ca nam nữ, hòa giọng.  - Nghe và biểu lộ cảm xúc; biết gõ đệm phù hợp với nhịp điệu; cảm nhận giai điệu, sắc thái bài hát *Thời thanh niên sôi nổi.* |
| **Bài 4**  *-* Nhạc cụ: Recorder hoặc kèn phím  *-* Thường thức âm nhạc: Kèn oboe và kèn cor | **Tiết 6**  *-* Thường thức âm nhạc: Kèn oboe và kèn cor  *-* Ôn bàihát: *Bảy sắc cầu vồng* | | - Nêu được một số đặc điểm của kèn oboe và kèn cor; cảm nhận, phân biệt được âm sắc của hai nhạc cụ.  - Thuộc lời, ôn lại bài hát *Bảy sắc cầu vồng* theo hình thức hát bè. |
| **Tiết 7**   * Nhạc cụ thể hiện giai điệu: kèn phím | | Thực hành được gam La thứ và bài *Vui đến trường* (*Happy School*) trên kèm phím. |
| ***Tiết 8***  Vận dụng – Sáng tạo | | | * Biểu diễn được theo nhóm bài hát *Bảy sắc cầu vồng* với hình thức hát bè kết hợp gõ đệm bằng nhạc cụ thể hiện tiết tấu hoặc động tác vận động cơ thể. * Biểu diễn lại bài nhạc cụ thể hiện giai điệu kèn phím *Vui đến trường* theo hình thức tự chọn. * Sưu tầm và chia sẻ với bạn các bản độc tấu hoặc hòa tấu kèn oboe và kèn cor * Nêu được cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| ***Tiết 9***  Ôn tập và kiểm tra giữa kì I | | | * GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung hát, đọc nhạc, nhạc cụ của chủ đề 1, 2 phù hợp với các yêu cầu cần đạt và năng lực để tham gia ôn tập, kiểm tra giữa kì I:   + Biểu diễn bài hát với các hình thức đã học.  + Đọc bài đọc nhạc kết hợp gõ đệm, đánh nhịp,...  + Thực hành một trong các bài tập nhạc cụ thể hiện giai điệu, nhạc cụ tiết tấu đã học . |
| **C CHỦ ĐỀ 3: KỈ NIỆM DƯỚI MÁI TRƯỜNG***(4 tiết)***ĐỀ 3: NHỚ ƠN THẦY CÔ** *(4tiết)* | | | |
| **Bài 5**  *-* Hát: Bài hát *Tháng năm học trò*  *-* Thường thức âm nhạc: Một số thể loại nhạc đàn | **Tiết 10**   * Hát: Bài hát *Tháng năm học trò* | | Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Tháng năm học trò;* biết thể hiện bài hát với hình thức khác nhau. |
| **Tiết 11**   * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 2* * Ôn bài hát: *Tháng năm học trò* | | * Đọc đúng cao độ gam La thứ; đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ và thể hiện đúng tính chất *Bài đọc nhạc số 2*; biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc đánh nhịp. * Thuộc lời, ôn lại bài hát *Tháng năm học trò* theo hình thức lĩnh xướng, hòa giọng và vận động phụ họa hoặc sáng tạo thêm. |
| **Bài 6**  - Lí thuyết âm nhạc: Sơ lược về dịch giọng  - Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 2* | **Tiết 12**  - Lí thuyết âm nhạc: Sơ lược về dịch giọng   * Thường thức âm nhạc: Một số thể loại nhạc đàn | | * Nêu được sơ lược về dịch giọng; biết vận dụng kiến thức đã học khi hát, đọc nhạc, chơi nhạc cụ và tìm hiểu bản nhạc. * Nhận biết và nêu được đặc điểm của một số thể loại nhạc đàn. |
| ***Tiết 13***  Vận dụng – Sáng tạo | | | * Biểu diễn được theo nhóm bài hát *Tháng năm học trò* với hình thức tự chọn. * Sưu tầm và chia sẻ với bạn các tác phẩm nhạc đàn. * Luyện tập lại *Bài đọc nhạc số 2* và ghép lời ca. * Nêu được cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| **CHỦ ĐỀ 4: GIAI ĐIỆU QUÊ HƯƠNG** *(4 tiết)* | | | |
| **Bài 7**  *-* Hát: Bài hát *Lí Ngựa Ô* (Dân ca Nam Bộ*)*  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Lí Ngựa Ô* (Dân ca Trung Bộ) | ***Tiết 14***  *-* Hát: Bài hát *Lí Ngựa Ô* (Dân ca Nam Bộ)  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Lí Ngựa Ô* (Dân ca Trung Bộ) | | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Lí Ngựa Ô* (Dân ca Nam Bộ)*;* biết thể hiện bài hát với hình thức nối tiếp, hòa giọng. * Nghe và biểu lộ cảm xúc; cảm nhận giai điệu, sắc thái bài hát *Lí Ngựa Ô* (Dân ca Trung Bộ)*.*   *\*Lồng ghép giáo dục thông qua di sản : GV gợi ý cho HS trả lời câu hỏi để nâng cao ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị tốt đẹp của dân ca Việt Nam.* |
| **Bài 8**  *-* Thường thức âm nhạc: Nhã nhạc Cung đình Huế  *-* Nhạc cụ: Recorder hoặc kèn phím | ***Tiết 15***  *-* Thường thức âm nhạc: Nhã nhạc Cung đình Huế  *-* Ôn bài hát: *Lí ngựa* ô (Dân ca Nam Bộ) | | * Nhận biết và nêu được vài nét đặc trưng về Nhã nhạc cung đình Huế; cảm nhận được giai điệu, tính chất âm nhạc của làn điệu *Lưu Thủy – Kim tiền*; biết giới thiệu được di sản này cho bạn bè và người thân. * Thuộc lời, ôn lại bài hát *Tháng năm học trò* theo hình thức lĩnh xướng, hòa giọng và vận động phụ họa.   *\*Lồng ghép giáo dục thông qua di sản : GV gợi ý cho HS trả lời câu hỏi để nâng cao ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị tốt đẹp của di sản văn hóa phi vật thể thông qua nội dung Thường thức âm nhạc.* |
| ***Tiết 16***  Nhạc cụ thể hiện giai điệu kèn phím | | Thể hiện được nốt Si giàng (Bb), bài thực hành mẫu âm và bài *Múa vui* trên kèn phím. |
| ***Tiết 17***  Vận dụng – Sáng tạo | | | * Chia sẻ với bạn câu thơ lục bát là nguồn gốc xuất xứ của bài hát *Lí ngựa ô*. Biểu diễn theo nhóm bài hát *Lí ngựa ô* với hình thức tự chọn. * Sưu tầm và giới thiệu về Nhã nhạc cung đình Huế với các thông tin đã tìm hiểu thêm. * Biểu diễn nhạc cụ thể hện giai điệu kèn phím bài *Cùng múa vui* theo hình thức tự chọn. * Nêu được cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| ***Tiết 18***  Ôn tập và kiểm tra cuối kì I | | | * GV tổ chức cho HS lựa chọn 1 trong 3 nội dung của chủ đề 1,2,3,4 để ôn tập, đánh giá cuối ki I dựa theo các yêu cầu cần đạt và năng lực của HS   + Biểu diễn bài hát với các hình thức đã học.  + Đọc bài đọc nhạc kết hợp gõ đệm, đánh nhịp,...  + Thực hành một trong các bài tập nhạc cụ thể hiện giai điệu đã học . |
| **CHỦ ĐỀ 5: TRÁI ĐẤT XANH** *(4 tiết)* | | | |
| **Bài 9**  *-* Hát: Bài hát *Ngôi nhà của chúng ta*  *-* Nghe nhạc: Tác phẩm *Mùa xuân* | ***Tiết 19***  - Hát: Bài hát *Ngôi nhà của chúng ta*  - Nghe nhạc: Tác phẩm *Mùa xuân* | | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Ngôi nhà của chúng ta*; biết thể hiện bài hát với hình thức lĩnh xướng, nối tiếp, hòa giọng. * Nghe và biểu lộ cảm xúc; biết gõ đệm phù hợp với nhịp điệu; cảm nhận giai điệu, sắc thái tác phẩm *Mùa xuân* của nhạc sĩ Vivaldi. |
| **Bài 10**   * Lí thuyết âm nhạc: *Sơ lược về hợp âm*   - Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 3* | ***Tiết 20***   * Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 3* * Ôn bài hát: *Ngôi nhà của chúng ta* | | * Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng; đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ *Bài đọc nhạc số 3*; biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm theo phách/nhịp; cảm nhận được sự hòa quyện của âm thanh khi đọc nhạc có bè. * HS hát thuộc lời ca, biết hát kết hợp vận động cơ thể và vận động phụ họa theo nhịp điệu. |
|  | ***Tiết 21***   * Lí thuyết âm nhạc: *Sơ lược về hợp âm* * Ôn tập: *Bài tập đọc nhạc số 3* | | * Hiểu được một số kí hiệu, khái niệm về hợp âm, biết cách xây dựng hợp âm. * Ôn bài đọc nhạc với các hình thức đã học. Thể hiện được đúng tính chất, sắc thái của bài đọc nhạc. |
| ***Tiết 22***  Vận dụng – Sáng tạo | | | * Biểu diễn được theo nhóm bài hát *Ngôi nhà của chúng ta* với các hình thức tự chọn. * Đọc đúng tên nốt, cao độ, hòa quyện các âm theo nhóm chia 3 bè với các hợp âm. * Luyện tập đọc lại *Bài đọc nhạc số 3* với các hình thức khác nhau, thể hiện đúng tính chất, sắc thái. * Nêu được cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| **CHỦ ĐỀ 6: TIẾNG HÁT HÒA BÌNH** *(4tiết)* | | | |
| **Bài 11**  - Hát: Bài hát *Nụ cười*  - Nghe nhạc: Bài hát *Chúng em cần hòa bình* | ***Tiết 23***  - Hát: Bài hát *Nụ cười*  - Nghe nhạc: Bài hát *Chúng em cần hòa bình* | | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Nụ cười*; biết thể hiện bài hát với hình thức nối tiếp, hòa giọng. * Nghe và biểu lộ cảm xúc; biết gõ đệm hoặc vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu; cảm nhận giai điệu, sắc thái bài hát *Chúng em cần hòa bình*. |
| **Bài 12**  - Nhạc cụ: Recorder hoặc kèn phím  - Thưởng thức âm nhạc: Đàn đá và đàn đáy | ***Tiết 24***  - Thưởng thức âm nhạc: Đàn đá và đàn đáy  - Ôn bài hát: *Nụ cười* | | * Nêu được một số đậc điểm của đàn đá, đàn đáy; cảm nhận và phân biệt được âm sắc của hai nhạc cụ; nhận biết được nhạc cụ khi nghe hoặc xem biểu diễn. * HS hát thuộc bài hát, biết hát kết hợp vận động phụ họa và vận động cơ thể.   *\*Lồng ghép giáo dục thông qua di sản : GV gợi ý cho HS trả lời câu hỏi để nâng cao ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị tốt đẹp của di sản văn hóa phi vật thể thông qua nội dung Thường thức âm nhạc.* |
| ***Tiết 25***  Nhạc cụ thể hiện giai điệu kèn phím | | * Thể hiện được thế bấm hợp âm và bài hòa tấu *Deck the hallsI* trên kèn phím*.* |
| ***Tiết 26***  Vận dụng – Sáng tạo | | | * Biểu diễn bài hát *Nụ cười*, thể hiện được đoạn 1 hát với hình thức hát đuổi. * Thể hiện được bài *Deck the halls* trên các quãng 8 khác nhau. * Nêu được cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| ***Tiết 27***  Ôn tập và kiểm tra giữa kì II | | | * GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung hát, đọc nhạc, nhạc cụ của chủ đề 5 và 6 phù hợp yêu cầu cần đạt và năng lực của HS để tham gia ôn tập và kiểm tra giữa kì II:   + Biểu diễn bài hát với các hình thức đã học.  + Đọc bài đọc nhạc kết hợp gõ đệm, đánh nhịp,...  + Thực hành một trong các bài tập nhạc cụ thể hiện giai điệu, nhạc cụ tiết tấu đã học . |
| **CHỦ ĐỀ 7: ÂM NHẠC NƯỚC NGOÀI** *(4tiết)* | | | |
| **Bài 13**  *-* Hát: Bài hát *Donna Donna*   * Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Franz Peter Schubert và khúc nhạc *Serenade* | ***Tiết 28***  Hát: Bài hát *Donna Donna* | | Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Donna Donna;* biết thể hiện bài hát với hình thức nối tiếp, hòa giọng; hát hết hợp vận động phụ họa và gõ đệm theo tiết tấu. |
| ***Tiết 29***  *-* Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Franz Peter Schubert và khúc nhạc *Serenade*  - Ôn tập bài hát: *Donna Donna* | | * Nêu được đôi nét về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ Peter Schubert; cảm nhận được tính chất âm nhạc của khúc nhạc *Serenade* * HS hát thuộc bài hát, biết hát với các hình thức đã học hoặc sáng tạo thêm. |
| **Bài 14**  - Lí thuyết âm nhạc: Một số hợp âm của giọng Đô trưởng và giọng La thứ  - Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 4* | ***Tiết 30***  - Lí thuyết âm nhạc: Một số hợp âm của giọng Đô trưởng và giọng La thứ  - Đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 4* | | * Nhận biết được một số hợp âm của giọng Đô trưởng và giọng La thứ; biết vận dụng kiến thức đã học khi chơi nhạc cụ, tìm hiểu bản nhạc. * Đọc đúng cao độ gam La thứ; đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ và thể hiện đúng tính chất *Bài đọc nhạc số 4*; biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc đánh nhịp. |
| ***Tiết 31***  Vận dụng – Sáng tạo | | | * Biểu diễn bài *Donna Donna* bằng hình thức tự chọn. * Qua trò chơi âm nhạc HS xác định được tên nốt và đọc hòa giọng hợp âm ba trên bậc I, IV, V giọng Đô trưởng và bậc I, IV, V của giọng La thứ. * Sưu tầm và chia sẻ với bạn một số tác phẩm của nhạc sĩ Peter Schubert. * Nêu được cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| **CHỦ ĐỀ 8: MỘT THỜI ĐỂ NHỚ** *(3tiết)* | | | |
| **Bài 15**  *-* Hát: Bài hát *Một thời để nhớ*  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Khi tóc thầy bạc trắng* | ***Tiết 32***  *-* Hát: Bài hát *Một thời để nhớ*  *-* Nghe nhạc: Bài hát *Khi tóc thầy bạc trắng* | | * Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát *Một thời để nhớ*; biết thể hiện bài hát với hình thức nối tiếp, hòa giọng. * Nghe và biểu lộ cảm xúc; biết gõ đệm hoặc vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu; cảm nhận giai điệu, sắc thái bài hát *Khi tóc thầy bạc trắng*. |
| **Bài 16**  Nhạc cụ: Recorder hoặc kèn phím | ***Tiết 33***  Nhạc cụ thể hiện giai điệu: kèn phím | | Thực hiện được âm hình tiết tấu với nhạc cụ gõ; thể hiện bài mẫu âm và đúng cao độ, trường độ bài hòa tấu trích đoạn *Tháng năm học trò* trên kèn phím. |
| ***Tiết 34***  Vận dụng – Sáng tạo | | | * Luyện tập lại bài hát *Một thời để nhớ*; biết thể hiện được bài hát theo hình thức hát bè. * Biết biểu diễn bài hát *Một thời để nhớ* với các hình thức khác nhau để tham gia các chương trình văn nghệ ở trong và ngoài trường. * Nêu được cảm nhận sau khi học xong chủ đề. |
| ***Tiết 35***  Ôn tập và kiểm tra cuối kì II | | | * GV tổ chức cho HS lựa chọn 1 trong 3 nội dung của chủ đề 5,6,7,8 để ôn tập, đánh giá cuối ki II dựa theo các yêu cầu cần đạt và năng lực của HS   + Biểu diễn bài hát với các hình thức đã học.  + Đọc bài đọc nhạc kết hợp gõ đệm, đánh nhịp, đọc có bè.  + Thực hành một trong các bài tập nhạc cụ thể hiện tiết tấu hoặc bài tập nhạc cụ thể hiện giai điệu đã học . |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kì**

**2.1 Kiểm tra, đánh giá kì I**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa học kì I | 1 tiết | Tuần 9 | ***GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung hát, đọc nhạc, nhạc cụ của chủ đề 1, 2 phù hợp với các yêu cầu cần đạt và năng lực để tham gia ôn tập, kiểm tra giữa kì I.***   * Biết biểu diễn theo nhóm 1 trong 2 bài hát *Nối vòng tay lớn,* B*ảy sắc cầu vồng* với hình thức tự chọn. * Biết trình bày theo nhóm *Bài đọc nhạc số 1* với các hình thức đã học. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | Thực hành |
| Cuối học kì I | 1 tiết | Tuần 18 | ***GV tổ chức cho HS lựa chọn 1 trong 3 nội dung của chủ đề 1,2,3,4 để ôn tập, đánh giá cuối ki I dựa theo các yêu cầu cần đạt và năng lực của HS***   * Biết biểu diễn theo nhóm 1 trong các bài hát *Nối vòng tay lớn,* B*ảy sắc cầu vồng, Tháng năm học trò, Lí ngựa ô* với các hình thức đã học. * Trình bày theo nhóm 1 trong 2 bài đọc nhạc *Bài đọc nhạc số 1, Bài đọc nhạc số 2* với hình thức tự chọn. * Thực hành một trong các bài tập nhạc cụ thể hiện tiết tấu hoặc bài tập nhạc cụ thể hiện giai điệu đã học . | Thực hành, |

**2.2 Kiểm tra, đánh giá kì II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | | | **Hình thức** |
| Giữa học kì II | | 1 tiết | Tuần 27 | ***GV tổ chức cho cá nhân, nhóm lựa chọn các nội dung hát, đọc nhạc, nhạc cụ của chủ đề 5, 6 phù hợp với các yêu cầu cần đạt và năng lực để tham gia ôn tập, kiểm tra giữa kì II.***   * Biết trình bày theo nhóm 1 trong 2 bài hát *Ngôi nhà của chúng ta, Nụ cười* với hình thức tự chọn * Trình bày theo nhóm *Bài đọc nhạc số 3* với hình thức tự chọn. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | | | Thực hành |
| Cuối học kì II | | 1 tiết | Tuần 35 | ***GV tổ chức cho HS lựa chọn 1 trong 3 nội dung của chủ đề 5,6,7,8 để ôn tập, đánh giá cuối ki II dựa theo các yêu cầu cần đạt và năng lực của HS***   * Biết trình bày theo nhóm 1 trong các bài hát *Ngôi nhà của chúng ta, Nụ cười, Donna Donna, Một thời để nhớ* với hình thức tự chọn. * Trình bày theo nhóm 1 trong các bài đọc nhạc: *Bài đọc nhạc số 3, Bài đọc nhạc số 4* với hình thức tự chọn. * Trình bày một trong các bài tập tiết tấu hoặc bài tập giai điệu đã học theo hình thức cá nhân/nhóm. | | | Thực hành |
|  | | | | | |  | | | |
|  | | | | |  | | | |

**Kế hoạch dạy học PHÂN MÔN MĨ THUẬT 9**

**Phân phối chương trình**

**HK1:** 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết;

| **Tuần** | **Chủ đề** | **Số tiết** | **Bài học** | **Yêu cầu cần đạt** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ I** | | | | |
| 1-2 | **CHỦ ĐỀ: TƯ LIỆU THỰC TẾ VÀ SÁNG TÁC** | 2 | Bài 1.  VẼ KÍ HOẠ  DÁNG NGƯỜI | – Nêu được vai trò của hình dáng và tỉ lệ người trong vẽ kí hoạ.  – Vẽ được nhóm dáng người đang hoạt động có tỉ lệ phù hợp với hình mẫu.  – Vận dụng được các kí hoạ dáng người đang hoạt động làm tư liệu cho bài học khác.  – Có ý thức rèn luyện vẽ dáng người để nâng cao kĩ năng trong học tập. |
| 3-4 | 2 | Bài 2:  SỬ DỤNG TƯ LIỆU KÍ HOẠ TRONG BỐ CỤC TRANH. | – Nêu được cách sử dụng tư liệu kí hoạ dáng người để tạo bố cục tranh.  – Tạo được bố cục tranh từ các hình kí hoạ đã chuẩn bị.  – Chỉ ra được nét đẹp về nhịp điệu của các dáng người trong tranh và bài vẽ.  – Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng tư liệu kí hoạ chung. |
| 5-6 | **CHỦ ĐỀ: KĨ THUẬT VÀ CHẤT LIỆU** | 2 | Bài 3:  VẼ TRANH SIÊU THỰC | – Nêu được nét đặc trưng về hình, không gian của nghệ thuật siêu thực.  – Vẽ được một bức tranh theo phong cách siêu thực lấy cảm hứng từ một tác phẩm siêu thực.  – Chỉ ra được cảm xúc thẩm mĩ của hình, không gian trong tranh siêu thực.  – Tôn trọng sự khác biệt về ý tưởng và thẩm mĩ trong sáng tạo nghệ thuật. |
| 7-8 | 2 | Bài 4:  TẠO TÁC PHẨM THEO THỂ LOẠI  ĐIÊU KHẮC CÂN BẰNG ĐỘNG | – Nêu được cách tạo tác phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động.  – Tạo được tác phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động từ vật liệu đã qua sử dụng.  – Vận dụng được kiến thức, kĩ năng trong bài học để tạo các sản phẩm mĩ thuật.  – Chia sẻ được ý nghĩa của việc sử dụng vật liệu đã qua sử dụng trong học tập và trong cuộc sống. |
| 9-10 | 2 | Bài 5:  THIẾT KẾ THỜI TRANG TỪ TRANG PHỤC ĐÃ QUA SỬ DỤNG.  (Kiểm tra giữa kì 1) | – Nêu được cách tận dụng trang phục đã qua sử dụng tạo sản phẩm thời trang mới.  – Tạo được sản phẩm thời trang đơn giản từ trang phục đã qua sử dụng.  – Vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để thiết kế được trang phục.  – Chia sẻ được ý nghĩa của việc tận dụng trang phục đã qua sử dụng vì sự phát triển bền vững. |
| 11-12 | **CHỦ ĐỀ: THƯƠNG HIỆU VÀ SẢN PHẨM** | 2 | Bài 6:  THIẾT KẾ  ĐỒ LƯU NIỆM | – Nêu được cách thiết kế và tạo mẫu đồ lưu niệm dạng hình khối 3D.  – Tạo được mô hình đồ lưu niệm mang nét đặc trưng riêng của địa phương.  – Vận dụng được kĩ thuật tạo hình 3D làm đồ chơi, đồ lưu niệm tặng người thân.  – Biết trân trọng vẻ đẹp đặc trưng của lịch sử địa phương và chia sẻ thông điệp văn hoá.  -Lồng ghép GDQPAN  – Tạo được mô hình đồ lưu niệm mang nét đặc trưng riêng của địa phương.  – Biết trân trọng vẻ đẹp đặc trưng của lịch sử địa phương và chia sẻ thông điệp văn hoá. |
| 13-14 | 2 | Bài 7:  THIẾT KẾ VÀ TRANG TRÍ BAO BÌ | – Nêu được cách thiết kế và trang trí bao bì cho một thương hiệu.  – Tạo được bao bì có hình, màu, logo liên quan đến sản phẩm đồ lưu niệm được tạo ra từ bài trước.  – Vận dụng được kiến thức, kĩ năng của bài học để thiết kế bao bì trong cuộc sống.  – Có ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm trong cuộc sống. |
| 15-16 | 2 | Bài 8:  THIẾT KẾ  TỜ GẤP  (Kiểm tra cuối kì 1) | – Nêu được vai trò của hình ảnh, màu sắc và chữ trong thiết kế tờ gấp giới thiệu – quảng cáo.  – Tạo được tờ gấp giới thiệu – quảng cáo cho sản phẩm của bài học trước.  – Vận dụng được kiến thức của bài học để nhận diện các thương hiệu trong cuộc sống.  – Chia sẻ được trách nhiệm cá nhân trong việc tuyên truyền, quảng bá sản phẩm và nét đẹp văn hoá của quê hương. |
| 17 |  | TỔNG KẾT  HỌC KÌ I: Trưng bày sản phẩm mĩ thuật | – Nêu được tên và hình thức mĩ thuật đặc trưng của các bài học ở học kì I.  – Lựa chọn và trưng bày được sản phẩm mĩ thuật có chất lượng từ các bài đã học.  – Vận dụng được cách đánh giá bài học để phân tích nét đẹp văn hoá, xã hội trong các tác phẩm mĩ thuật.  – Chia sẻ được sự tôn trọng khi thảo luận và đánh giá kết quả học tập. |
| 18-19 | **CHỦ ĐỀ: TẠO HÌNH NHÂN VẬT VÀ SÂN KHẤU**  **BIỂU DIỄN RỐI DÂY** |  | Bài 9:  TẠO HÌNH NHÂN VẬT  RỐI DÂY | – Nhận biết được hình thức nghệ thuật và cách tạo hình rối dây đơn giản.  – Tạo được hình rối dây bằng vật liệu đã qua sử dụng.  – Vận dụng được kĩ thuật tạo hình rối làm đồ chơi, đồ dùng học tập.  – Có ý thức bảo tồn và phát triển nghệ thuật sân khấu rối. |
| 20-21 | 2 | Bài 10: THIẾT KẾ  SÂN KHẤU BIỂU DIỄN  RỐI DÂY | – Nêu được nét đặc trưng và cách tạo mô hình sân khấu biểu diễn rối dây.  – Tạo được mô hình sân khấu biểu diễn rối dây từ vật liệu đã qua sử dụng.  – Vận dụng được kiến thức của bài học để trang trí sân khấu trong các hoạt động ở trường, lớp.  – Có ý thức tìm hiểu nghệ thuật múa rối của Việt Nam và tự hào về nghệ thuật múa rối nước truyền thống.  - Lồng ghép GDQPAN  – Tạo được mô hình sân khấu biểu diễn rối dây từ vật liệu đã qua sử dụng.  – Có ý thức tìm hiểu nghệ thuật múa rối của Việt Nam và tự hào về nghệ thuật múa rối nước truyền thống. |
| 22-23 | **CHỦ ĐỀ: NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI THẾ GIỚI** |  | Bài 11:  VẼ TRANH THEO  PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT POP ART | – Nêu được nét đặc trưng về màu sắc và hình thức thể hiện tranh của nghệ thuật Pop art.  – Vẽ được bức tranh theo phong cách nghệ thuật Pop art.  – Vận dụng được cách phối màu của nghệ thuật Pop art trong thiết kế, trang trí, sản phẩm.  – Có ý thức chọn lọc tinh hoa mĩ thuật thế giới trong học tập và cuộc sống. |
| 24-25 | 2 | Bài 12:  PHIM THỂ NGHIỆM NGHỆ THUẬT (VIDEO ART) | – Nêu được quy trình làm video art ở mức độ đơn giản.  – Quay được tư liệu để tạo nguồn cho bộ phim ngắn theo chủ đề đã xác định.  – Biên tập được nội dung và hình ảnh trên phần mềm tương ứng.  – Có ý thức sử dụng video art để tuyên truyền về một số chủ đề như: nhà trường, quê hương,... |
| 26-27 | **CHỦ ĐỀ: NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM** |  | Bài 13:  TRANH IN ĐƯƠNG ĐẠI | – Nêu được cách tạo bức tranh với bản in từ các hình cắt giấy.  – Tạo được bức tranh từ khuôn in bằng giấy bìa.  – Chỉ ra được sự đa dạng về hình thức và chất liệu tạo hình trong tranh đương đại Việt Nam.  – Có ý thức tìm hiểu vẻ đẹp thẩm mĩ trong tranh in đương đại Việt Nam. |
| 28-29 |  | Bài 14:  NGHỆ THUẬT SẮP ĐẶT  (Kiểm tra giữa kì 2) | – Nêu được khái quát về đặc điểm nghệ thuật và cách tạo một sản phẩm sắp đặt.  – Tạo được sản phẩm sắp đặt theo nhóm, thể hiện được tính sáng tạo.  – Vận dụng được kiến thức trong bài học để nhận biết được sự phong phú trong cách thức thể hiện các tác phẩm của nghệ thuật sắp đặt.  – Chia sẻ được giá trị của nghệ thuật sắp đặt trong cuộc sống. |
| 30-31 | **CHỦ ĐỀ: HƯỚNG NGHIỆP** |  | Bài 15:  KHÁI QUÁT VỀ NGÀNH NGHỀ LIÊN QUAN ĐẾN MĨ THUẬT ỨNG DỤNG | – Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng trong cuộc sống.  – Tạo được sản phẩm giới thiệu về một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng.  – Vận dụng được kiến thức trong bài học để định hướng ngành nghề phù hợp với bản thân.  – Chia sẻ được vai trò và giá trị của các ngành nghề thuộc Mĩ thuật ứng dụng trong đời sống. |
| 32-33 |  | Bài 16:  ĐẶC TRƯNG CỦA MỘT SỐ NGHỀ LIÊN QUAN ĐẾN MĨ THUẬT ỨNG DỤNG  (Kiểm tra cuối kì 2) | – Phân tích được nét đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng.  – Tạo được sản phẩm giới thiệu nét đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng.  – Vận dụng được những kiến thức của bài học để định hướng về nghề nghiệp của bản thân.  – Chia sẻ được về một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng có tiềm năng phát triển trong tương lai. |
| 34-35 |  |  | TỔNG KẾT HỌC KÌ II:  TRƯNG BÀY SẢN PHẨM  MĨ THUẬT | – Nêu được tên và hình thức mĩ thuật đặc trưng của các bài học trong học kì II.  – Lựa chọn và trưng bày được sản phẩm mĩ thuật có chất lượng từ các bài đã học.  – Vận dụng được những kiến thức được học để phân tích, đánh giá sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.  – Thể hiện được sự trân trọng đối với các ý kiến khi thảo luận, đánh giá. |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| **Giữa học kỳ 1** | 45 phút | Tuần 10 | - Các sản phẩm và bài vẽ của HS đạt những yêu cầu theo nội dung chương trình | Thực hành |
| **Cuối học kỳ 1** | 45 phút | Tuần 16 | - Các sản phẩm và bài vẽ của HS đạt những yêu cầu theo nội dung các chủ đề | Thực hành |
| **Giữa học kỳ 2** | 45 phút | Tuần 28 | - Các sản phẩm và bài vẽ của HS đạt những yêu cầu theo nội dung chương trình | Thực hành |
| **Cuối học kỳ 2** | 45 phút | Tuần 32 | - Các sản phẩm mô hình của HS đạt những yêu cầu theo nội dung các chủ đề | Thực hành |

**\*MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/ thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy chiếu | 4 |  |  |
| 2 | Video các hoạt động đền ơn đáp nghĩa tỉnh Quảng Nam | 2 |  |  |
| 3 | Lược đồ hành chính tỉnh Quảng Nam năm 2020 | 2 |  |  |
| 4 | Lược đồ tự nhiên tỉnh Quảng Nam | 2 |  |  |
| 5 | Một số tranh ảnh, video liên quan đến các chủ đề | Không hạn định | Các tiết dạy |  |
|  |  |  |  |  |

1. **Kế hoạch dạy học GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 6**

**Phân phối chương trình:**

**CẢ NĂM: 35 tiết (**HKI: 18 tiết, HKII: 17 tiết**)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học/Chủ đề**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| 1 | Quảng Nam, từ nguồn gốc đến thế kỉ X | 5 | Trình bày được những nét chính về lịch sử hình thành và phát triển tỉnh Quảng Nam. – Nhận biết được những nét cơ bản về tình hình kinh tế, xã hội và thành tựu văn hoá của 2 nền văn hoá Sa Huỳnh và Chăm-pa ở Quảng Nam. – Tự hào và có ý thức trách nhiệm gìn giữ những thành tựu của 2 nền văn hoá Sa Huỳnh và Chăm-pa ở Quảng Nam.  - Lồng ghép QPAN: Giới thiệu một số tranh ảnh về khu du lịch ở Quảng Nam, nêu lên được những khó khăn của các chú công an khi bảo vệ khu du lịch đó. |
| 2 | Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên tỉnh Quảng Nam | 3 | – Trình bày được đặc điểm chính về vị trí địa lí, lănh thổ và các điều kiện tự nhiên của tỉnh Quảng Nam. – Xác định được địa giới hành chính Quảng Nam trên bản đồ. – Nêu được những ảnh hưởng của vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên đến sản xuất và đời sống ở Quảng Nam. – Giáo dục học sinh ý thức và có hành động thiết thực, phù hợp góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. |
| 3 | Kiểm tra giữa kì I | 1 | HS làm bài theo đề |
| 4 | Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên tỉnh Quảng Nam(tt) | 2 |  |
| 5 | Di sản văn hóa vật thể ở tỉnh Quảng Nam. | 5 | – Nắm được khái niệm di sản văn hoá vật thể; có hiểu biết ban đầu về khu đền tháp Mỹ Sơn, một trong hai di sản văn hoá ở Quảng Nam được UNESCO công nhận Di sản văn hoá thế giới. – Hình thành ý thức bảo tồn và cách ứng xử phù hợp với di sản văn hoá vật thể. – Truyền thông được những giá trị của di sản văn hoá vật thể đối với người thân và cộng đồng.  Lồng ghép QPAN: - Giới thiệu tranh ảnh về hai di sản văn hóa thế giới là Phố cổ Hội An và khu đền tháp Mỹ Sơn. |
| 6 | Ôn tập kiểm tra cuối kì I | 1 | Hệ thống lại kiến thức đã học:  - Quảng Nam, từ nguồn gốc đến thế kỉ X  - Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên tỉnh Quảng Nam  - Di sản văn hóa vật thể ở tỉnh Quảng Nam. |
| 7 | Kiểm tra cuối kì I | 1 | HS làm bài theo đề: |
|  | **HỌC KÌ II** | | |
| 8 | Làng nghề truyền thống ở Quảng Nam | 5 | – Biết được một số làng nghề truyền thống tiêu biểu ở Quảng Nam. – Nắm được quy trình, kĩ năng chế tác sản phẩm của một số làng nghề. – Có ý thức giữ gìn và phát huy giá trị của các làng nghề. |
| 9 | Nếp sống văn hóa, văn minh ở tỉnh Quảng Nam | 2 | – Hiểu được khái niệm nếp sống văn minh, vai trò của việc xây dựng nếp sống văn hoá văn minh. – Nêu được một số hoạt động xây dựng nếp sống văn hoá, văn minh ở Quảng Nam. – Có ý thức xây dựng, giữ gìn nếp sống văn hoá, văn minh. |
| 10 | Kiểm tra giữa kì II | 1 | HS làm bài theo đề |
| 11 | Nếp sống văn hóa, văn minh ở tỉnh Quảng Nam(tt) | 2 |  |
| 12 | Hoạt động đền ơn đáp nghĩa trên địa bàn tỉnh Quảng Nam | 5 | – Nêu được một số hoạt động đền ơn đáp nghĩa ở tỉnh Quảng Nam. – Trình bày được ý nghĩa của hoạt động đền ơn đáp nghĩa. – Hiểu được trách nhiệm của bản thân đối với hoạt động đền ơn đáp nghĩa. |
| 13 | Ôn tập kiểm tra cuối kì II | 1 | Hệ thống lại kiến thức đã học:  - Làng nghề truyền thống ở Quảng Nam  - Hoạt động đền ơn đáp nghĩa trên địa bàn tỉnh Quảng Nam  - Nếp sống văn hóa, văn minh ở tỉnh Quảng Nam |
| 14 | Kiểm tra cuối kì II | 1 | HS làm bài theo đề: |

**Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Giữa kì I | 45 phút | Tuần 9 | **-**Củng cố kiến thức các bài đã học ở chủ đề 1.  - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. | Viết trên giấy |
| Cuối kì I | 45 phút | Tuần 18 | - Củng cố kiến thức các bài đã học ở chủ đề 1 và 2.  - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. | Viết trên giấy |
| Giữa kì II | 45 phút | Tuần 26 | **-**Củng cố kiến thức các bài đã học ở chủ đề 3, 4.  - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. | Viết trên giấy |
| Cuối kì II | 45 phút | Tuần 35 | **-**Củng cố kiến thức các bài đã học ở chủ đề 3,4,5.  - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. | Viết trên giấy |

**Kế hoạch dạy học[[5]](#footnote-5) GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 8**

**Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 | Quảng Nam từ đầu thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX | 5 | -Trình bày những nét nổi bật về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của Quảng Nam từ đầu thế kỉ XVI đến hết thế kỉ XVIII.  - Nêu khái quát phong trào chống Pháp của nhân dân Quảng Nam từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XIX.  - Tự hào và thể hiện được lòng yêu nước, thái độ trân trọng đối với những thành tựu cha ông đã đạt được, có ý thức góp phần bảo vệ và xây |
| 2 | Tài nguyên rừng và biển ở tỉnh Quảng Nam | 3 | – Trình bày được đặc điểm chính về tài nguyên rừng và biển ở Quảng Nam.  -Nhận biết được hiện trang khai thác, sử dụng tài nguyên rừng và biển ở địa phương.  -Trình bày được một số đề xuất về biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng và biển ở địa phương.  - Hiểu được một vài giải pháp và định hướng tìm hiểu một thành phần của môi trường tự nhiên qua tài liệu hoặc tham quan ở địa phương.  Lồng ghép QPAN: Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển đảo đất nước Việt Nam. |
| 3 | Kiểm tra giữa kỳ 1 | 1 | -HS làm bài theo đề |
| 4 | Tài nguyên rừng và biển ở tỉnh Quảng Nam(tt) | 2 |  |
| 5 | Di sản văn hoá phi vật thể ở tỉnh Quảng Nam | 5 | - Kể tên được một số di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của tỉnh quảng Nam  - Nhận biết được các loại hình di sản văn hóa phi vật thể ở địa phương.  - Trình bày được những nét cơ bản của di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu thuộc loại hình nghệ thuật trình điễn dân gian ở tỉnh Quảng Nam: Nghệ thuật Bài chòi, múa Tân’Tung Da’dá.  - Nêu được một số biện pháp mà tỉnh Quảng Nam đã thực hiện để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở địa phương.  - Nắm được những việc làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần giữ gìn và phát huy giá trị của di sản văn hóa phi vật thể ở địa phương.  Lồng ghép QPAN: Bồi dưỡng cho học sinh lòng yêu quê hương đất nước, tự hào về truyền thống dân tộc. |
| 6 | Ôn tập kiểm tra cuối kì I | 1 | Hệ thống lại kiến thức đã học:  - Quảng Nam từ đầu thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX  - Tài nguyên rừng và biển ở tỉnh Quảng Nam  - Di sản văn hoá phi vật thể ở tỉnh Quảng Nam. |
| 7 | Kiểm tra cuối kì I | 1 | HS làm bài theo đề. |
| HỌC KỲ 2 | | | |
| 8 | Những xu hướng trong phát triển công nghiệp theo ngành ở tỉnh Quảng Nam | 5 | -Trình bày được những xu hướng chính trong phát triển công nghiệp theo ngành của tỉnh Quảng Nam.  - Trình bày được tình hình phát triển một số ngành công nghiệp tiêu biểu trong nhóm ngành công nghiệp định hướng của tỉnh.  - Biết được xu hướng phát triển, khả năng tạo việc làm từ các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần giúp học sinh định hướng nghề nghiệp tương lai. |
| 9 | Nếp sống văn hoá của các dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Quảng Nam | 2 | – Trình bày được tên một số dân tộc thiểu số có dân số đông và định cư lâu dài trên vùng đất Quảng Nam.  -Trình bày được một số phong tục, tập quán tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Quảng Nam.  - Hiểu được trách nhiệm của bản thân trong việc gìn giữ và phát huy nếp sống văn hóa truyền thống của dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Quảng Nam.  Lồng ghép QPAN: Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biên giới, an ninh vùng biên giới, đảm bảo an ninh quốc phòng miền núi. |
| 10 | Kiểm tra giữa ki 2 | 1 | -HS làm bài theo đề |
| 11 | Nếp sống văn hoá của các dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Quảng Nam(tt) | 2 | – Trình bày được tên một số dân tộc thiểu số có dân số đông và định cư lâu dài trên vùng đất Quảng Nam.  -Trình bày được một số phong tục, tập quán tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Quảng Nam.  - Hiểu được trách nhiệm của bản thân trong việc gìn giữ và phát huy nếp sống văn hóa truyền thống của dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Quảng Nam. |
| 12 | Sự đa dạng sinh học ở tỉnh Quảng Nam | 5 | -Trình bày được sự đa dạng sinh học ở tỉnh Quảng Nam.  -Nêu được vai trò của sự đa dạng sinh học ổ tỉnh Quảng Nam.  - Có ý thức và hành động thiết thực để bảo tồn sự đa dạng sinh học ở tỉnh Quảng Nam. |
| 13 | Ôn tập kiểm tra cuối kì II | 1 | Hệ thống lại kiến thức đã học:  - Làng nghề truyền thống ở Quảng Nam  - Hoạt động đền ơn đáp nghĩa trên địa bàn tỉnh Quảng Nam  - Nếp sống văn hóa, văn minh ở tỉnh Quảng Nam |
| 14 | Kiểm tra cuối kì II | 1 | HS làm bài theo đề |

**Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | - Củng cố kiến thức các bài đã học ở chủ đề 1,2.  - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. |  |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | - Củng cố kiến thức các bài đã học ở chủ đề 1,2 và 3.  - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. |  |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | - 65.2 chbài theo chủ đề HỌC KỲ 2Củng cố kiến thức các bài đã học ở chủ đề 4, 5.  - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. |  |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | -Củng cố kiến thức các bài đã học ở chủ đề 4,5,6  - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. |  |

**\*MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9**

**1. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm,thực hành | Ghi chú |
| 1 | - Bộ tranh minh họa về các hoạt động cồng đồng  - Bộ tranh về hình ảnh hoạt động bảo vệ hòa bình, cách thức quản lý thời gian hiệu quả | 4 |  |  |
| 2 | - Máy chiếu, video về các hành vi tiêu dùng thông minh, hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý | 4 |  |  |
| … | … |  |  |  |

**2.Kế hoạch dạy học**

**Phân phối chương trình**

| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | Bài 1: Sống có lí tưởng | 3 | **1. Kiến thức**  - Nêu được khái niệm sống có lí tưởng.  - Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.  - Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.  **2. Năng lực**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản giúp mỗi cá nhân biết sống có lý tưởng.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các lý tưởng cao đẹp của bản thân.  - Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân: Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.  **3. Phẩm chất**  Yêu nước: Tích cực học tập, lao động, rèn luyện sức khoẻ, tham gia các hoạt động tập thể, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, dân tộc.  Tích hợp lồng ghép GD QPAN:- Giáo dục học sinh các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, trách nhiệm, ý thức, trách nhiệm của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. |
| **2** | Bài 2: Khoan dung | 2 | **1. Kiến thức**  - Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.  - Nhận biết được giá trị của khoan dung.  **2. Năng lực**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khoan dung.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến khoan dung.  - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.  **3. Phẩm chất**  - Nhân ái: Có lòng khoan dung, độ lượng, vị tha trong cuộc sống.  - Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở sự khoan dung, tha thứ với những sai lầm của người khác để cùng nhau sống tốt đẹp hơn. |
| **3** | Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng | 3 | **1. Kiến thức**  - Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng, nêu được một số hoạt động cộng đồng  - Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng  - Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.  **2. Năng lực**  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công khi tham gia vào hoạt động cộng đồng.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan khi tham gia vào hoạt động cộng đồng.  - Năng lực điều chỉnh hành vì và phát triển bản thân. Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.  **3. Phẩm chất**  - Nhân ái và trách nhiệm trong việc tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng  - Chăm chỉ: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cộng đồng phù hợp với lứa tuổi.  - Trách nhiệm: Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng. |
| **4** | Bài 4: Khách quan và công bằng | 2 | **1. Kiến thức**  - Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng.  - Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng, tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.  **2. Năng lực**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khách quan, công bằng.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến khách quan, công bằng.  - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.  - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về khách quan và công bằng; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về khách quan và công bằng trong đời sống thực tế;  **3. Phẩm chất**  - Trung thực: Có thái độ và hành động khách quan, công bằng trong cuộc sống.  - Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống |
| **5** | Bài 5: Bảo vệ hoà bình | 3 | **1. Kiến thức**  - Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình.  - Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.  - Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.  **2. Năng lực**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ hoà bình.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận biết được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình; Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình; phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.  **3. Phẩm chất**  - Yêu nước, nhân ái và trách nhiệm trong việc bảo vệ hoà bình.  - Chăm chỉ, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động việc bảo vệ hoà bình phù hợp với lứa tuổi.  - Có trách nhiệm trong việc việc bảo vệ hoà bình.  Tích hợp lồng ghép GD QPAN:- Giới thiệu một số bài hát, hình ảnh ca ngợi truyền thống vẻ vang của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam; trong việc bảo vệ hòa bình; trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ hào bình. |
| **6** | Bài 6: Quản lí thời gian hiệu quả | 3 | **1. Kiến thức**  - Hiểu được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả.  - Nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả.  - Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả.  **2. Năng lực**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quản lí thời gian hiệu quả.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến việc quản lí thời gian hiệu quả  - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong quản lí thời gian hiệu quả  - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về quản lí thời gian hiệu quả; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về quản lí thời gian cá nhân  - Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận thức được những ưu tiên trong cuộc sống, những việc cần làm và những việc muốn làm để có thể sắp xếp thời gian và công việc một cách hợp lí. Thiết lập được thời gian biểu phù hợp để thực hiện được các mục tiêu cá nhân.  **3. Phẩm chất**  - Có trách nhiệm trong việc quản lí thời gian để đạt hiệu quả trong học tập, công việc và cuộc sống.  - Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi  - Có trách nhiệm trong việc xác định quản lí thời gian cá nhân |
| **7** | Bài 7: Thích ứng với thay đổi | 3 | **1. Kiến thức**  - Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.  - Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.  - Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.  **2. Năng lực**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thích ứng với thay đổi.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thích ứng với thay đổi.  - Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích đánh giá được một số thích ứng với thay đổi trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống, tham gia các hoạt động thích ứng với thay đổi bản thân trong thực tiễn.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động thích ứng với thay đổi  Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận biết và điều chỉnh để thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.  **3. Phẩm chất**  Trách nhiệm: Có trách nhiệm với cuộc sống của bản thân và những người xung quanh, hỗ trợ người gặp khó khăn trước những thay đổi trong hoàn cảnh sống.  Nhân ái: Trân trọng những giá trị hiện tại, tích cực chủ động tìm hiểu để điều chỉnh hành vi cho phù hợp. |
| **8** | Bài 8: Tiêu dùng thông minh | 4 | **1. Kiến thức**  - Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.  - Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết được những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).  **2. Năng lực**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về tiêu dùng thông minh.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến tiêu dùng thông minh.  - Năng lực điều chỉnh hành vi: Đánh giá được hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.  - Năng lực phát triển bản thân: Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.  - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, học hỏi những hành vi tiêu dùng thông minh trong đời sống xã hội; khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.  **3. Phẩm chất**  - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện tiêu dùng thông minh và giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.  - Chăm chỉ: Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch tiêu dùng thông minh. |
| **9** | Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. | 4 | **1. Kiến thức**  - Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.  - Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí  **2. Năng lực**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.  - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong đời sống thực tiễn.  - Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể; nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.  **3. Phẩm chất**  - Trách nhiệm: Có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, có ý thức tích cực trong việc ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.  - Nhân ái: Tôn trọng danh dự, sức khoẻ của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi vi phạm pháp luật  Tích hợp lồng ghép GD QPAN: - Giáo dục học sinh có ý thức tổ chức kỉ luật, tinh thần đoàn kết và tự giác chấp hành các quy định của pháp luật. |
| **10** | Bài 10: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế | 4 | **1. Kiến thức**  - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.  - Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.  **2. Năng lực**  - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế..  - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế..  - Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.  - Năng lực tìm hiểu và thẩm gia hoạt động kinh tế - xã hội: Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia tìm hiểu các hoạt động liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với lứa tuổi  - Trách nhiệm: trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, tích cực vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế  Tích hợp lồng ghép GD QPAN: - Một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. |

**. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá**  **(1)** | **Thời gian (2)** | **Thời điểm (3)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(4)** | **Hình thức**  **(5)** |
| Kiểm tra giữa kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | Yêu cầu cần đạt của bài 1, 2, 3 | Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả |
| Kiểm tra cuối kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | Yêu cầu cần đạt của bài 1, 2, 3, 4, 5, 6 | Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả |
| Kiểm tra giữa kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | Yêu cầu cần đạt của bài 7, 8. | Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả |
| Kiểm tra cuối kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | Yêu cầu cần đạt của bài 7, 8, 9, 10 | Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả |

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ TRƯỞNG  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  D:\NGOC 2022-2023\hung-removebg-preview.png    Lý Như Hùng | *Núi Thành, ngày 03 tháng 09 năm 2024*  HIỆU TRƯỞNG  *(Ký và ghi rõ họ tên*  C:\Users\ADMIN\Downloads\Chữ_kí_có_dấu-removebg-preview.png  Lê Minh Tuấn |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)
3. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-3)
4. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-4)
5. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-5)